



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

9

TẬP HAI

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu góp ý

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

9

TẬP HAI

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản truyện truyền kì, truyện trình thám muốn gửi đến người đọc thông qua một số yếu tố hình thức nghệ thuật như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện,...; thấy được tác động của văn bản đối với cá nhân người đọc.
- Có hiểu biết về cách biến đổi, mở rộng cấu trúc câu và áp dụng được vào hoạt động nói, viết.
- Viết được một truyện kể sáng tạo; sử dụng được các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi viết truyện.
- Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...) và lắng nghe, trao đổi về nội dung, nghệ thuật của câu chuyện được kể.
- Cảm thông với những người có số phận kém may mắn; có ý thức đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu; không tham lam, hưởng thụ trên nỗi đau của người khác.

Kiến thức ngữ văn

1. Truyện truyền kì và truyện trình thám

– Truyện truyền kì là loại tác phẩm tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc, kể về những chuyện kì lạ, trong đó, cốt truyện thường được xây dựng dựa trên những câu chuyện trong dân gian. Nhân vật chính chủ yếu là những người bình dân (người đi buôn, nông dân, kĩ nữ,...), gắn với những vấn đề của cuộc sống đời thường (hạnh phúc gia đình, tình yêu nam nữ,...). Có một số nhân vật như thần, phật, vua, quan,... nhưng cũng được khắc hoạ ở phương diện con người thường nhật, cá nhân,... Điểm nổi bật ở truyện truyền kì là sử dụng nhiều yếu tố kì lạ, kì ảo nhưng nội dung của truyện

lại thường là những vấn đề của đời sống nhân sinh. Không gian, thời gian, sự việc, con người,... có sự kết hợp giữa những chi tiết có thật với không có thật, vừa ở thế giới siêu nhiên vừa gắn với những số phận đời thường. Trong truyện, không gian cõi trần và cõi âm, con người và thánh thần, ma quỷ có sự hoà trộn, kết nối. Con người có thể chết đi sống lại, khi ở dương gian, lúc ở địa phủ; có thể “phiêu diêu trong trong thế giới ảo huyền ở cả bốn cõi không gian... và hành trình trong thời gian phi tuyến tính”⁽¹⁾.

– Truyện trinh thám là truyện viết về việc điều tra, khám phá các vụ án hoặc những bí mật cần được đưa ra ánh sáng. Truyện thường bắt đầu bằng một sự việc bất ngờ hoặc tình huống gay cấp (ví dụ: án mạng, mất tích, mất trộm,...), kể đó là những diễn biến căng thẳng, kịch tính để rồi tất cả được giải quyết ở phần cuối của câu chuyện. Đó cũng là thời điểm sự thật được hé lộ, bản chất của sự việc được phơi bày và những kẻ gây án sẽ bị vạch trần, bắt giữ hoặc thậm chí bị tiêu diệt. Nhân vật chính của truyện trinh thám thường là các thám tử hoặc điều tra viên. Nhìn chung, họ là những người có khát vọng truy tìm sự thật, dám đấu tranh cho lẽ phải, kiên quyết chống lại cái ác, cái xấu; đặc biệt, họ có óc quan sát, rất giàu trí tưởng tượng, biết tìm kiếm, kết nối, tổng hợp thông tin và giải pháp đoán, suy luận lô gích.

2. Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu

– Biến đổi cấu trúc câu là thay đổi kiểu cấu tạo câu mà không làm thay đổi cơ bản nghĩa của câu. Sự biến đổi cấu trúc của câu thường nhằm mục đích nhấn mạnh ý, tăng cường sự liên kết câu hoặc làm cho cách diễn đạt phong phú, sinh động hơn. Các kiểu biến đổi cấu trúc câu thường gặp là:

+ Thay đổi trật tự các thành phần trong câu. Ví dụ, chuyển vị ngữ lên trước chủ ngữ: “Hạ Long vào buổi sớm mùa xuân thật huyền ảo. Giữa màn sương bạc mông lung, **nhô lên thấp thoáng** những đỉnh đảo xanh đen, bóng bễnh, lúc ẩn lúc hiện.” (Thị Sảnh).

+ Biến đổi câu chủ động (câu có chủ ngữ chỉ chủ thể của hoạt động tác động vào đối tượng) thành câu bị động (câu có chủ ngữ chỉ đối tượng của hoạt động). Ví dụ: “Chất đã hắt đổ chiếc lọ thuỷ tinh từ trên bàn xuống.” (Trần Đức Tiến) → *Chiếc lọ thuỷ tinh đã bị Chất hắt đổ từ trên bàn xuống.*

– Mở rộng cấu trúc câu là thêm thành phần phụ, thành phần biệt lập cho câu hoặc mở rộng các thành phần câu nhằm biểu thị rõ ràng, chính xác nội dung cần diễn đạt hoặc thể hiện các sắc thái tình cảm, sự đánh giá của người nói (người viết) đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu. Ví dụ, trong câu “**Mùa đông, giữa ngày mùa**, làng quê toàn màu vàng.” (Tô Hoài), trạng ngữ (in đậm) được thêm vào để nêu rõ bối cảnh (thời gian) của đặc điểm (*toàn màu vàng*) mà tác giả miêu tả ở vị ngữ.

(1) Nguyễn Đăng Na, *Đặc điểm văn học trung đại – Những vấn đề văn xuôi tự sự*, Nhà xuất bản (NXB) Giáo dục, 2002.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Chuyện người con gái Nam Xương^(*)

(Trích *Truyện kì mạn lục*⁽¹⁾)

NGUYỄN DŨ^(**)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(***)
- Khi đọc hiểu văn bản truyện truyền kì, bên cạnh các yêu cầu chung về đọc hiểu văn bản truyện theo đặc trưng thể loại, các em cần chú ý thêm những yếu tố sau:^(****)
 - + Phát hiện và đánh giá ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố kì lạ, kì ảo (nhân vật thần, tiên, ma quỷ; cõi tiên, địa ngục, thủy cung,...).
 - + Phân tích mối quan hệ giữa yếu tố thực và yếu tố kì lạ, kì ảo trong văn bản, qua đó, tìm hiểu, xác định quan điểm, thái độ của người viết.
 - + Suy nghĩ về những vấn đề có ý nghĩa nhân sinh mà truyện đặt ra và liên hệ với cuộc sống ngày nay.
- Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Dữ và tập truyện *Truyện kì mạn lục*.
- Đọc toàn bộ văn bản và ghi lại những cảm nhận hoặc ấn tượng đầu tiên của em.

2 Đọc hiểu

① Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thủy mị, nét na, lại thêm tư dung⁽²⁾ tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh⁽³⁾, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà⁽⁴⁾. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc. Trương tuy con nhà hào phú⁽⁵⁾ nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu. [...]

Nhân vật Vũ Thị Thiết và Trương Sinh được giới thiệu thế nào?

(*) Tên chữ Hán của tác phẩm là *Nam Xương nữ tử truyện*. Có ý kiến cho rằng nên dịch tên truyện là *Chuyện người thiếu phụ Nam Xương*. Sách giáo khoa lấy tên truyện theo bản dịch đã dẫn của NXB Văn hoá. *Nam Xương*: nay thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

(**) Tác giả Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất), sống ở thế kỉ XVI, quê ở Hải Dương.

(***), (****) Khi đọc hiểu văn bản truyện truyền kì khác trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

(1) *Truyện kì mạn lục* (Ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền): tác phẩm viết bằng chữ Hán, gồm hai mươi truyện.

(2) *Tư dung*: hình dáng và vẻ mặt của người phụ nữ.

(3) *Dung hạnh*: nhan sắc và đức hạnh.

(4) *Thất hoà*: mất sự hoà thuận.

(5) *Hào phú*: nhà giàu và có thế lực.

Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:

– Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm⁽¹⁾ trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì⁽²⁾, khiến cho tiện thiếp bận khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trong liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú⁽³⁾! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

Vũ Thị Thiết muốn nhắn gửi điều gì với chồng qua lời đối thoại này?

Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành dứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san⁽⁴⁾!

Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đầy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoát đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được. Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dần sinh ốm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trời⁽⁵⁾ lại với nàng rằng:

– Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gượng ăn miếng cơm miếng cháo đặng cùng vui sum họp. Song, lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền⁽⁶⁾, số cùng khí kiệt⁽⁷⁾. Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn được. Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.

② Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trời, việc quân kết thúc. Trương Sinh về tới nhà, được biết mẹ đã qua đời, con vừa học nói. Chàng hỏi mẹ, rồi bế đứa con nhỏ đi thăm; đứa trẻ không chịu, ra đến đồng, nó quấy khóc. Sinh dỗ dành:

– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

(1) *Đeo ấn, phong hầu, mặc áo gấm*: được vẻ vang, vinh hoa phú quý (*ấn, ấn phù*: thẻ bằng ngà, ngọc hoặc kim loại, trên đó có đóng dấu hoặc phù hiệu, thường là của vua, chúa ban cho những người có công trạng lớn).

(2) *Mùa dưa chín quá kì*: ý nói kì hạn đã qua mà chồng vẫn chưa được về.

(3) *Đất thú*: miền đất xa xôi nơi biên cương hiểm trở.

(4) *Quan san*: nơi biên ải, rừng núi.

(5) *Trời*: đấng đấng cuối trước khi mất.

(6) *Nước hết chuông rền*: ý nói thời gian trôi nhanh, đời người đến hồi kết.

(7) *Số cùng khí kiệt*: số mệnh đã hết, sức lực đã cạn.

Đứa con ngây thơ nói:

– Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.

Tình huống bất ngờ nào xuất hiện?

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:

– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

Tính chàng hay ghen, nghe con nói vậy, đinh ninh là vợ hư, mỗi nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được.

Về đến nhà, chàng la um lên cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng:

– Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết⁽¹⁾. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa⁽²⁾ chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.

Vũ Thị Thiết đã có những lời nói nào khi bị chồng nghi ngờ?

Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:

– Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất⁽³⁾. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.

Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang⁽⁴⁾ ngửa mặt lên trời mà than rằng:

– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỹ Nương⁽⁵⁾, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ⁽⁶⁾. Nhược bằng lòng chim dạ cá⁽⁷⁾, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

(1) Một tiết: giữ gìn tiết hạnh, thủy chung.

(2) Ngõ liễu tường hoa: chỉ nơi có những quan hệ nam nữ không đúng mực.

(3) Nghi gia nghi thất: nên cửa nên nhà, thành vợ thành chồng.

(4) Hoàng Giang: con sông chảy qua huyện Nam Xương.

(5) Ngọc Mỹ Nương: theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết Mỹ Châu – Trọng Thủy, ý nói đến chết vẫn trong sáng.

(6) Cỏ Ngu mĩ: theo tích truyện về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ, đã rút gươm tự vẫn khi Hạng Vũ thua trận; hồn Ngu Cơ hoá thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm quán quýt, ý nói đến chết vẫn chung thủy.

(7) Lòng chim dạ cá: lòng dạ dối thay.

Nói xong nàng gieo mình xuống sông mà chết. Chàng tuy giận là nàng thất tiết, nhưng thấy nàng tự tận⁽¹⁾ cũng động lòng thương, tìm vớt thây nàng, nhưng chẳng thấy tăm hơi đâu cả.

Một đêm phòng không vắng vẻ, chàng ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, chợt đứa con nói rằng:

– Cha Đản lại đến kia kia!

Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách:

– Đây này!

Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi!



Chú ý các chi tiết kì ảo trong phần ③.

③ Cùng làng với nàng, có người tên là Phan Lang, khi trước làm đầu mục ở bến dò⁽²⁾ Hoàng Giang, một đêm chiêm bao thấy có người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng. Sáng dậy, Phan Lang thấy có người phùng chai đem vào biếu một con rùa mai xanh, sức nghĩ đến chuyện mộng, bèn đem thả con rùa ấy. Cuối đời Khai Đại nhà Hồ, quân Minh mượn tiếng đưa Trần Thiêm Bình về nước, phạm vào cửa ải Chi Lăng, nhân dân trong nước, nhiều người sợ hãi phải chạy trốn ra ngoài bể, không may đắm thuyền đều chết đuối cả. Thây Phan Lang dạt vào một cái động rùa ở hải đảo, có người đàn bà là Linh Phi trông thấy nói rằng:

– Đây là vị ân nhân cứu sống ta thuở xưa.

Linh Phi bèn lấy khăn dầu mà lau, lấy thuốc thần mà đổ, một chốc Phan Lang liền tỉnh lại. Phan trông thấy cung gấm đèn dao⁽³⁾ thật nguy nga lộng lẫy, mà chưa biết mình đã lọt vào cung nước của rùa thần. Linh Phi bấy giờ mình mặc áo gấm dát ngọc, chân đi giày có vân nam vàng, cười bảo Phan Lang rằng:

– Tôi là Linh Phi trong động rùa, vợ vua biển Nam Hải, nhớ hồi còn nhỏ đi chơi ở bến sông bị người phùng chai bắt được, ngẫu nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Gặp gỡ ngày nay, há chẳng phải lòng trời xui khiến cho tôi có dịp đền ơn trả nghĩa?

Phi bèn đặt yển ở gác Triều Dương để thết đãi Phan Lang. Dự tiệc hôm ấy có vô số mỹ nhân, quần áo thướt tha, mái tóc búi xể. Trong số đó, có một người mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống Vũ Nương. Phan có ý nhìn trộm, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người đàn bà ấy nói với Phan Lang rằng:

(1) Tự tận: tự vẫn.

(2) Đầu mục: chỉ người đứng đầu, phụ trách một vùng, một công việc nào đó; đầu mục ở bến dò: người cai quản, phụ trách bến dò.

(3) Cung gấm đèn dao: cung điện, đèn đài sang trọng (dao: ngọc dao, một loại ngọc quý).

– Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư?

Vũ Nương là ai? Chi tiết nào không có thật?

Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ Nương và gạn hỏi duyên cớ. Nàng nói:

– Tôi ngày trước không may bị người vu oan, phải gieo mình xuống sông tự tử. Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không thì đã vùi vào bụng cá, còn đâu mà gặp ông.

Phan nói:

– Nương tử nghĩa khác Tào Nga, hờn không Tinh Vệ⁽¹⁾ mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước. Nay thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt⁽²⁾, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư?

Vũ Nương nói:

– Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa!

Phan nói:

– Nhà cửa tiên nhân⁽³⁾ của nương tử, cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, cỏ gai rộp mắt. Nương tử dù không nghĩ đến, nhưng tiên nhân còn mong đợi nương tử thì sao?

Nghe đến đấy, Vũ Nương ứa nước mắt khóc, rồi quả quyết đổi giọng mà rằng:

– Có lẽ không thể gửi hình ảnh bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam⁽⁴⁾. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn⁽⁵⁾ đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

– Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương. Ban đầu Trương không tin. Nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói:

– Đây quả là vật dụng mà vợ tôi mang lúc ra đi.

(1) *Nghĩa khác Tào Nga, hờn không Tinh Vệ*: Tào Nga là một cô gái thời Hán, nhảy xuống sông vớt xác cha không được, đã tự tử; Tinh Vệ là con gái vua Viêm Đế, bị chết đuối, hoá thành chim Tinh Vệ ngậm đá toan lấp biển; ý nói cái chết của Vũ Nương là chết vì bị nghi oan, khác cái chết của hai người con gái trên.

(2) *Thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt*: mùa này đã tiếp mùa khác, ý nói thời gian trôi đi đã lâu.

(3) *Tiên nhân*: ý nói các thế hệ trước (*tiên*: trước; *nhân*: người).

(4) *Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam*: ở bất cứ đâu, mỗi khi thấy gió bắc, ngựa Hồ (giống ngựa nhập từ các nước phía bắc Trung Quốc thời xưa) đều hí lên; chim Việt nhớ khí hậu phương nam nên tìm cành cây phía nam để đậu; ý nói vẫn luôn nhớ về quê cũ.

(5) *Xích Hồn*: cá quả đỏ (*xích*: màu đỏ; *hồn*: tên một loại cá quả).

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, vồng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Truyện kết thúc thế nào?

Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

– Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

LỜI BÌNH

Than ôi! Những việc tựa tựa như nhau, thật là khó tỏ mà dễ hoặc. Cho nên quẳng thoi đứng dậy, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân⁽¹⁾; mất búa đồ ngờ, tuy con người láng giềng cũng khó chối cãi⁽²⁾; ý dĩ đầy xe, Quang Võ đồ ngờ lão tướng⁽³⁾; “trời lại mà giết”, Tào Tháo đến phụ ân nhân⁽⁴⁾; việc Thị Thiết cũng giống như vậy. Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc đã chôn vào họng cá ở dưới lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nét trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết. Làm người đàn ông, tưởng đừng nên để cho giai nhân oan uổng thế này.

(Truyền kì mạn lục, TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN dịch,

NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)



1. Ở phần ①, nhân vật Vũ Nương đã nói câu gì khi chia tay chồng? Câu nói ấy cho thấy phẩm chất, tính cách nào của nàng?

2. Trong phần ②, nhà văn đã tạo ra tình huống nào để khắc họa bi kịch của nhân vật Vũ Nương? Từ đó, em có nhận xét gì về thân phận của nhân vật này?

(1) Tăng Sâm là bậc đại hiền. Một lần, có người trùng tên với ông phạm tội giết người. Người ta tưởng là ông, đến báo cho mẹ ông chuyện ấy. Bà không tin, vẫn ngồi điềm nhiên dệt cửi. Nhưng báo đến lần thứ ba thì bà đâm ngờ, quẳng cả thoi chạy đi xem sao.

(2) Theo sách *Liệt Tử*, có một người làm búa bị mất búa. Ngờ cho con nhà láng giềng lấy, vì thế thấy mọi cử chỉ của nó đều gian, đúng là của đứa ăn trộm búa. Hôm sau tìm thấy búa, lại thấy mọi cử chỉ, hành động của nó không có gì tỏ ra là kẻ ăn trộm búa nữa.

(3) Đời Đông Hán, Mã Viện sang đánh nước ta, khi về chở đầy năm xe ý dĩ (một loại thảo dược, còn gọi là *cùem thảo* hoặc *bo bo*). Sau khi Viện mất, có người tâu vua Hán trong xe đó Viện giấu đầy ngọc minh châu. Hán Quang Võ tin là thực, bưng bưng nổi giận.

(4) Tào Tháo lánh nạn đến nhà Bá Xa. Xa sang Tây thôn mua rượu, dặn người nhà làm thịt lợn để thết khách. Tháo nghe có tiếng mài dao, lên nghe trộm, lại thấy tiếng người bảo nhau “trời lại mà giết”. Tháo ngờ Bá Xa định giết mình, xông vào giết hết già trẻ trong nhà. Khi vào đến vườn, thấy con lợn bị trói nằm đó, mới biết mình nhầm, vội vã ra đi. Được vài dặm, gặp Bá Xa cưỡi ngựa mang rượu về, Tháo sợ Bá Xa thấy cả nhà bị giết sẽ oán Tháo nên gọi ông lại giết nốt.

3. Không gian xuất hiện của nhân vật Vũ Nương ở phần ③ có điểm gì khác thường? Em hiểu thêm điều gì về Vũ Nương qua các chi tiết ở phần này?

4. Phân tích mối quan hệ giữa yếu tố thực và yếu tố kì lạ, kì ảo trong văn bản.

5. Giả sử không có những chi tiết kì lạ, kì ảo, câu chuyện sẽ thay đổi như thế nào về ý nghĩa và đặc điểm nghệ thuật?

6. Hãy nêu suy nghĩ của em về một vấn đề có ý nghĩa nhân sinh mà truyện đặt ra và liên hệ với cuộc sống ngày nay.



Vụ cải trang bất thành^(*)

(Trích *Sơ-lôc Hô-m*)

ĐOI-LÔ

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)

– Khi đọc hiểu văn bản truyện trinh thám, các em cần chú ý:^(***)

+ Nhận diện được tình huống nảy sinh vụ án xuất hiện ở phần đầu của truyện.

+ Bám sát các tình tiết của câu chuyện, nhất là những chi tiết quan trọng, có ý nghĩa bước ngoặt để khám phá ra sự thật.

+ Xác định được nhân vật chính (thám tử hoặc điều tra viên,...). Tìm hiểu những hành động, việc làm, lời nói, suy nghĩ, phán đoán của nhân vật này trong quá trình tìm ra chân tướng của vụ việc.

+ Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật kể chuyện qua việc xây dựng tình huống, lựa chọn ngôi kể, thay đổi điểm nhìn, ngôn ngữ và giọng điệu khi kể.

+ Suy nghĩ về những vấn đề có ý nghĩa xã hội, nhân sinh mà truyện đặt ra và liên hệ với cuộc sống ngày nay.

– Đọc trước văn bản *Vụ cải trang bất thành*; tìm hiểu thêm thông tin về nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (Arthur Conan Doyle) và tác phẩm *Sơ-lôc Hô-m* (Sherlock Holmes).

– Nhan đề của văn bản gợi cho em nghĩ đến điều gì?



A-thơ Cô-nan Đoi-lơ
(1859 – 1930),
Xcôt-len (Scotland)

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản truyện trinh thám khác trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

2 Đọc hiểu

(Lược một đoạn: *Me-ri Sơ-thơ-len (Mary Sutherland)* đến nhờ thám tử *Hôm* tìm vị hôn phu đã mất tích nhiều ngày. Trong cuộc nói chuyện, *Me-ri* đã kể cho *Hôm* về gia đình của cô ấy. *Me-ri* sống với mẹ và cha dượng (ông *Giêm Uyn-đi-banh (James Windibank)*) – người chỉ hơn cô năm tuổi. Cô được một người chủ tên là *Nét (Ned)* để lại cho một khoản trái phiếu tương đương 2 500 bảng⁽¹⁾, với lãi suất 4,5%. Vì không muốn trở thành gánh nặng cho mẹ và cha dượng nên cô đã đưa lại cho hai người số tiền lãi ấy và chỉ dùng số tiền công đánh máy để tiêu pha. *Me-ri* gặp *Hót-mơ Ên-giô (Hosmer Angel)* trong một buổi khiêu vũ và họ đã訂 hôn ngay sau buổi đi dạo đầu tiên. Ên-giô là thủ quỹ của một văn phòng trên phố *Li-đân-hôn (Leadenhall)*. Khi người cha dượng của *Me-ri* đi Pháp, Ên-giô đã đến nhà *Me-ri* chơi và đề xuất cử hành hôn lễ trước khi người cha dượng quay về vì ông ấy không ủng hộ mối quan hệ này. Đến hôm làm lễ ở nhà thờ, Ên-giô đã đến đón *Me-ri* và mẹ của cô bằng xe ngựa nhưng vì sợ chật nên chỉ hai mẹ con *Me-ri* ngồi xe đó, còn Ên-giô lên một cái xe ngựa bốn bánh khác đỗ gần đấy. Khi xe tới nơi, *Me-ri* không thấy Ên-giô bước xuống. Vị hôn phu đã biến mất. Người đánh xe hoảng hồn, vì chính ông ta đã trông thấy khách hàng của mình bước vào xe. Từ thời điểm đó, *Me-ri* không có bất cứ tin tức gì về Ên-giô. Sau khi nghe câu chuyện của *Me-ri*, *Hôm* đề nghị *Me-ri* mô tả chính xác dung mạo của Ên-giô và trình ra mọi lá thư của Ên-giô mà cô còn giữ.)

① *Hôm* ngồi lặng vài phút, các ngón tay chụm vào nhau, hai chân duỗi ra phía trước, mắt chăm chú ngược lên trần nhà. [...]

– Chính cô gái mới là đối tượng cần xem xét đây! – *Hôm* nhận định. – Tôi thấy nhân thân của cô còn đáng quan tâm hơn cái câu chuyện cũ rích ấy. Nếu anh xem trong án tập tôi đã sưu tầm thì anh sẽ tìm được vô khối trường hợp tương tự. Ý tưởng này xưa như Trái Đất rồi, nhưng đâu sao cũng có một vài chi tiết tôi cho là mới mẻ. Bản thân cô thiếu nữ này đã nói lên khá nhiều thông tin rồi.

– Xem ra anh đã biết khá rõ về *Me-ri*, trong khi tôi vẫn hoàn toàn mù tịt. – Tôi thăm dò.

– Không phải là không thể thấy được. Anh chỉ không để ý đấy thôi, *Oát-xơn (Watson)*⁽²⁾ thân mến. Anh chưa biết nơi cần quan sát, và anh đã bỏ qua những chi tiết quan trọng. Anh đã không nhận ra sự quan trọng của hai ống tay áo hay sự gợi ý của móng tay cái, hay vấn đề anh nắm bắt từ cái dây buộc giày. Nào, anh bạn, anh biết được những gì từ diện mạo của cô gái ấy? Kể đi xem nào! [...]

– *Hôm*, còn gì nữa không? – Tôi háo hức hỏi để được nghe những lí luận sắc sảo của anh bạn thám tử.

Những kĩ năng nào của thám tử *Hôm* đã được thể hiện gián tiếp qua lời nói của chính nhân vật này?

(1) *Bảng*: đơn vị tiền tệ của Vương quốc Anh.

(2) *Oát-xơn*: bạn thân của *Hôm*, người luôn đồng hành cùng *Hôm* trong các vụ án.

– Tôi còn nhận thấy Me-ri đã viết gì đó trước khi ra khỏi nhà, nhưng sau khi đã chỉnh tề trang phục. Anh đã nhìn thấy găng tay phải của cô ấy bị thủng ở ngón tay trỏ, nhưng còn chưa nhận ra cả hai găng tay và các ngón tay đều dính mực tím. Cô ấy đã viết trong lúc vội vàng và nhúng bút quá sâu vào mực. Chắc là mới chỉ sáng nay thôi, bằng không thì sao vết mực còn rõ như vậy. Tất cả đều nực cười, mặc dù khá bài bản, nhưng tôi phải quay trở lại công việc đây, bác sĩ ạ. Phiên anh đọc giúp tôi mẫu mô tả nhân dạng của anh chàng Hót-mơ Ên-giô này với!

Bằng quan sát, Hôm đã phát hiện ra điều gì đáng chú ý ở Me-ri?

Tôi chia bản in thử ra trước ánh sáng và đọc to:

“Một người đàn ông tên Hót-mơ Ên-giô đã mất tích sáng ngày 14. Nhận dạng: cao một mét sáu lăm, thân hình cân đối, nước da tái, tóc đen, hơi hói ở đỉnh đầu, ria râu đen rậm, đeo kính màu, giọng nói yếu ớt. Trang phục: áo choàng lụa đen, áo chèn đen, dây chuyền An-bót (Albert) bằng vàng, quần ống nhỏ hiệu Ha-ri (Harry) màu xám, ghê⁽¹⁾ màu nâu tràm qua giày cao có cạnh chun. Được biết là nhân viên ở một văn phòng phố Li-dân-hôn. Ai biết thông tin...”

– Thế là đủ. – Hôm cắt lời tôi. – Phần còn lại cũng như các mẫu thông báo khác mà thôi. Mẫu tin này quá bình thường. Hoàn toàn không có manh mối về Ên-giô. Tuy vậy, có một chi tiết đáng chú ý đây.

– Chúng đều được đánh máy chứ gì? – Tôi nhanh nhẩu.

– Không chỉ có thế. Kể cả chữ kí cũng vậy. Anh hãy xem này, chỉ đọc một chữ “Hót-mơ Ên-giô” ở cuối trang. Ngày tháng cũng có ghi, không địa chỉ cụ thể, chỉ ghi chung chung là phố Li-dân-hôn. Chi tiết chữ kí này rất gợi mở. Chúng ta thực sự có thể coi nó là yếu tố quyết định.

Hôm đã nhận ra điều gì bất thường trong mẫu thông báo?

– Quyết định cái gì?

– Ôi, anh bạn đáng mến của tôi! Chẳng nhẽ anh không nhận thấy tầm quan trọng của nó sao?

– Thú thật là tôi chịu. Tôi chỉ cho là hắn có ý đồ chối bỏ chữ kí của mình, nếu bị lôi ra toà vì tội đơn phương huỷ hôn.

– Không hẳn thế. Tôi sẽ viết hai lá thư để làm sáng tỏ việc này. Một gửi cho công ty đóng ở thành phố, thư kia gửi cho dượng cô Me-ri



(1) Ghê: mảnh da hay dạ cứng để bọc và bảo vệ ống chân.

yêu cầu ông đến gặp chúng ta vào lúc sáu giờ tối mai. Lúc đó, chúng ta sẽ vạch rõ mối quan hệ của anh chàng kia. Giờ chưa thể hành động gì được, cho đến khi cả hai lá thư kia được phúc đáp. Vậy, hãy tạm xếp vụ này lên giá sách đã, bác sĩ ạ! [...]

② – Thế nào, anh đã tìm ra rồi chứ? – Tôi hỏi ngay khi vừa bước vào nhà.

– Ừ. Đó là muối bari.

– Không, không. Tôi hỏi về vụ cưới xin kia cơ!

– À, chuyện ấy chứ gì? Thế mà tôi cứ tưởng anh quan tâm đến loại muối mà tôi đang thí nghiệm. Còn gì gọi là bí mật nữa đâu, tuy còn vài điều mà tôi đáng quan tâm. Nhưng điều tôi buồn nhất là chẳng có luật pháp nào ra tay trừng trị được tên bất lương ấy cả.

– Hẳn là ai? Tại sao hẳn bỏ rơi cô Sơ-thơ-len? – Tôi dồn dập hỏi.

Anh bạn tôi chưa kịp đáp lời thì chúng tôi đã nghe thấy những bước chân nặng nề khua trên hành lang và tiếng gõ cửa vang lên.

– Cha dượng của cô gái đấy, ông Giêm Uyn-đi-banh. Ông ấy đã trả lời thư tôi gửi và hứa sẽ có mặt ở đây lúc sáu giờ mà. Xin mời vào. – Hôm lên tiếng.

Vị khách ấy là một người tầm thước, khoẻ mạnh, trên dưới ba mươi tuổi, râu tóc gọn gàng, nước da hơi tái. Cử chỉ của anh nhẹ nhàng, đối lập hẳn với đôi mắt màu xám vô cùng sắc sảo. Sau khi quét tia mắt dò hỏi lên từng người, anh ta đặt cái mũ lụa lên tủ, nhẹ nhàng ngồi xuống cái ghế gần nhất.

– Chào ông Uyn-đi-banh. – Hôm nói tiếp. – Có phải ông đã đánh máy bức thư này, hẹn gặp chúng tôi vào sáu giờ không?

– Vâng, thưa ông. Tôi e là mình hơi trễ một chút, nhưng tôi không chủ động về giờ giấc được, ông biết đấy. Tôi rất tiếc vì cô Sơ-thơ-len đã phiền đến các ông với một chuyện nhỏ nhặt như vậy. [...] Mà cũng chỉ tốn công hoài của thôi, chứ làm sao ông tìm được thằng cha Hót-mơ Ên-giô nữa, đúng không?

– Trái lại. – Hôm gần giọng. – Tôi có lí do để tin rằng mình sẽ thộp cổ được hắn.

Vị khách chợt giật nảy mình, đánh rơi cả ống tay. Ông ta gượng gạo nói:

– Tôi rất mừng khi nghe ông nói vậy.

– Điều gọi cho tôi sự tò mò là một cái máy chữ cũng có những đặc điểm riêng như bút tích của từng cá nhân vậy. Trừ phi là hai cái máy mới tinh, không bao giờ chúng cho ra đời hai chữ cái hoàn toàn giống nhau. Vài chữ này có thể mờ hơn những chữ khác, một số chữ lại chỉ mờ có một bên. Ấy thế mà, trong lá thư mà ông gửi cho tôi, trên tất cả các chữ “e” đều có một vết nhoè nhỏ, và tất cả các chữ “r” đều hơi hụt ở phần đuôi. Còn có tới mười bốn đặc điểm khác nữa, nhưng hai điểm tôi vừa nói tới là tiêu biểu nhất.

– Tôi đã đánh máy tất cả thư từ của chúng tôi bằng cái máy ở văn phòng, và quả tình là nó đã hơi mòn rồi. – Ông Uyn-đi-banh trả lời, đôi mắt nhỏ nhìn Hôm chăm chăm.

Chi tiết này đã giải thích việc làm nào của thám tử Hôm ở phần ①?

– Còn bây giờ tôi sẽ cho ông xem đâu thực sự là một khám phá thú vị nữa. – Hôm nói tiếp. – Trước đây, tôi có nghiên cứu chút ít về máy chữ và sự liên quan của nó đến tội phạm. Đó là chủ đề mà tôi đã cố gắng nhiều thời gian. Tôi có trong tay bốn lá thư đánh máy của người đàn ông mất tích. Tất cả đều được đánh máy. Có điều, trong mỗi lá thư không chỉ là những chữ “e” có vết nhoè, những chữ “r” hụt phần đuôi, mà nếu ông chịu khó dùng kính lúp của tôi để quan sát, ông sẽ thấy cả mười bốn đặc điểm khác mà tôi đã nói đến trên đây.

Tới đây, ông Uyn-đi-banh liền đứng phắt dậy, chụp vội lấy mũ và bực bội nói:

– Ông Hôm, tôi không rảnh để nghe ông nói chuyện tầm phào đâu nhé! Nếu có thể, ông hãy tóm cổ gã đó đi, rồi báo cho tôi biết.

– Chắc chắn là bắt được. – Vừa nói, Hôm vừa lẳng lặng bước ra khoá trái cửa lại. – Và báo để ông biết, tôi đã tóm được hắn ta rồi.

– Gì cơ? Hắn đâu? – Ông Uyn-đi-banh la lên, mặt trắng nhợt ra, liếc ngang liếc dọc chẳng khác gì con chuột nằm trong bẫy.

– Ồ, la lới phỏng ích gì! – Giọng Hôm thản nhiên. – Ông Uyn-đi-banh, ông không thoát được đâu. Mọi sự đều rõ như ban ngày. Ông đã quá kiêu hãnh khi cho rằng tôi không thể khám phá ra cái tiểu xảo nhỏ nhoi của ông đấy. Thế thì được! Ngồi xuống đi, chúng tôi sẽ cho ông biết.

Vị khách của chúng tôi đồ ập xuống ghế, mặt tái nhợt như người chết, trán đầm mồ hôi. Thế mà ông vẫn còn cố lắp bắp:

– Không thể... không thể kiện... tôi được...

– Tôi biết. Nhưng với chúng tôi, hành động của ông thật là độc ác, ích kỉ và vô lương tâm. Bây giờ hãy để tôi liệt kê những gì ông đã thực hiện, nếu thấy tôi sai ở chỗ nào, ông cứ việc đính chính.

③ Người đàn ông thu mình trong ghế bành, đầu gục xuống, sụp đổ hoàn toàn. Anh bạn tôi gác chân lên góc kệ lò sưởi, ngả người ra sau, hai tay thọc túi áo, bắt đầu mạch chuyện như thể kể cho mình nghe, chứ chẳng phải là hai chúng tôi.

“Gã đàn ông đó đã kết hôn với một goá phụ hơn hẳn rất nhiều tuổi chỉ vì tài sản của bà. Hắn còn muốn hưởng cả lợi tức món tiền gửi ngân hàng của cô con riêng của bà nữa. Cô con gái của vợ hắn rất tốt bụng, rộng rãi nên đã để cho hắn sử dụng số tiền ấy. Đối với những người thuộc tầng lớp như hắn thì số tiền đó quả là cũng đáng kể. Nếu mất đi số lợi tức thì cuộc đời hắn cũng sẽ khác nhiều, thành thử hắn phải cố gắng để duy trì. Nhận thấy hôn nhân của cô gái là mối đe dọa đối với khoản thu nhập một trăm bảng một năm, cha dượng của cô gái sẽ làm gì để cản lối nhỉ? Hiển nhiên là hắn chỉ giữ rịt cô gái tại nhà, ngăn ngừa cô kết giao với những bạn bè cùng trang lứa. Nhưng hắn sớm thấy đây không phải là giải pháp lâu dài. Cô gái đã phản ứng để đòi quyền lợi chính đáng, cương quyết đòi tham gia

Gã đàn ông mà Hôm nhắc đến ở đây là ai?

dạ tiệc khiêu vũ. Vậy thì người cha dượng thông minh của cô sẽ tiếp tục hành động như thế nào? Đáng khen thay cho cái đầu của hắn! Hắn kịp thời nghĩ ra một quỷ kế. Lợi dụng sự đồng loã của vợ cùng tình trạng cận thị nặng của cô gái, hắn cải trang thành một người đàn ông khác, luôn phải đeo kính màu để che đậy cặp mắt vốn thân quen, đeo râu tóc giả, biến giọng nói thông thường thành một giọng nói thì thầm khó nghe. Trước cặp mắt cận của con gái mình, cha dượng cô nghiễm nhiên trở thành một anh chàng Hót-mơ Ên-giô để gạt ra ngoài lề tất cả những đôi thủ lăm le tán tỉnh Me-ri đáng thương.”

Hôm đã vạch trần quỷ kế nào của gã đàn ông?

– Ôi, ban đầu chỉ là đùa thôi. – Uyn-đi-banh rên rỉ. – Chúng tôi không ngờ rằng con bé đã tin yêu tôi đến vậy.

– Cứ cho là vậy. Dù sao thì chính cô gái trẻ đã tự dẫn thân vào ngang trái. Mà làm sao cô ấy có thể ngờ Hót-mơ chính là cha dượng mình, trong khi tin chắc là ông Uyn-đi-banh đi công cán tận nước Pháp xa xôi. Cô đã bị loá mắt trước sự chăm sóc của người đàn ông đầu đời, hơn nữa lại càng tin tưởng khi mẹ mình cũng đánh giá cao người bạn trai ấy. Rồi anh chàng Ên-giô bắt đầu lai vãng đến nhà. Hắn đây là hậu quả của trò đùa đã đi quá xa so với dự tính ban đầu. Đôi nam nữ ấy hẹn hò, cùng đi dạo và đã đính hôn với nhau. Vậy thì trò lừa bịp ấy không thể kéo dài được mãi. Những chuyện giả vờ đi công cán ở nước ngoài quả là phiền toái. Câu hỏi hóc búa là làm thế nào để kết thúc câu chuyện tình cảm này như một bi kịch đột ngột, nhưng phải khắc sâu trong đầu cô gái rằng mình là gái đã đính hôn nên đừng nhìn ngó ai khác nữa. Bởi thế mới có màn kịch chàng Hót-mơ yêu cầu cô Me-ri đặt tay lên *Thánh Kinh* mà thề rằng sẽ chung thủy như nhất, dù có biến cố gì xảy ra chia li hai trái tim. Ông Giêm Uyn-đi-banh muốn cô Sơ-thơ-len bị trói buộc bởi hôn ước với Hót-mơ Ên-giô và tin rằng vị hôn phu của cô có một số kiếp đầy bất trắc. Mục đích xa hơn của ông là giữ chân cô Me-ri ở nhà ít nhất mười năm nữa. Ông đưa mẹ con Me-ri đến tận cổng nhà thờ rồi giờ tán trò cũ rích, lẩn qua cửa kia của xe ngựa và biến mất. Toàn bộ sự việc là thế đó. Còn gì để nói thêm không, ông Uyn-đi-banh?

Hôm đã tiếp tục chỉ ra những thủ đoạn nào của Uyn-đi-banh?

Trong khi Hôm mãi mê kể chuyện, vị khách nọ đã lấy lại được chút tự tin. Ông ta đứng dậy với bộ mặt vẫn còn xanh xao, ngoan cố cất lời:

– Có thể thế, mà cũng có thể không, ông Hôm ạ. Nếu ông thông minh đến vậy, thì phải hiểu người đang phạm pháp là ông chứ không phải tôi. Pháp luật không sờ được đến tôi đâu. Nhưng nếu ông không mở ngay cửa ra, tôi sẽ kiện ông về tội tấn công và giam giữ trái phép công dân đấy.

– Phải, luật pháp thì không thể động tới ông được. – Hôm vừa nói vừa mở toang cửa. – Nhưng không có kẻ nào đáng bị trừng phạt hơn ông đâu. Nếu Me-ri mà có một người anh trai hoặc có bạn trai, thì ông đã tan xương nát thịt rồi. [...]

Chú ý những câu văn cho thấy rõ thái độ của Hôm đối với kẻ xấu.

Chúng tôi chỉ còn kịp nghe thấy tiếng bước chân huỳnh huých xuống cầu thang, rồi tiếng cổng sắt sập mạnh. Từ cửa sổ phòng khách, tôi còn thấy hắn chạy trời chết về phía cuối đường.

– Đồ vô lại! – Hôm rửa. – Thằng khốn này sẽ gieo rắc tai họa cho đến ngày lên giá treo cổ thôi. Vụ này kể ra cũng không hoàn toàn vô vị. [...]

(*Sơ-lốc Hôm*, tập 1, BUI LIÊN THẢO – VŨ THU HÀ – VŨ QUẾ ANH dịch,
NXB Văn học, Hà Nội, 2016)



1. Dựa vào phần lược trích ở đầu văn bản *Vụ cải trang bất thành*, hãy xác định tình huống nảy sinh vụ án.
2. Văn bản trên có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Dựa vào đâu có thể xác định được điều đó?
3. Trong văn bản, thám tử Hôm đã tìm ra chân tướng của vụ việc như thế nào? Qua đó, em thấy được những năng lực nào của nhân vật Hôm?
4. Ở cuối văn bản, thái độ của Hôm đối với Uyn-đi-banh như thế nào? Thái độ đó cùng với quá trình tìm ra sự thật của Hôm đã cho thấy nhân vật thám tử này là người thế nào?
5. Người kể chuyện trong văn bản trên là ai? Theo em, sự lựa chọn ngôi kể đó có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung câu chuyện và thái độ của tác giả?
6. Nếu là cô Me-ri, em rút ra được bài học gì?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu

1. Thử chuyển mỗi thành phần câu hoặc thành phần của cụm từ được in đậm dưới đây sang vị trí khác; qua đó, giải thích vì sao các tác giả lại chọn vị trí của chúng như ở những câu đã cho.

a) *Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn.* (Hồ Chí Minh)

b) *Vì đường xa, chúng tôi chỉ ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha.* (Nguyễn Quang Sáng)

c) *Giữa mặt vịnh mênh mông xanh ngắt và tím tím nhô lên những tảng đá vôi hình thù kì dị và dường như được bút sơn của một họa sĩ quét lên vô số màu sắc, từ màu xanh ngọc bích đến màu đỏ nâu và vàng.* (Thi Sảnh)

d) *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

2. Tìm câu bị động trong những đoạn văn dưới đây. Cho biết việc sử dụng những câu bị động đó phù hợp như thế nào đối với văn cảnh và mục đích diễn đạt.

a) *Sau nghi lễ bái tổ, hai đô thực hiện nghi thức xe đài. Những động tác xe đài được thực hiện rất đa dạng.* (Phí Trường Giang)

b) *Địa đạo Củ Chi hình thành trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (khoảng năm 1948). Hệ thống địa đạo được xây dựng sớm nhất tại hai xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An [...]. Lúc đầu, địa đạo chỉ có những đoạn ngắn, cấu trúc đơn giản, dùng để giấu tài liệu, trú ẩn cán bộ trong vùng địch hâu. Sang giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ, địa đạo được gia cố và mở rộng.* (Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi)

c) *Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại [...]. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không nương tay.* (Theo Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)

3. Biến đổi những câu chủ động dưới đây thành câu bị động:

a) *Quan Phó bảng Sắc đã dẫn hai con trai đi hầu khắp những nơi nổi tiếng về phong cảnh đẹp, về di tích lịch sử của Nghệ An.* (Sơn Tùng)

b) *Ba nó bế nó lên.* (Nguyễn Quang Sáng)

c) *Tây nó đốt nhà tôi rồi, bác ạ.* (Kim Lân)

d) *Cuộc sống càng văn minh tiến bộ, con người càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình...* (Theo Trịnh Văn)

4. Gộp mỗi cặp câu dưới đây thành một câu:

a) *Ở đâu, chúng tôi cũng gặp những người mẹ từ tâm. Các mẹ yêu quý chúng tôi như con đẻ.*

b) *Năng suất lao động tăng. Mọi người trong tổ rất phấn khởi.*

c) Chúng ta là học sinh cuối cấp Trung học cơ sở. Chúng ta cần cố gắng học tập tốt.

d) Nó lại nhìn mục bán hàng bằng cặp mắt giễu cợt. Cặp mắt ấy nó đã luyện trong những ngày ở nhà tù.

5. Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), trong đó có áp dụng các biện pháp mở rộng cấu trúc câu và biến đổi cấu trúc câu. Chỉ ra một trường hợp mở rộng cấu trúc câu và một trường hợp biến đổi cấu trúc câu trong đoạn văn đã viết.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Dế chọi

(Trích *Liêu Trai chí dị*)

BỒ TÙNG LINH(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước truyện *Dế chọi*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Bồ Tùng Linh và tập truyện *Liêu Trai chí dị*.

– Em biết gì về trò chơi chọi dế?

2 Đọc hiểu

Thời Tuyên Đức, trong cung rất chuộng trò chơi chọi dế, hằng năm bắt dân gian cung tiến⁽¹⁾. Trò đó không phải nảy sinh từ đất Thiểm Tây mà do viên quan lệnh huyện Hoa Âm muốn lấy lòng quan trên, đem tiến một con dế chọi. Quan tỉnh thấy nó chọi hay quá, đòi phải cung tiến thường xuyên. Quan huyện cũng lại đòi lí trưởng phải cung cấp. Ngoài chợ, bọn tay chơi tìm mua được con nào tốt, đem nhốt lồng nuôi, nâng giá lên thành hàng quý lạ. Còn bọn lí dịch giáo hoạt lấy lệ cung tiến dế, sách nhiễu dân chúng. Mỗi lần phải nộp một con dế đủ làm khuynh gia bại sản mấy nhà.



Tranh vẽ Bồ Tùng Linh của họa sĩ Trung Quốc Chu Tương Lân

Trò chơi chọi dế được ưa chuộng ở đâu, nảy sinh như thế nào?

(*) Tác giả Bồ Tùng Linh (1640 – 1715), quê ở Sơn Đông, Trung Quốc.

(1) *Cung tiến*: dâng những sản vật quý, hiếm lên nhà vua.

Huyện ấy, có người tên Thành Danh, đã là một đồng sinh⁽¹⁾ nhưng không theo học tiếp nữa. Anh ta vốn người chất phác, ít nói, cho nên bị bọn hương chức quyền thế ép phải giữ chân chức dịch⁽²⁾ trong làng. Tuy muôn phương nghìn kế chối từ nhưng vẫn không thoát. Mới chưa đầy một năm mà cái gia sản nhỏ mọn của anh ta cơ hồ đã kiệt. Gặp vụ nộp dế, Thành không dám bỏ bán⁽³⁾, sách nhiễu dân mà nhà thì không còn gì để bù, bởi thế lo buồn quá chỉ muốn chết đi cho rảnh. Người vợ khuyên can:

Thành Danh là người thế nào?

– Chết thì được việc gì, chi bằng tự tìm bắt lấy, may ra được con nào chẳng.

Thành cho là phải. Từ đó, cứ sáng đi tối về, tay xách ống tre, lồng tơ, đủ cách bới đất, lật đá tìm hang, mọi nơi tường đổ, bờ hoang, bãi cỏ. Cũng có lần moi được vài ba con nhưng vừa yếu vừa bé, không đủ quy cách. Quan trên cứ hạn mà trách phạt, quá mất hơn chục ngày, Thành phải chịu đòn trăm gậy, đôi mông máu me bê bết mà chẳng có con dế nào để nộp. Về nhà, anh ta lăn lộn trên giường, chỉ còn nghĩ đến chuyện tự tử mà thôi.

Lúc ấy, trong thôn có cô đồng⁽⁴⁾ gù mới đến, có tài bói toán cầu thần. Vợ Thành chạy tiền để bói. Gái tơ, nạ dòng⁽⁵⁾ kéo đến đầy chật cổng ngõ. Trong nhà, buồng kín che màn, cửa bày hương án⁽⁶⁾. Người đến bói thắp hương, si sụp lễ. Cô đồng đứng bên hướng lên không trung khấn thay, mồm mấp máy thàm thì không biết những gì. Mọi người xung quanh cung kính đứng nghe. Lát sau, trong màn ném ra mảnh giấy ghi những lời truyền phán chỉ bảo, không mấy may sai lẫn.

Vợ Thành nộp tiền trước án rồi cũng thắp hương, làm lễ như những người trước. Độ giáp bã trâu thì mảnh động, mảnh giấy ném ra. Giở ra xem, không thấy chữ, chỉ có hình vẽ: Ở giữa là đền gác như kiểu chùa Phật; đằng sau, dưới ngọn núi nhỏ lổn nhổn những mô đá kì quái, những bụi gai tua tủa, một chú dế “thanh ma”⁽⁷⁾ nằm phục, bên cạnh là con ếch đang trong tư thế định nhảy ra. Xem mà không hiểu ra sao, chỉ thấy qua chú dế dường như có bao hàm ẩn ý về việc mình cầu khẩn, cho nên vợ Thành bọc giấy vào người, đem về đưa chồng xem. Thành trăn trở, tự nhủ: “Phải chăng bức vẽ chỉ cho ta chỗ bắt dế?”. Ngắm kĩ hình vẽ, thấy giống như Đại Phật Các⁽⁸⁾ ở mé đông thôn. Bèn gượng dậy, cầm theo bức vẽ, chống gậy lần ra phía sau chùa. Ở đó có một ngôi mộ cổ trên gò cây cỏ um tùm. Lăn theo xung quanh

Chú ý chi tiết kì lạ trong việc đi tìm bắt dế của Thành Danh.

(1) *Đồng sinh*: chỉ người đã có học và đi thi nhưng chưa đỗ tú tài.

(2) *Chức dịch*: người có chức vụ trong bộ máy chính quyền làng xã thời trước.

(3) *Bỏ bán*: chia phần để bắt phải đóng góp cho đủ số đã định.

(4) *Cô đồng*: người được thần linh hay người chết nhập vào và có khả năng nói ra được những điều bí ẩn, theo mê tín.

(5) *Nạ dòng*: phụ nữ đã có con và đứng tuổi.

(6) *Hương án*: bàn để bày bát hương và lọ cắm nhang.

(7) *Thanh ma*: tên một loại dế.

(8) *Đại Phật Các*: gác chùa thờ Phật.

mộ thấy đá lổm chổm rất giống hình vẽ. Thành vạch cây vén cỏ, căng mắt dòng tai như đi tìm mũi kim hạt cải, nhưng không thấy dấu vết gì cả. Bỗng có một con ếch nhảy vọt ra, Thành kinh ngạc vội đuổi theo. Ếch lẩn vào đám cỏ. Thành dõi theo hướng, lần tìm thấy một chú dế núp dưới gốc gai. Thành chớp vội, nhưng dế đã chui tọt vào hang. Lấy cổ nhọn chọc, nó vẫn nằm lì trong ấy. Sau phải đem ống phun nước vào, bị sặc, một chú dế cực kì to khoẻ mới bò ra. Tóm được chú ta, nhìn kĩ: mình to, đuôi dài, cổ xanh, cánh vàng. Thành vô cùng mừng rỡ liền nhốt vào lồng mang về. Cả nhà ăn mừng, cho dầu có bắt được trâu châu, bảo ngọc cũng không bằng. Rồi thả vào bồn, nuôi nắng hằng ngày bằng thóc ngâm sữa, thịt cua luộc, chăm sóc chi chút từng li từng tí, đợi đến kì hạn nộp quan.

Thành có đưa con lên chín, thấy bố đi vắng liền mở trộm bồn ra xem. Dế thừa cơ vọt ra. Thằng bé đuổi theo mãi mới vồ được vào tay thì dế đã gãy cẳng, bẹp bụng, chết ngay tức khắc. Nó sợ quá, chạy mách mẹ. Mẹ vừa nghe xong, mặt nhợt như chết rồi, quát mắng âm lên:

– Thật là tiền oan nghiệp chướng⁽¹⁾! Chết đến nơi rồi! Bố về sẽ cho mày biết!

Thằng bé khóc lóc bỏ đi. Lát sau Thành về, nghe vợ kể lại mà lạnh toát xương sống, đi tìm con thì con đã biến đâu không biết. Mãi sau mới vớt được xác con dưới giếng. Chuyển giận thành thương, Thành vật vã kêu trời muốn chết. Nhà tranh bật khói, vợ chồng im lặng nhìn nhau không còn biết nói gì. Trời gần tối mới đem chiếu cỏ liệm thân con, ôm ấp vỗ về, thì thấy con thoi thóp thở. Mừng quá! Nửa đêm, con sống lại. Hai vợ chồng hơi yên tâm. Song đứa con vẫn cứ trơ ra như gỗ, bần bật ngủ lìm.

Điều gì đã xảy ra với con của Thành Danh?

Thành nhìn cái lồng dế trống không lại như đứt hơi, tắc họng, không nghĩ gì đến con nữa. Suốt một đêm rờn không hề chợp mắt, Mặt Trời mọc, Thành vẫn nằm dài, lòng buồn rười rượi. Bỗng nghe bên ngoài có tiếng dế gáy, vội nhòm dậy nhìn ra thì dế vẫn còn đó. Thành mừng quá vô lấy. Kêu to một tiếng, dế nhảy bật đi. Tay Thành chớp được thì thấy như dường có dường không. Mở ra, dế lại nhảy vọt mất. Hoảng hốt nhìn quanh bốn phía thấy nó đã nép trên vách. Nhưng con này vừa nhỏ vừa ngắn, đỏ đen nham nhở, không phải con trước. Thành cho là hạng bé, không thèm để mắt mà cứ quần quanh đi tìm con trước. Bỗng dế con từ trên vách nhảy tọt ngay vào trong tay áo Thành. Ngắm kĩ: đầu vuông, đuôi dài, dáng ve sầu, cánh hoa mai, có vẻ tốt. Thành hơi mừng, giữ lấy định đem lên công đường nộp, song chỉ lo sợ không được vừa ý quan, mới nghĩ cách cho chơi thử xem sao.

Chú dế của Thành Danh có đặc điểm gì đáng chú ý?

Một chàng trai tay chơi trong thôn nuôi được một chú dế nòi đặt tên là “Cua sọc xanh”, hằng ngày đem chơi với dế của đồng bạn, đều thắng cả. Chàng ta muốn giữ

(1) *Tiền oan nghiệp chướng*: ý nói hậu quả của những tội ác gây ra từ kiếp trước mà kiếp sau phải gánh chịu, theo quan niệm của đạo Phật.

để kiểm lời, ai trả cao giá mấy cũng chưa chịu bán. Nhân qua nhà thăm Thành, thấy đế Thành nuôi, chàng ta bịt miệng cười và đưa đế mình ra, bỏ vào lồng để đánh. Nhìn thấy đế người vừa to vừa cao, Thành lại càng xấu hổ, không dám đưa đế mình ra. Chàng trai cố ép. Thành nghĩ: nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chỉ bằng đem chơi lấy một tiếng cười. Thành đưa đế vào bồn đấu. Chú đế con nằm ẹp xuống không dám động đậy. Chàng trai cười ngất, cầm cái lồng lợn chọc vào râu, nó vẫn nằm im. Chàng trai lại cười, lại chọc. Đế con nổi giận, xông thẳng ra, phấn chấn cất tiếng gáy ke ke. Rồi vênh râu, cong đuôi nhảy xổ vào cắn cổ địch thủ. Chàng trai hốt hoảng, xin ngưng chơi. Đế con đồng đặc cất tiếng gáy như báo cho chủ biết mình vừa thắng cuộc. Thành chứng kiến cảnh ấy, vui mừng vô cùng.

Đang khi cùng nhau ngắm nghía đế con thì một con gà sán lại gần, mổ đế. Thành hoảng, đứng dậy thét đuổi. May mà gà mổ không trúng. Đế co cẳng nhảy một phát đến hơn một thước. Gà đuổi sán theo, đế đã nằm dưới móng gà. Thành thắng thốt không biết làm thế nào để cứu đế, chỉ còn biết giậm chân, thất sắc. Nhưng trong nháy mắt đã thấy gà vươn cổ, sã cánh. Nhìn kĩ thì đế đã bám trên mào gà, cắn chặt lấy không buông. Thành vừa kinh ngạc vừa mừng, vội bắt lấy đế bỏ vào lồng.

Hôm sau, Thành đem dâng quan huyện. Quan thấy đế nhỏ, quát âm lên. Thành thuật lại chuyện lạ về con đế ấy, nhưng quan không tin. Dem chơi với các con khác, đế Thành đều thắng. Dem thử với gà thì quả như lời Thành nói. Quan trên thưởng cho Thành và hiển đế lên tỉnh. Quan tỉnh vui lòng lắm liền bỏ đế vào lồng vàng tiến vua, lại dâng số trâu rỏ cái hay của nó. Đã vào cung rồi, đế còn phải tỉ thí với khắp các loại đế kì hình dị dạng của cả thiên hạ dâng tiến như đế bướm, đế bọ ngựa, đế dầu, đế “trán tơ xanh”,... con nào cũng chịu thua cả. Còn điều kì lạ hơn nữa, ở trong cung, con đế của Thành mỗi khi nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt là lại nhảy múa theo các tiết điệu. Hoàng thượng hết sức đẹp lòng, rộng ơn ban thưởng, xuống chiếu cấp cho quan tỉnh ngựa hay, vải quý. Quan tỉnh không quên nguồn gốc đế nên ít lâu sau cũng tiến cử quan huyện là người “tài năng ưu việt” có thể thăng cấp. Quan huyện sững quá, cho Thành được miễn sai dịch⁽¹⁾, lại dẫn học quan cho Thành thi lấy học vị tú tài.

Điều kì lạ về chú đế của Thành Danh là gì?

Thành Danh đã được hưởng lợi gì từ chú đế kì lạ này?

Còn con Thành, hơn năm sau tỉnh thần trở lại như cũ và kể lại rằng: Minh đã hoá thành đế lanh lẹ, chơi giỏi, nay mới thực sống lại. Quan tỉnh biết rõ chuyện ấy, lại hậu thưởng cho Thành. Chỉ mấy năm thôi, Thành đã có ruộng đồng trăm khoảnh, lầu gác nguy nga, trâu dê đầy đàn. Ra khỏi nhà thì áo cừu⁽²⁾, ngựa xe vượt cả các bậc quyền thế.

Chú đế kì lạ kia thực chất là ai?

(1) Sai dịch: những việc phục dịch hầu hạ quan trên.

(2) Áo cừu: áo làm bằng da hoặc lông thú, thể hiện sự giàu sang.

LỜI BÀN CỦA TÁC GIẢ

Bậc thiên tử dùng một vật gì chốc lát rồi quên; còn kẻ hầu cận bèn lấy làm lệ định. Từ đó, qua bọn tham quan lại ngược, dân phải bán vợ đợ con không dứt. Cho nên, nửa bước của bậc thiên tử cũng quan hệ đến dân, không thể coi nhẹ được. Riêng họ Thành vì sâu một mà nghèo, vì dế chọi mà giàu, vênh vang áo cừu, ngựa béo, lúc còn bị lí dịch sách nhiễu chắc chẳng tưởng đến chuyện như thế. Còn ơn trời đền đáp sao mà dài lâu hậu hĩ vậy, khiến cho quan tỉnh, quan huyện đều được hưởng ân huệ và phúc ảm⁽¹⁾ của dế. Ta từng nghe: “Một người thắng thiên, gà chó cũng thành tiên.”⁽²⁾ Đáng tin vậy thay!

(Liêu Trai chí di, NGUYỄN VĂN HUYỀN dịch,
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)



1. Dế chọi thuộc thể loại truyện nào? Em dựa vào yếu tố nào để xác định điều đó?
2. Truyện có những nhân vật nào? Hãy phân tích nhân vật Thành Danh và dế con.
3. Theo em, qua nội dung của truyện *Dế chọi*, tác giả muốn tập trung thể hiện điều gì?
4. Hãy chỉ ra những yếu tố kì lạ, kì ảo trong truyện *Dế chọi* và cho biết tác dụng của những yếu tố này.
5. Lời bàn của tác giả ở cuối truyện có tác dụng gì? Hãy xác định thái độ của tác giả trong lời bàn và chỉ ra các câu văn thể hiện rõ thái độ đó.
6. Viết một đoạn văn (khoảng 12 – 15 dòng) thể hiện suy nghĩ của em về một vấn đề xã hội đặt ra trong truyện *Dế chọi*.

VIẾT

Viết truyện kể sáng tạo

1 Định hướng

1.1. Truyện kể sáng tạo là một văn bản tự sự, ở đó, người kể (có thể là nhân vật trong truyện – ngôi thứ nhất, hoặc người ngoài cuộc – ngôi thứ ba) kể lại một cách sáng tạo những sự việc đã diễn ra ở một không gian, thời gian nào đó, gắn với những

(1) *Phúc ảm*: chỉ công danh, chức tước triều đình ban cho con cháu do cha ông lập được nhiều công tích.

(2) Câu này theo tích Hoài Nam Vương Lưu An tu luyện đắc đạo bay lên trời, lũ gà chó trong nhà được ăn thuốc luyện còn dư cũng đều trở thành tiên. Tác giả mượn tích trên nhưng có ý chế giễu.

nhân vật cụ thể. Thông qua câu chuyện, tác giả gián tiếp thể hiện quan điểm, suy nghĩ, thái độ của mình về những vấn đề của đời sống. Trong truyện, bên cạnh lời kể, còn có những câu, đoạn văn miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật đặc điểm của nhân vật hoặc bối cảnh, đồng thời bộc lộ cái nhìn, tình cảm, cảm xúc của người kể và của chính nhà văn. Truyện kể sáng tạo có thể là một câu chuyện hoàn toàn mới hoặc mô phỏng một truyện đã có nhưng điều chỉnh, thay đổi các chi tiết, sự việc, nhân vật,... theo ý tưởng của người kể.

Viết truyện kể sáng tạo là tạo lập một văn bản tự sự có yếu tố hư cấu và có tính nghệ thuật nhất định. Khác với các văn bản như nhật kí, hồi kí, bản tường trình,..., truyện cho phép người viết tưởng tượng những sự việc, con người hoàn toàn không có thật (ví dụ: thần tiên, ma quỷ,...) hoặc chỉ có một phần sự thật (ví dụ: *Sự tích Hồ Gươm*). Nhưng dù hư cấu thế nào thì truyện vẫn luôn đặt ra những vấn đề của đời sống con người. Vì thế, việc sáng tạo ra các tình huống, sự việc, chi tiết, nhân vật (con người, con vật, thần, thánh,...),... chỉ là phương thức để người viết gửi gắm những thông điệp về cuộc sống. Đó có thể là một bài học về đạo lí, lối sống hay một quan niệm, một góc nhìn về thiên nhiên, xã hội, con người.

1.2. Để viết truyện kể sáng tạo, các em cần lưu ý:

- Mục đích viết truyện kể sáng tạo là gì? Truyện hướng tới đối tượng người đọc nào?
- Truyện kể việc gì hoặc mô phỏng truyện nào? Ai sẽ là người kể chuyện?
- Câu chuyện diễn ra ở đâu (không gian), vào thời điểm nào (thời gian)? Truyện có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?
- Truyện mở đầu, diễn biến và kết thúc ra sao?
- Cần đưa các yếu tố miêu tả, biểu cảm vào những đoạn nào trong truyện và để làm gì?

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập^(*): *Hãy nhập vai một trong ba nhân vật: Me-ri, cha dượng hoặc mẹ Me-ri (trong văn bản “Vụ cải trang bất thành”, trích “Sơ-lốc Hôm” của Doi-lo) để kể lại câu chuyện trong phần ③ của văn bản.*

a) Chuẩn bị

- Đọc lại văn bản *Vụ cải trang bất thành*, chú ý phần ③ của văn bản.
- Xác định người kể: Me-ri, cha dượng hay mẹ Me-ri để chuyển lời kể cho phù hợp với ngôi kể.

b) Tìm ý và lập dàn ý (ví dụ với người kể là Me-ri)

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

(*) Trong mục 2. Thực hành của các phần *Viết, Nói và nghe*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

- + Nội dung chính của phần ③ kể về việc gì?
- + Nếu là Me-ri kể lại thì lời văn và chi tiết câu chuyện phải thay đổi như thế nào?
- + Cần tạo lại tình huống và sắp xếp lại câu chuyện như thế nào theo lời kể của Me-ri?
- + Lựa chọn hoặc bổ sung các chi tiết miêu tả, biểu cảm vào câu chuyện thế nào?
- Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:

Mở đầu

Nêu bối cảnh câu chuyện: Khi Hôm vạch tội của Uyn-di-banh, Me-ri đã có mặt và chứng kiến cảnh cuối.

Diễn biến

Kể tóm tắt lại sự việc qua lời kể của Hôm (trang 15 – 16), ví dụ:

- + Tôi nhìn thấy Uyn-di-banh thu mình trong ghế bành, đầu gục xuống, sụp đổ hoàn toàn khi nghe Hôm kể lại toàn bộ sự việc.
- + Hoá ra hẳn (Uyn-di-banh) đã lừa dối tôi bằng cách: lợi dụng sự đồng loã của vợ là mẹ tôi, cùng tình trạng cận thị nặng của tôi, để đóng giả làm Hót-mơ Ên-giô và tán tỉnh, tỏ tình với tôi.
- + ...

Kết thúc

Nêu suy nghĩ của Me-ri sau vụ việc. Ví dụ: Tôi hoàn toàn ngỡ ngàng trước âm mưu của ông cha dượng và rất cảm ơn Hôm đã giúp mình làm sáng tỏ vụ việc, tránh được một sai lầm khủng khiếp trong đời.

c) Viết

Viết văn bản truyện theo dàn ý. Trong khi viết, có thể điều chỉnh, bổ sung các chi tiết hoặc các yếu tố miêu tả, biểu cảm, miễn là hợp lí.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

– Đọc lại văn bản đã viết và đối chiếu với dàn ý đã lập để xác định những nội dung còn chưa đúng, bị sót hoặc tản mạn, lạc ra ngoài phạm vi đề tài, chủ đề của truyện. Chú ý sử dụng ngôi kể và điểm nhìn để kể lại sự việc, diễn biến và lời văn cho phù hợp với ngôi kể; các chi tiết mà mình đã “sáng tạo” thêm vào câu chuyện có hợp lí hay không.

– Rà soát lại văn bản để kiểm tra và chỉnh sửa các lỗi hình thức (nếu có) như: lỗi chính tả, lỗi dùng từ, diễn đạt khó hiểu.

– Trong trường hợp có sai sót về nội dung và hình thức, cần đánh dấu những phần đó, ghi nội dung chỉnh sửa ở bên lề văn bản hoặc vào giấy nhớ,...

– Dựa vào kết quả của những việc làm trên, tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện văn bản.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Kết hợp kể, miêu tả và biểu cảm trong văn bản truyện

a) Cách thức

Trong văn bản truyện nói riêng và văn bản tự sự nói chung, kể, miêu tả và biểu cảm là các thao tác thường kết hợp với nhau để làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, các sự việc, sự vật, chi tiết, nhân vật,... sinh động hơn; đồng thời, thể hiện được tài năng quan sát, tưởng tượng cũng như biểu lộ rõ ràng cảm hứng, thái độ, quan điểm của người viết. Không có kể, sẽ không có truyện vì kể là thao tác làm hiện ra câu chuyện. Nhưng không có miêu tả và biểu cảm thì việc kể sẽ giảm đi sự lôi cuốn vì các chi tiết khô cứng, ngôn ngữ không giàu hình ảnh và khó truyền cảm xúc cho người đọc.

b) Bài tập

Đọc đoạn truyện sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Thành vạch cây vén cỏ, căng mắt dòm tìm như đi tìm mũi kim hạt cải, nhưng không thấy dấu vết gì cả. Bỗng có một con ếch nhảy vọt ra, Thành kinh ngạc vội đuổi theo. Ếch lặn vào đám cỏ. Thành dõi theo hướng, lần tìm thấy một chú dế nấp dưới gốc gai. Thành chộp vội, nhưng dế đã chui tọt vào hang. Lấy cổ nhọn chọc, nó vẫn nằm lì trong ấy. Sau phải đem ống phun nước vào, bị sặc, một chú dế cực kì to khoẻ mới bò ra. Tóm được chú ta, nhìn kĩ: mình to, đuôi dài, cổ xanh, cánh vàng. Thành vô cùng mừng rỡ liền nhốt vào lồng mang về. Cả nhà ăn mừng, cho dầu có bắt được trên châu, bảo ngọc cũng không bằng. Rồi thả vào bồn, nuôi nấng hằng ngày bằng thóc ngâm sữa, thịt cua luộc, chăm sóc chi chút từng li từng tí, đợi đến kì hạn nộp quan.”
(Bồ Tùng Linh)

– Chỉ ra các từ ngữ, câu văn thể hiện yếu tố kể, miêu tả và biểu cảm trong đoạn truyện trên.

– Hãy cho biết: Nếu bỏ các từ ngữ, câu văn miêu tả và biểu cảm thì đoạn truyện trên sẽ thay đổi như thế nào? Vì sao?

NÓI VÀ NGHE

Kể một câu chuyện tưởng tượng

1 Định hướng

1.1. Câu chuyện tưởng tượng là câu chuyện không có thật, do người kể tự hình dung, tưởng tượng ra. Tuy nhiên, câu chuyện tưởng tượng phải có cơ sở từ thực tế cuộc sống; nghĩa là tình huống, bối cảnh, nhân vật, sự việc,... trong câu chuyện phải

gắn với cuộc sống, có thể đã, đang và sẽ xảy ra trong cuộc sống. Câu chuyện tưởng tượng ấy cũng phải có ý nghĩa, mang đến một thông điệp về cuộc sống và con người,...

Câu chuyện tưởng tượng có thể do các em tạo ra nhưng cũng có thể dựa vào một câu chuyện đã có sẵn để kể theo cách của mình như phần viết truyện kể sáng tạo đã học.

1.2. Muốn kể một câu chuyện tưởng tượng, các em cần chú ý xác định một số yếu tố quan trọng tạo nên câu chuyện:

- Chuyện kể về việc gì, xảy ra trong bối cảnh nào? (Bối cảnh gồm không gian, thời gian xảy ra câu chuyện).

- Có những ai (nhân vật nào) tham gia câu chuyện? Ai là nhân vật chính? Chân dung nhân vật chính (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ, tâm trạng,...) như thế nào?

- Câu chuyện xảy ra thế nào (cốt truyện)? (Kể lại câu chuyện bằng cách nêu sự việc, nhân vật, các mâu thuẫn và việc giải quyết mâu thuẫn theo một trình tự: mở đầu, diễn biến, kết quả).

Để rèn kỹ năng kể một câu chuyện tưởng tượng, trước hết, các em có thể kể một câu chuyện đã học hoặc đã đọc, đã nghe bằng cách mở đầu, thêm, bớt các chi tiết, sự việc, nhân vật hoặc điều chỉnh cách kết thúc câu chuyện. Sau đó, các em có thể sáng tạo câu chuyện hoàn toàn do mình tưởng tượng. Đó là lúc các em bắt đầu tập sáng tác văn học.

2 Thực hành

Bài tập: *Lựa chọn một trong hai đề sau:*

(1) *Hãy nhập vai một trong ba nhân vật: Me-ri, cha dượng hoặc mẹ Me-ri (trong văn bản “Vụ cải trang bất thành”, trích “Sơ-lốc Hôm” của Đoi-lơ) để kể lại câu chuyện trong phần ③ của văn bản.*

(2) *Hãy kể lại theo lời của Vũ Nương câu chuyện tưởng tượng về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa Vũ Nương và mẹ chồng ở một thế giới khác.*

a) Chuẩn bị (ví dụ với đề 1)

- Xác định đối tượng người nghe và bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung kể phù hợp.

- Chuẩn bị các phương tiện trình chiếu (nếu có).

- Xem lại dàn ý đã làm trong phần *Viết*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Dựa vào dàn ý đã làm trong phần *Viết*, có thể thêm, bớt các ý mới phù hợp với yêu cầu bài nói (kể lại một câu chuyện tưởng tượng).

c) Nói và nghe

Người nói	Người nghe
– Nội dung câu chuyện cần được kể rõ ràng, cụ thể, dễ theo dõi. – Giọng kể diễn cảm, có ngữ điệu theo diễn biến nội dung, tình huống, cảm xúc của nhân vật. – Tôn trọng, hướng về phía người nghe. – Sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động và phù hợp. – Tốc độ kể vừa phải, không nên quá nhanh khiến người nghe khó theo dõi. – Bảo đảm yêu cầu về thời gian kể.	– Lắng nghe, xác định và ghi lại nội dung chính của câu chuyện, chú ý yếu tố tưởng tượng. – Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người kể. – Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi quan điểm cá nhân về nội dung, cách thức kể chuyện.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
– Lắng nghe nhận xét của các bạn và thấy cô về câu chuyện vừa kể. – Rút kinh nghiệm về nội dung, cách thức và thái độ,... – Tự đánh giá: + Em hài lòng về câu chuyện mà mình vừa kể ở những điểm nào? + Em muốn thay đổi điều gì trong phần kể vừa rồi?	– Kiểm tra xem việc nghe và ghi chép nội dung câu chuyện đã chính xác chưa. – Đánh giá: + Em thấy câu chuyện mà bạn vừa kể có hấp dẫn, thú vị không? Vì sao? + Em tâm đắc với yếu tố tưởng tượng, hư cấu nào của câu chuyện? + Em học được điều gì từ câu chuyện và cách kể chuyện của bạn?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

GÓI THUỐC LÁ

(Trích)

(Truyện mở đầu bằng cái chết của nhân vật Đường trong một căn phòng trên gác. Cái chết này rất bí hiểm vì trước đó, Đường không có biểu hiện gì khác thường và khi chết “cũng

không có dấu hiệu chống cự”, “không có một tiếng kêu”. Tang chứng của vụ án chỉ là cái “danh thiếp khổ lớn”, đằng sau “có một hàng chữ viết hoa bằng bút chì: X.A.E.X.I.G.” và lá thư cầu cứu mà Đường gửi Lê Phong – nhà báo kiêm thám tử, vào một ngày trước khi Đường bị sát hại. Mọi nghi ngờ đổ dồn cho Nông An Tăng – người có mối thù với gia đình Đường vì cái chết của cha anh ta do cha của Đường gây ra. Điều này càng có căn cứ khi nhân vật này tấn công Lê Phong và Bình (bạn của Lê Phong và nạn nhân) rồi chạy thoát. Trong lúc quá trình điều tra vẫn đang diễn ra thì một án mạng khác lại ập đến. Bên cạnh xác chết lại là tấm danh thiếp có các chữ cái “X.A.E.X.I.G.” và mặt sau là dòng chữ in tên Nông An Tăng... Vụ án càng trở nên phức tạp. Liệu hung thủ có phải là Nông An Tăng? Ai sẽ là nạn nhân tiếp theo? Lê Phong với tài quan sát và óc phán đoán của mình có thể tìm ra được hung thủ trước Kỳ Phương – một thám tử có bề dày kinh nghiệm và chuyên nghiệp?)

[...] Phong mỉm cười, [...] anh trả lời viên thanh tra mật thám:

– Thưa ông Mai Trung, hung thủ hai vụ án mạng, người bị trói trước mặt các ngài đây, tên là Đinh Võ Thạc.

– Sao? Sao? Đinh Võ Thạc! Thạc là hung thủ?

[...] Kỳ Phương hỏi:

– Ai cũng tưởng ông Tăng là hung thủ vì bề ngoài có nhiều chứng cứ rõ rệt, trừ có ông Lê Phong. Nhưng vì sao mà ông không ngờ cho Tăng? Ngay từ lúc đầu, vì sao chưa có chứng cứ gì, ông đã biết ngay là ông Tăng bị tiếng oan?

Phong đáp:

– Có nhiều chứng cứ lắm chứ! [...] Trước khi nói đến cách hành động của hung thủ, tôi hãy xin nói đến nguyên nhân vụ án mạng. Cái nguyên nhân đó, tôi tìm thấy ở những chữ viết sau tấm danh thiếp của ông Nông An Tăng. Tấm danh thiếp đó, ông Tăng để lại hôm thứ Năm, lúc muốn gặp Đường. Đường không tiếp và giữ tấm danh thiếp. Lúc đó thì những chữ X.A.E.X.I.G. chưa có, và giá không vì một sự tình cờ không có nghĩa lí gì hết thì chữ ấy không viết lên đó bao giờ. Ai viết lên? Điều đó trước khi xem lại các tang vật và trông thấy nét chữ, tôi đã đoán ra, và sau lại có cơ để tin một cách chắc chắn: Đó là chữ của người bị giết, chữ của Đường, Đường viết lên lúc ngồi buồn một mình và lúc trong lòng có một sự tiếc hận.

– Sao lại tiếc?

– Tiếc là chỉ sai có một chút nhỏ, nếu không thì Đường giàu to. Đây, tôi xin cắt nghĩa: Những chữ cái ta tưởng là những lời bí mật đó chỉ là những chữ số dịch ra chữ cái: A là 1, B là 2, C là 3,... Tại sao tôi lại biết thế, chỉ vì tôi thấy trong đó có sáu chữ, trừ hai chữ giống nhau, còn những chữ khác không chữ nào theo thứ tự mà ở quá số 10. Tôi liền thử đổi lại chữ cái bằng chữ số xem thì thấy đó là một hàng bốn chữ số 1597 và hai chữ X. Chữ X, nếu theo thứ tự, sẽ là số 23, nhưng nếu muốn dùng số 23, sao không viết chữ B.C? Vậy chữ X là số vô danh theo khoa toán pháp⁽¹⁾ và

(1) Khoa toán pháp: toán học.

ở đây, đó là một chữ có thể thay cho số 0. Tôi ghép lại thử xem. Không ngờ thử mà thành ra thực. X.A.E.X.I.G. tức là 015097, con số trúng độc đặc trong kì xổ số Đông Dương vừa rồi. Đó là điều tôi tìm ra trong suy đoán tình cờ và tự nhiên thấy hợp lí. Nhưng sự tình cờ bao giờ cũng đáng coi chừng nên tôi tìm cách thử ngay lại. Trong lúc các ông tra vấn ở giữa nhà, thì tôi bấm thẳng nhỏ đến một góc hỏi nó xem anh Đường có mua vé số bao giờ không. Thằng nhỏ nhớ rằng có, mà chính Đường đưa cho nó một đồng bạc đi mua. Hỏi số bao nhiêu thì nó nói là không biết chữ. Tôi chợt để ý đến một số báo đã ra từ mấy hôm trước vớt gần đó; tôi liền lượm lấy và xuống nhà xem một mình. Thì ra đó là số báo có đăng kết quả cuộc xổ số, nhưng xem kĩ thì số độc đặc in ở báo này là số 015098 chứ không phải là 015097 như trên mọi tờ báo khác. Sao lại thế nhỉ? Báo này cũng là một tờ báo đúng đắn, sao lại có sự lầm to lớn đến thế được! Bỗng nhiên, tôi nghĩ ra một điều rất dị kì! Hẳn là có người biết Đường trúng số và vì Đường bị ốm ở nhà mấy ngày, nên đã tìm cách thuê in mấy số báo riêng để cho Đường không ngờ là mình trúng. Đường vốn là người kín đáo, mua số chỉ cho thằng nhỏ biết và lúc tưởng là không trúng thì chỉ phàn nàn riêng một mình, phàn nàn bằng cách loay hoay viết những con số không may ra chữ hoa, trong lúc ngồi buồn một mình và ngẩn ngơ tiếc. Đáng tiếc nhất là số trúng độc đặc thấy trên báo chỉ sai với số mình mua có một con rất gần. Những điều phỏng đoán vừa rồi, sáng ngày tôi đã có thì giờ thử lại, đều đúng cả. Nhà báo in số báo kia có một người thợ nhận thực với tôi rằng có người cho hẳn hai chục để hẳn đổi mấy con số nói trên kia. Việc tráo đổi rất dễ dàng: phải dán lên cột báo một khoảng giấy rồi cho in, xong rồi bóc ra, sắp chữ riêng và in lại những chỗ nào thiếu...

Nhưng người định chiếm cái số độc đặc kia là ai? Tất nhiên là người hay chú ý đến Đường, là người tâm giao của Đường và tất nhiên là mấy người bạn ở cùng nhà Đường, là Huy và Thạc. Tôi tìm hung thủ trong hai người này chăng? Thoạt tiên thì đó là điều vô lí hết sức. Huy là người tôi biết đã lâu lắm, hiền lành, ngay thẳng,... Còn Thạc cũng là người tôi quen, hoạt bát, thông minh và ăn nói dễ thương. Vả lại, chính lúc xảy ra án mạng, cả hai người cùng đi xem chớp bóng với tôi, Huy ngồi bên cạnh tôi, và Thạc cũng ngồi liền một bên. Tôi ngồi giữa... Tuy vậy, một sự gì rất bí nhiệm⁽¹⁾, một điều quan sát không mấy khi ta lưu tâm đến... lúc thường tôi bỏ qua, nhưng bấy giờ đến mách bảo tôi, khiến tôi ngờ rằng hung thủ là Thạc. Thạc có những cử chỉ khác mọi ngày. Mọi ngày bẻm mép và to tiếng thì lúc ngồi trong nhà chiếu bóng, anh ta lại im lặng, và cả trong những đoạn phim vui nhất, anh ta cũng ít khi cười. Thường thường, không bao giờ Thạc xúc nước hoa, mà tối hôm qua người anh ta thơm phức; rất ghét những ca vát sắc sỡ, Thạc hôm qua đeo một cái ca vát đỏ chói vừa mới mua được hai hôm. Sự thực đến như một luồng ánh sáng, tôi gần như thấy cách hành động của hung thủ, và nhân một lúc tôi giả vờ nói những câu điên dại (Các ông hẳn còn nhớ lúc ngạc nhiên đấy chứ?), nói những lời cốt làm cho mọi người

(1) *Bí nhiệm*: bí hiểm.

không hiểu gì hết, tôi liếc mắt nhìn kĩ vẻ mặt con người mà tôi đã bắt đầu ngờ. Tôi lại nghĩ ra được một mẹo nhỏ, và sau đó mười phút, tôi đến gần, bảo Thạc: “Anh trả tôi gói thuốc lá chứ! Gói thuốc lá anh mượn từ lúc ngồi xem xi nê kia mà!”. Thạc hình như chợt nhớ ra, lấy gói thuốc lá trả tôi, và tôi hiểu rằng mưu của tôi đã thành.

[...] Vậy cái anh Thạc ngồi trong nhà chiếu bóng đã có một vài lúc không phải là Thạc chính hiệu. Đó là Thạc giả hiệu, Thạc số hai. Mãi mười giờ sáng hôm nay tôi mới tra căn cước tìm ra là Đinh Võ Tạc, em đẻ sinh đôi với Thạc, là một đứa lêu lổng, bỏ nhà, bỏ học và bị gia đình tù. Thạc ghét em và không bao giờ hẳn muốn gặp mặt, nhưng hôm mở sổ, bỗng nghĩ đến hẳn và lợi dụng khuôn mặt giống nhau của hai anh em, Thạc tính kế giết Đường.

Trước hết, Thạc thuê in tờ báo đổi số trên đem về cho Đường xem, để Đường không biết là mình được số độc đắc. Rồi ngay hôm sau, bàn tính với Tạc các kế hoạch. Thạc có khôn ngoan rủ Huy đi xem chiếu bóng và nhân thể mời Văn Bình và tôi cùng đi. Ba người có đủ tín nhiệm để làm chứng rằng Thạc không thể nào về nhà trong lúc Đường bị giết. Đến cửa nhà chiếu bóng, nhân lúc mọi người không để ý, Thạc lên ra tức khắc, Tạc vào thế chân. Hai người ăn mặc không khác nhau một tí gì (hai cái ca vát, cùng màu đỏ chói làm điểm quan trọng cho mọi người nhớ rõ khi nghĩ lại) và thứ nước hoa xúc trên mình cùng một hiệu. Ai ngờ được sự tráo lộn của hai giọt nước ấy? Cho nên tôi cũng như Huy và Bình vẫn yên trí rằng Thạc ngồi với mình.

Trong lúc đó thì Thạc về nhà, hẳn là đi xe cho nhanh, bắt chước tiếng trợ trợ gọi cửa nhà số 44 bit Ri-sô (bis Richaud), hỏi ông cụ mấy câu và khi ông cụ đóng cửa vào, vặn khoá ở trong thì Thạc dùng chìa khoá riêng lựa đẩy cho chiếc ổ trong ổ rơi ngay xuống đất. Công việc ấy làm rất khéo khiến cho ông cụ tưởng mình vụng tay và lẩm cẩm đánh rơi.

[...] Nghe ngóng một lúc, khi biết ông cụ đã ngủ yên, Thạc cẩn thận mở chìa khoá rất êm, lên nhà, Đường còn ngồi đọc sách, nhưng lúc đó không cử động nữa vì Đường đã bị cái khói thuốc trừ muỗi của Thạc chế riêng làm mê đi từ lúc Thạc còn ở nhà. Thuốc này lúc sau không ai tìm ra, tôi phải nhờ thằng nhỏ lên quét lại nhà mới thấy còn có một mẩu ngấn và đã tắt. Không vội vã, Thạc rút con dao Thổ sấm sắn từ trước, giết chết Đường một cách rất êm lặng; lục ví Đường lấy cái vé trúng độc đắc, xoá các vết tích có thể tố cáo Thạc, bình tĩnh xuống nhà, rồi thản nhiên đến nhà chiếu bóng thay chân cho Tạc sau hồi “tạm nghỉ”. [...]

(THẾ LŨ, *Gói thuốc lá*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1999)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Câu chuyện bắt đầu bằng tình huống nào?

- | | |
|-------------------------------|---|
| A. Bức thư Đường gửi Lê Phong | B. Dòng chữ bí hiểm trên tấm danh thiếp |
| C. Cái chết bí hiểm của Đường | D. Việc Tăng tấn công Lê Phong |

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ tám chữ hoặc thơ tự do thể hiện qua kết cấu, bố cục, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần trong văn bản.
- Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.
- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến về thơ tám chữ.
- Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước.

Kiến thức ngữ văn

1. Thơ tám chữ, thơ tự do

– Thơ tám chữ là thể thơ trong đó mỗi dòng thơ có tám chữ (tiếng), ngắt nhịp đa dạng, gieo vần theo nhiều cách khác nhau nhưng phổ biến nhất là vần chân. Bài thơ tám chữ có thể gồm nhiều đoạn dài với số dòng không hạn định hoặc có thể được chia thành các khổ.

Ví dụ, ở đoạn thơ dưới đây, mỗi dòng đều có tám chữ; các dòng thơ chủ yếu gieo vần chân; nhịp thơ linh hoạt, có thể là 2/6, 3/5, 4/4, 3/2/3,...

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mỗi đống uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?*

(Thế Lữ)

– Thơ tự do là thể thơ không có quy định bắt buộc về số dòng trong bài và số chữ ở mỗi dòng, về vần, bằng trắc và nhịp điệu. Tất cả các yếu tố này đều có thể thay đổi tùy thuộc vào mục đích của người viết.

Ví dụ, trong đoạn thơ sau, số chữ trong mỗi dòng thơ không đều nhau; các dòng thơ gieo vần hỗn hợp; nhịp thơ thay đổi qua từng dòng thơ và bỏ qua các nguyên tắc viết hoa thông thường:

*chúng tôi qua cái khắc nghiệt mùa khô
qua mùa mưa mùa mưa dai dẳng
võng mắc cột tràm đêm ướt sũng
xuống vượt sông dưới pháo sáng nhạt nhoà
đôi lúc gần người một ráng đỏ chiều xa
quên đời mình thêm tuổi
chân dép lộp đạp mòn trăm ngọn núi
mà không hề rợp bóng xuống tương lai*

(Thanh Thảo)

2. Kết cấu, bố cục, ngôn từ

– Kết cấu là sự sắp xếp, tổ chức các thành tố của bài thơ thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa, tùy theo nội dung và thể thơ. Khi sáng tác, người viết có những mục đích nhất định về tư tưởng và nghệ thuật. Theo những mục đích ấy, tác giả sẽ xây dựng một kết cấu, nghĩa là bố trí, sắp xếp từ ngữ, các dòng hoặc khổ hay đoạn thơ để khắc họa hình tượng nghệ thuật và bộc lộ cảm xúc theo một trật tự nhất định. Kết cấu cho thấy tác phẩm sẽ bắt đầu từ đâu, kết thúc ở chỗ nào, yếu tố nào cần được nhấn mạnh,... Ví dụ: Trong bài thơ *Quê hương*, hình tượng quê hương được nhà thơ Tế Hanh thể hiện theo trật tự thời gian (hồi tưởng về quê hương trong quá khứ rồi trở về với hiện tại, trong đó tập trung vào việc hồi tưởng), từ đó bộc lộ cảm xúc và tư tưởng của nhà thơ đối với hình tượng ấy.

– Bố cục là bề mặt của kết cấu. Ở những tác phẩm có dung lượng ngắn, bố cục có thể trùng hợp với kết cấu. Ví dụ: Bài thơ *Chiều xuân* (Anh Thơ) gồm ba khổ thơ: khổ thứ nhất – cảnh chiều xuân “trên bến vắng”, khổ thứ hai – cảnh chiều xuân ở “ngoài đường đê”, khổ thứ ba – cảnh chiều xuân “trong đồng lúa”.

– Ngôn từ là chất liệu của thơ. Ngôn từ thơ được cấu tạo đặc biệt: có vần và nhịp; có tính hàm súc, cô đọng nhờ việc sử dụng nhiều biện pháp tu từ; có những cách kết hợp từ mới và bất ngờ; giàu nhạc tính với những âm thanh luyến láy, từ ngữ trùng điệp, phối hợp bằng trắc,... Ví dụ: Trong bài thơ *Quê hương*, các dòng thơ được ngắt nhịp đa dạng, chủ yếu gieo vần chân; có nhiều biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, liệt kê,...; có sự phối hợp bằng trắc rất linh hoạt.

3. Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của tác phẩm

– “Cảm hứng chủ đạo là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận.”⁽¹⁾ Cảm hứng chủ đạo có sự nhất quán với đề tài và tư tưởng của tác phẩm. Đó có thể là những tình cảm khẳng định như ngợi ca, vui sướng, biết ơn, tin tưởng, yêu thương, đau xót, thương tiếc,...; nhưng cũng có thể là những tình cảm phủ định các hiện tượng tiêu cực, xấu xa như tố cáo, căm thù, phẫn nộ, châm biếm, mỉa mai, chế giễu,... Các tình cảm đó được gọi lên bởi những hiện tượng xã hội được phản ánh và hình tượng nghệ thuật được khắc họa trong tác phẩm, tạo thành nội dung cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. Ví dụ: Cảm hứng chủ đạo trong bài *Bếp lửa* (Bằng Việt) là nỗi nhớ, tình thương, sự kính trọng và biết ơn bà của người cháu.

– Tư tưởng của tác phẩm là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức mà tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. Tư tưởng là linh hồn của văn bản. Ví dụ: Chủ đề của bài *Bếp lửa* là những hồi tưởng, suy tư về bà của người cháu khi đã trưởng thành và đi xa. Qua bài thơ, tác giả cho thấy trong thế giới hoài niệm của người cháu, bà là người đã trải qua nhiều gian khổ, cơ cực; bà không chỉ là người nhóm lửa, người giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

4. Các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần

– Chơi chữ là biện pháp tu từ thể hiện ở việc người nói (người viết) khai thác nét đặc sắc về mặt ngữ âm, chữ viết, ngữ nghĩa của các từ ngữ để tạo nên sự bất ngờ, làm cho câu nói dí dỏm, hài hước và thú vị. Chơi chữ thường được sử dụng trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày và trong văn chương, đặc biệt là trong thơ trào phúng, tục ngữ, ca dao, câu đối, câu đố.

Các lối chơi chữ thường gặp là:

+ Dùng từ ngữ đồng âm. Ví dụ: “Ruồi **đậu** mâm xôi **đậu** – Kiến **bò** đĩa thịt **bò**.” (Câu đối).

+ Dùng lối nói trại âm (gần âm). Ví dụ: “Sánh với Na-va (Navarre) “**ranh tướng**” Pháp / Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương.” (Tú Mỡ).

+ Dùng cách điệp âm. Ví dụ: “**Mênh mông muôn mầu một màu mưa / Mỗi mắt miền man mãi mịt mờ.**” (Tú Mỡ).

(1) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 2005.

- + Dùng lối nói lái. Ví dụ: “**Kiến tổ** vừa đổ vừa giăng.” (Câu đối).
- + Dùng từ đa nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa. Ví dụ, dùng từ đa nghĩa để tạo ra hai cách hiểu: “Còn trời, còn nước, còn non / Còn cô bán rượu, anh còn **say sưa**.” (Ca dao).
- + Sử dụng các tiếng hay từ chỉ những sự vật có quan hệ gần gũi với nhau. Ví dụ: “Con trai Văn **Cốc**, lên dốc bắn **cò**, đứng lăm **le**, cười khanh **khách**. / Con gái Bát **Tràng**, bán hàng thịt **ếch**, ngồi châu **chấu**, nói ương **ương**.” (Câu đối).
- Điệp thanh là biện pháp tu từ thể hiện ở việc người nói (người viết) dùng lặp lại nhiều lần một kiểu thanh điệu ở các âm tiết nhằm tạo âm hưởng nhất định cho câu thơ, câu văn và nhấn mạnh vào một nghĩa nào đó. Ví dụ, trong câu thơ: “Sương nương theo trăng ngừng lưng trời / Tương tư nâng lòng lên chơi vơi.” (Xuân Diệu), việc lặp lại thanh bằng ở tất cả các âm tiết trong hai dòng thơ tạo nên âm hưởng nhẹ nhàng, chậm rãi; miêu tả trạng thái lâng lâng của tâm hồn.
- Điệp vần là biện pháp tu từ thể hiện ở việc người nói (người viết) dùng lặp lại một vần ở các âm tiết đứng gần nhau nhằm tạo âm hưởng, vần điệu nhất định cho câu thơ, câu văn và nhấn mạnh vào một nghĩa nào đó. Ví dụ, trong câu thơ: “Anh dắt em vào cội Bác xưa / Đường xoài hoa **trắng nắng** đu đưa.” (Tố Hữu), việc lặp lại vần *ăng* (có âm mũi **ng** gây ấn tượng vang) ở hai âm tiết đứng liền nhau (*trắng, nắng*) trong dòng thơ thứ hai tạo nên ấn tượng những chùm hoa nối tiếp nhau đu đưa dưới nắng; miêu tả sinh động khung cảnh tươi đẹp, thanh bình của nơi Bác Hồ từng sống và làm việc.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Quê hương^(*)

TẾ HANH

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)
- Khi đọc hiểu văn bản thơ tám chữ, bên cạnh những việc cần làm để hiểu bài thơ, các em cần chú ý:^(***)
 - + Vần trong bài thơ được gieo như thế nào? Các dòng thơ được ngắt nhịp ra sao?
 - + Bài thơ khắc hoạ hình tượng nào?

(*) Bài thơ này được in lần đầu trong tập *Nghẹn ngào* (1939), sau được in lại trong tập *Hoa niên* (1945).
 (**), (***) Khi đọc hiểu văn bản thơ tám chữ khác trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?
Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là gì?

+ Bài thơ có kết cấu và bố cục như thế nào? Nội dung chính của mỗi phần trong bài thơ là gì?

+ Bài thơ có những từ ngữ và biện pháp nghệ thuật nào đặc sắc? Việc sử dụng các từ ngữ và biện pháp nghệ thuật đó đem lại tác dụng như thế nào?

+ Bài thơ thể hiện tư tưởng nào của nhà thơ?

– Đọc trước bài thơ *Quê hương*, tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Tế Hanh.

– Em thích nhất điều gì ở nơi mình sinh ra và lớn lên? Hãy chia sẻ điều đó với các bạn.



Tê Hanh (1921 – 2009),
quê ở Quảng Ngãi

2 Đọc hiểu

1. Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông,

Ai là người bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

3. Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,

Dân trai tráng⁽¹⁾ bơi thuyền đi đánh cá.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã⁽²⁾

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Xác định vần và nhịp của các dòng thơ.

9. Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe⁽³⁾ về.

“Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy ghe”,

Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

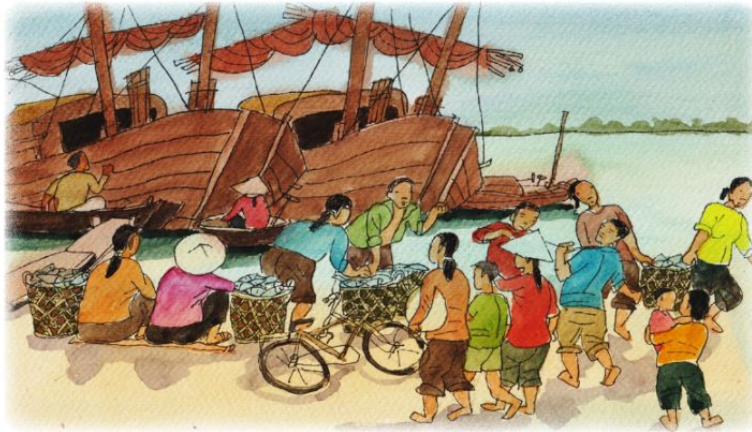
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Chú ý các từ ngữ khắc hoạ hình ảnh con người và con thuyền.

(1) *Trai tráng*: trai trẻ, khoẻ mạnh.

(2) *Tuấn mã*: ngựa đẹp, khoẻ và phi nhanh.

(3) *Ghe* (từ địa phương): thuyền.



17. Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

Xa quê hương, tác giả
nhớ những gì?

(Dẫn theo HOÀI THANH – HOÀI CHÂN, *Thi nhân Việt Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)



1. Xác định bố cục của bài thơ *Quê hương* và nêu nội dung chính của mỗi phần.
2. Nêu cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện trong bài thơ. Cảm hứng đó được thể hiện rõ nhất ở câu hoặc đoạn thơ nào trong bài?
3. a) Hãy miêu tả lại hình ảnh quê hương trong bài thơ bằng lời văn của em.
b) Cảnh những con thuyền ra khơi và cảnh đón thuyền cá về bến được tác giả miêu tả như thế nào? Hình ảnh người dân và cuộc sống làng chài được thể hiện trong hai cảnh này có nét gì nổi bật?
4. Nêu cảm nhận của em về bốn dòng thơ cuối. Từ đó, hãy phát biểu chủ đề và nêu tư tưởng của tác giả.
5. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ *Quê hương*? Vì sao? Chỉ ra điểm giống và khác nhau nổi bật nhất giữa bài thơ *Quê hương* với một bài thơ khác viết cùng đề tài mà em biết.
6. Bài thơ khơi gợi trong em tình cảm gì đối với nơi em đã sinh ra và lớn lên?
(Trả lời bằng một đoạn văn khoảng 10 – 12 dòng).

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)

– Khi đọc hiểu văn bản thơ tự do, bên cạnh các yêu cầu chung về đọc hiểu thơ theo đặc trưng thể loại, các em cần chú ý thêm những yếu tố sau:^(***)

+ Dòng thơ dài, ngắn khác nhau, có thể có vần hoặc không vần,...

+ Vần, nhịp, biện pháp tu từ, từ ngữ và hình ảnh.

– Đọc trước bài thơ *Bếp lửa*; tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Bằng Việt.

– Em nhớ nhất kỉ niệm nào với người thân trong gia đình? Hãy chia sẻ điều đó.



Bằng Việt, sinh năm 1941, quê ở Hà Nội

2 Đọc hiểu

1. Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

4. Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!

Xác định vần và nhịp của các dòng thơ.

9. Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Chú ý tính tự sự kết hợp với biểu cảm ở những dòng thơ này.

(*) Bài thơ này được in trong tập *Hương cây – Bếp lửa* (1968).

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản thơ tự do khác trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

20. Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Chú ý những lời nói, việc làm của bà.

27. Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

30. Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!

Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn này.

38. Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
– Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...

Khổ thơ cuối thể hiện cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?

1963

(In trong sách *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)



1. Kết cấu của bài thơ *Bếp lửa* được tổ chức theo trình tự nào?
2. Người cháu đã hồi tưởng các kỉ niệm về bà và tình bà cháu ở những thời điểm nào? Trong mỗi kỉ niệm đó, tình bà cháu được thể hiện như thế nào? Người bà có ý nghĩa gì với người cháu?
3. Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ có đặc điểm gì? Vì sao khi nhắc đến bếp lửa, người cháu lại nhớ đến bà và ngược lại? Hãy chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh bếp lửa được khắc hoạ trong bài thơ.
4. Hãy xác định những dòng thơ trong bài có hình ảnh ẩn dụ và nêu tác dụng của các hình ảnh đó. Em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?
5. Theo em, những điều gì tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ *Bếp lửa*?
6. Từ bài thơ *Bếp lửa*, em hãy lí giải vì sao những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần

1. Xác định biện pháp tu từ chơi chữ trong những câu dưới đây. Chỉ rõ lối chơi chữ trong mỗi câu và tác dụng của chúng.

- a) *Bán rượu, bán chè, không bán nước.
Buôn trăm, buôn chục, chẳng buôn quan⁽¹⁾.*

(Câu đối)

- b) *Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

(Nguyễn Du)

- c) *Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.*

(1) *Quan*: một đơn vị tiền tệ của Việt Nam thời xưa.

*Mời cô mời bác ăn cùng,
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà.*

(Phạm Hồ)

2. Năm 1946, khi được nhà thơ Hằng Phương biếu một gói cam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm một bài thơ để cảm ơn bà như sau:

*Cảm ơn bà biếu gói cam
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?*

Hãy chỉ ra lối chơi chữ được sử dụng trong bài thơ trên và phân tích tác dụng của lối chơi chữ đó.

3. Phân tích cách chơi chữ được sử dụng trong bài thơ dưới đây: chỉ ra các từ ngữ được tác giả sử dụng để chơi chữ và sự tài tình trong việc sử dụng những từ ngữ đó.

*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn hổ lửa, đau lòng mẹ,
Nay thét mai gầm rát cổ cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lần lưng cam chịu vết roi tra.
Từ nay Trâu, Lỗ⁽¹⁾ xin chăm học,
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

(Lê Quý Đôn)

4. Tìm các biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần trong những câu dưới đây. Chỉ ra tác dụng của chúng.

- a) *Đoạn trường thay lúc phân kì,
Vó câu khắp khênh, bánh xe gập ghềnh.*

(Nguyễn Du)

- b) *Tài cao phận thấp chí khí uất,
Giang hồ mê chơi quên quê hương.*

(Tản Đà)

(1) Trâu, Lỗ: tên nước, quê hương của Mạnh Tử, Khổng Tử; từ Trâu đồng âm với tên rắn hổ trâu.

- c) *Bác đi... Di chúc giục lòng ta
Cho cả muôn đời một khúc ca*

(Tố Hữu)

- d) *Em ơi, Ba Lan mùa tuyết tan
Đường bạch dương sương trắng nắng tràn*

(Tố Hữu)

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Chiều xuân

ANH THƠ

1 Chuẩn bị

– Đọc trước bài thơ *Chiều xuân*; tìm hiểu thêm thông tin về nữ thi sĩ Anh Thơ.

– Em có ấn tượng gì khi đọc các bài thơ viết về mùa xuân?

– Trong *Thi nhân Việt Nam*, các tác giả Hoài Thanh, Hoài Chân đã viết về Anh Thơ như sau: “Không, thơ phải là một tia sáng nổi cỗi thực và cỗi mộng, mặt đất với các vì sao. Thơ không cốt tả mà cốt gợi, gợi cảnh cũng như gợi tình. Cho nên mỗi lần Anh Thơ chịu đi ra ngoài lối tù túng đó để nhìn cảnh vật một cách sâu sắc hơn, lời thơ bỗng trở nên rộng rãi không ngờ và ta thấy khoan khoái biết bao. Sau câu thơ ta mơ hồ thấy một cái gì: có lẽ là hồn thi nhân.”⁽¹⁾.



Anh Thơ (1921 – 2005),
quê ở Bắc Giang

2 Đọc hiểu

- Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
- Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ,
Mấy cánh bướm dập dờn trôi trước gió
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

Bài thơ có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào?

Nhân vật trữ tình xuất hiện trực tiếp hay gián tiếp?

(1) *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1998.



9. Trong đồng lúa xanh ròn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài thơ?

(Dẫn theo HOÀI THANH – HOÀI CHÂN, *Thi nhân Việt Nam*, sách đã dẫn)



1. Chỉ ra bố cục của bài thơ *Chiều xuân*. Nêu nội dung chính của mỗi phần trong bài thơ.
2. Cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện trong bài thơ là gì? Bài thơ triển khai mạch cảm xúc theo trình tự nào?
3. Em hình dung bức tranh cảnh chiều xuân được khắc hoạ trong bài thơ có những gì?
4. Phân tích tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ *Chiều xuân*. Em thích nhất hình ảnh nào trong tác phẩm? Vì sao?
5. Chỉ ra màu sắc hội hoạ trong ngôn ngữ của bài thơ. Hãy vẽ hoặc viết một đoạn văn miêu tả lại bức tranh chiều xuân theo sự hình dung, tưởng tượng của em.



Nhật kí đô thị hoá

MAI VĂN PHẤN^(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước bài thơ *Nhật kí đô thị hoá*; tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Mai Văn Phấn.

(*) Nhà thơ Mai Văn Phấn sinh năm 1955, quê ở Ninh Bình.

– Em hiểu đô thị hoá là gì? Tìm và ghi lại một số thông tin cơ bản về quá trình đô thị hoá từ các nguồn tài liệu (sách, báo, Internet,...).

2 Đọc hiểu



Em hiểu nhan đề của bài thơ như thế nào?

1. Úp mặt vào bóng tối lùm cây
Gió đang chạy trên lưng mình những
bước chân đô thị

Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Bóng tối dẫn tôi về ngôi nhà của mẹ
Ngôi nhà như chiếc bánh không nhân.

5. Nhặt được đồng xu cùn gỉ cuối sân
Ngõ chạm phải tay mình ngày thơ ấu
Những dấu chân ai lún sâu lỗ đảo⁽¹⁾
Từng kiếp người mở mắt... thấy đôi chân cò lội nước trắng mênh mông.

Chú ý những hình ảnh thuộc về “ngày thơ ấu”.

9. Nơi chó đá đầu làng vẫn sủa những con trăng
Có tiếng gọi nghe buồn như củ ứt
Thương quê nghèo mẹ tôi ra bến sông
Vớt những câu ca chưa tan vào nước.

Biện pháp tu từ nào được dùng ở khổ thơ này?

13. Mẹ ơi mẹ! Giờ con thấy bóng râm từ bùn đất
Đất ở dưới chân mà cao hơn những suy nghĩ của mình
Đêm thai nghén những thị thành trướng nước
Ai ấy còn ngơ ngác trước văn minh.

(1) *Lỗ đảo*: lỗ nhỏ khoét dưới đất để chơi đánh đáo.

Chú ý những hình ảnh thể hiện suy nghĩ của nhà thơ.

(Cầu nguyện ban mai, NXB Hải Phòng, 1997)



- VIẾT

1 Định hướng

- 46

2 Thực hành

a) Chọn một trong hai bài thơ tám chữ đã học: *Quê hương* (Tế Hanh) hoặc *Chiều xuân* (Anh Thơ); giới thiệu đặc điểm của thơ tám chữ qua bài thơ đó.

b) Chọn những tiếng trong ngoặc đơn phù hợp để điền vào chỗ có kí hiệu ★ trong những dòng thơ dưới đây. Từ đó, xác định cách gieo vần ở mỗi khổ thơ.

(mỏng, lạnh, nhẹ)
(tơ, xanh, xa)

Ngày ủng hồng sau màn sương gấm ★,
Nắng dát vàng trên bãi cỏ non ★
Dịp cầu xa lộng bóng nước long lanh,
Đàn cò trắng giăng hàng bay phấp phới.
(Đoàn Văn Cừ)

(sẫm, nhạt, toả)
(lạnh, ấm, sưng)

Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói ★
Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về
Cỏ con ghé trên lưng bùn ướt ★
Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre.
(Lưu Quang Vũ)

(xa, lòng, ruột)
(đến, như, ra)

Con xót ★, mẹ hái trái bưởi đào
Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế
Khoai nướng, ngô bung, ngọt lòng ★ thế
Mỗi ban mai toả khói ấm trong nhà.
(Bằng Việt)

c) Viết một bài thơ tám chữ về đề tài quê hương hoặc gia đình

– Chuẩn bị:

- + Em muốn viết điều gì về quê hương hoặc gia đình?
- + Em sẽ đặt tên nào cho bài thơ?
- + Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của em trong bài thơ là gì?
- + Em dự kiến bố cục / kết cấu bài thơ ra sao?
- + Em sẽ đưa vào bài thơ những hình ảnh, biện pháp tu từ nào?

– Viết bài thơ:

- + Viết theo bố cục / kết cấu đã dự kiến.

+ Sắp xếp các từ ngữ trong dòng và trong khổ thơ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thơ tám chữ.

+ Giới thiệu về hình tượng (quê hương hoặc gia đình) ở những dòng thơ / khổ thơ đầu.

+ Sử dụng phương thức tự sự, miêu tả kết hợp với biểu cảm để làm rõ đặc điểm của hình tượng.

+ Sử dụng các hình ảnh, biện pháp tu từ để làm nổi bật hình tượng và tạo nên tính hàm súc cho ngôn từ.

+ Có thể bộc lộ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của em về hình tượng một cách trực tiếp hay gián tiếp (hoặc cả hai).

+ Kết thúc bài thơ bằng hình ảnh em ấn tượng hoặc có cảm xúc sâu đậm nhất.

– Kiểm tra và chỉnh sửa:

+ Đọc lại bài thơ.

+ Bài thơ đã đảm bảo số tiếng, vần, nhịp của thơ tám chữ chưa?

+ Có mắc lỗi chính tả không?

+ Bài thơ có tập trung thể hiện đối tượng mà em chọn viết và tình cảm của em với đối tượng đó không?

+ Có nên thay thế từ ngữ nào trong bài thơ không?

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

1 Định hướng

1.1. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ là kĩ năng mà các em đã được hình thành và rèn luyện từ lớp 6, lớp 7, lớp 8 gắn với việc tập làm các thể thơ. Bài học này tiếp tục hướng dẫn các em cách viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.

1.2. Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, các em cần chú ý:

– Đọc kĩ bài thơ để hiểu nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

– Xác định yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật trong bài thơ để lại cho em cảm xúc, suy nghĩ sâu sắc.

– Viết đoạn văn, trong đó nêu rõ: Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật nào trong bài thơ để lại cho em cảm xúc, suy nghĩ sâu sắc? Yếu tố đó được thể hiện qua những dòng thơ hay những hình ảnh, từ ngữ nào? Đó là cảm xúc, suy nghĩ gì? Vì sao em lại có cảm xúc, suy nghĩ đó?

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Hãy viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về một yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật mà em cho là đặc sắc nhất của bài thơ “Chiều xuân” (Anh Thơ).*

a) Chuẩn bị

- Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ *Chiều xuân* (Anh Thơ).
- Xác định một số yếu tố nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều xuân*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật nào được em cho là đặc sắc nhất của bài thơ *Chiều xuân*?
 - + Yếu tố đó được thể hiện qua khổ thơ hoặc dòng thơ nào? Khổ thơ hoặc dòng thơ đó có đặc điểm gì về nội dung hoặc nghệ thuật?
 - + Khổ thơ hoặc dòng thơ ấy gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ hoặc liên tưởng, tưởng tượng gì?
- Lập dàn ý cho đoạn văn bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở đoạn

Giới thiệu và nêu cảm xúc, suy nghĩ chung của em về một yếu tố đặc sắc nhất (thuộc nội dung hoặc nghệ thuật) của bài thơ.

Thân đoạn

- + Trích dẫn khổ thơ hoặc dòng thơ chứa đựng yếu tố đặc sắc nhất.
- + Nêu đặc điểm nội dung hoặc nghệ thuật của khổ thơ hoặc dòng thơ đó.
- + Nêu cụ thể cảm xúc, suy nghĩ hoặc liên tưởng, tưởng tượng về yếu tố đó.

Kết đoạn

Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của em về yếu tố đặc sắc đã nêu.

c) Viết

- Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Khi viết, cần sử dụng các từ ngữ, câu văn biểu cảm thể hiện được chính xác, sinh động cảm xúc, suy nghĩ của em.
- Đảm bảo yếu tố về hình thức của một đoạn văn.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại đoạn văn đã viết, đối chiếu với dàn ý đã lập để xác định những nội dung còn thiếu hoặc không phù hợp.

– Rà soát lại đoạn văn để kiểm tra và chỉnh sửa các lỗi hình thức (nếu có) như: chính tả, dùng từ, ngữ pháp,...

– Nếu có sai sót về nội dung và hình thức, cần đánh dấu những phần đó, ghi nội dung chỉnh sửa ở bên lề đoạn văn hoặc ghi vào giấy nhớ,...

– Dựa vào kết quả của những việc làm trên, tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết văn biểu cảm

a) Cách thức

Có hai cách biểu cảm:

– Biểu cảm trực tiếp: Người viết sử dụng các từ ngữ trực tiếp bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của mình về đối tượng (như sử dụng các từ ngữ biểu cảm để thể hiện các cảm xúc, suy nghĩ; tình thái từ; câu cảm; câu hỏi tu từ;...).

Ví dụ: “Chữ “rướn” ấy một mặt hoà nhịp với sự hiên ngang của động tác “phăng” và “vượt”, mặt khác cho thấy sự cần cù, nhẫn nại và sự gắng sức của khung cảnh lao động. Hình tượng thơ phi thường. Cánh buồm không đợi gió thổi căng mà chủ động thâu góp gió để tự làm no buồm. Thật đáng khâm phục. Làm được điều đó không phải là cánh buồm bình thường. Đây đích thực là cánh buồm – “mảnh hồn làng”, mảnh hồn của thi nhân đang hoài niệm về miền quê yêu dấu.” (Theo Lê Huy Bắc).

– Biểu cảm gián tiếp: Người viết hình dung, tưởng tượng và miêu tả lại đặc điểm, tính chất, trạng thái của thiên nhiên, con người, đồ vật,... trong tác phẩm hoặc liên hệ, so sánh các chi tiết, hình ảnh trong tác phẩm này với tác phẩm khác hoặc với những trải nghiệm của bản thân để gián tiếp thể hiện suy nghĩ, tình cảm của mình.

Ví dụ: “Hình ảnh con thuyền cũng giống hình ảnh con người trở về sau những chuyến đi xa. Nó vừa là những con thuyền thực vừa là những con thuyền thơ. Thực là vì nó đã về bến đỗ để được neo đậu, được bình yên, không còn bị gió dập, sóng xô. Nhưng chất thơ là ở chỗ: nó cũng như một con người... Con thuyền lúc ra khơi hăng hái, hào hứng không kém con người,... nay nó lặng lẽ vì mỏi mệt, muốn nghỉ ngơi sau một chuyến đi vất vả, gian truân.” (Theo Vũ Dương Quỹ – Lê Bảo).

Trong khi viết văn biểu cảm, người viết nên kết hợp cả hai cách biểu cảm ở trên.

b) Bài tập

Xem lại đoạn văn đã viết ở ý 2.1. *Thực hành viết theo các bước*, xác định cách thức biểu cảm (trực tiếp, gián tiếp hoặc cả hai) mà em đã sử dụng khi bộc lộ cảm nghĩ về bài thơ *Chiều xuân* (Anh Thơ).

Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến về thơ tám chữ

1 Định hướng

1.1. Yêu cầu về nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là sau khi nghe cần chỉ ra được sự đúng đắn, chính xác và phù hợp của các lí lẽ, bằng chứng mà người nói dùng để giải thích, phân tích, chứng minh,... cho ý kiến. Nếu những lí lẽ và bằng chứng đó không đúng đắn, thiếu chính xác hoặc không phù hợp thì ý kiến nêu ra của người nói sẽ không có sức thuyết phục.

Bài học này tập trung vào kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến về thơ tám chữ (có thể là ý kiến về toàn bộ bài thơ hoặc một khía cạnh hình thức nghệ thuật hay nội dung của bài thơ).

1.2. Để nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến về thơ tám chữ, các em cần chú ý:

- Đọc kĩ bài thơ tám chữ mà người nói đề cập.
- Tập trung lắng nghe ý kiến của người nói để:
 - + Xác định được ý kiến mà người nói đưa ra về bài thơ tám chữ ấy.
 - + Xác định được các lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến của mình về bài thơ tám chữ đã nêu.
- Dựa vào những hiểu biết về đặc điểm thơ tám chữ và bài thơ được giới thiệu để xác định tính đúng đắn, chính xác, phù hợp,... của những lí lẽ và bằng chứng mà người nói đưa ra. Có thể trao đổi, thảo luận trong nhóm để củng cố quan điểm của bản thân.
- Tôn trọng ý kiến của người nói, đồng thời bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình của bản thân một cách thích hợp.

2 Thực hành

Bài tập: *Nghe và chỉ ra tính thuyết phục trong ý kiến phát biểu của một bạn về đề tài sau:*

Trong bài thơ “Quê hương”, nhà thơ Tế Hanh đã sử dụng những hình ảnh so sánh đẹp, bay bổng; đồng thời cũng sử dụng biện pháp nhân hoá một cách độc đáo để thổi linh hồn vào sự vật, khiến cho sự vật có một vẻ đẹp và ý nghĩa bất ngờ.

a) Chuẩn bị

– Sau khi nghe một thành viên trong nhóm nêu và làm sáng tỏ ý kiến của mình (*Trong bài thơ “Quê hương” ... ý nghĩa bất ngờ.*), xác định nội dung nghe và chỉ ra tính thuyết phục của nội dung đó (ý kiến và những bằng chứng, cách thức để làm sáng tỏ ý kiến).

– Đối tượng tham gia nghe và chuẩn bị bài nói để chỉ ra tính thuyết phục của ý kiến đã nghe: các thành viên còn lại trong nhóm.

– Chuẩn bị cho bài nói chỉ ra tính thuyết phục của ý kiến: bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, dàn ý bài nói, các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài nói chỉ ra tính thuyết phục của ý kiến bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Người nói đã nêu ra đặc điểm gì về nghệ thuật của bài thơ *Quê hương* (Tế Hanh)?

+ Người nói có đưa ra được những bằng chứng cụ thể từ bài thơ để làm rõ đặc điểm nghệ thuật đó không? Những bằng chứng đó có chính xác và đầy đủ không? Nếu không, cần điều chỉnh và bổ sung những gì?

+ Người nói có nêu ra những tác dụng cụ thể về đặc điểm nghệ thuật đó của bài thơ không? Những tác dụng có hợp lí không? Nếu không, cần sửa lại như thế nào?

+ Thái độ của người nói và các phương tiện hỗ trợ được sử dụng có phù hợp không? Nếu không, cần điều chỉnh những gì?

– Lập dàn ý cho bài nói chỉ ra sự thuyết phục của một ý kiến về bài thơ *Quê hương* (Tế Hanh) bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở đầu

Nêu lại ý kiến đã nghe về bài thơ *Quê hương* (Tế Hanh).

Nội dung chính

+ Chỉ ra tính đúng đắn, hợp lí của ý kiến và những bằng chứng, cách thức để làm sáng tỏ ý kiến đã nghe.

+ Chỉ ra những điểm chưa chính xác, hợp lí, đầy đủ,... của ý kiến và những bằng chứng, cách thức để làm sáng tỏ ý kiến đã nghe (nếu có); có lí giải cụ thể.

Kết thúc

Khẳng định lại tính thuyết phục của ý kiến đã nghe về bài thơ *Quê hương* (Tế Hanh).

c) Nói và nghe

– Người nói: Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 28) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

– Người nghe: Nghe theo hướng dẫn đã nêu ở ý 1.2, mục 1. *Định hướng*.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
– Nghe nhận xét của thầy cô và các bạn về bài nói của mình, đối chiếu với dàn ý đã lập để xác định ưu điểm và hạn chế. – Tự đánh giá: Em hài lòng về bài nói của mình ở những điểm nào? Em có muốn thay đổi điều gì trong bài nói (về nội dung, cách nói, thái độ nói) không?	– Nghe nhận xét của thầy cô và các bạn về bài nói, kiểm tra xem việc nghe và ghi chép nội dung bài nói đã chính xác chưa. – Đánh giá: + Nội dung bài nói có sức thuyết phục không? Thuyết phục như thế nào? Điểm nào chưa thuyết phục? + Cách nói của bạn có hấp dẫn, thú vị không? Vì sao? + Em rút được kinh nghiệm gì từ nội dung, cách nói và thái độ, tình cảm của bạn khi nói?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NÓI VỚI CON

- Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình⁽¹⁾ yêu lắm con ơi
Đan lờ⁽²⁾ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng

(1) *Người đồng mình*: người vùng (miền) mình.

(2) *Lờ*: một dụng cụ đánh bắt cá.

- Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.
12. Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.

(Y PHƯƠNG, in trong *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*,
NXB Giáo dục, 1985)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Phương án nào nêu đúng mạch cảm xúc của bài thơ?
- A. Từ tình cảm cha con mở rộng ra tình yêu gia đình
 - B. Từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình cảm quê hương
 - C. Từ tình yêu quê hương mở rộng ra tình yêu nhân loại
 - D. Từ tình yêu thiên nhiên mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước
2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?
- A. Người cha
 - B. Người mẹ
 - C. Người con
 - D. Người đồng mình
3. Nhận định nào đúng về giọng điệu của bài thơ?
- A. Sôi nổi, hào hùng, mạnh mẽ
 - B. Ngọt ngào, nhẹ nhàng, êm ái
 - C. Thiết tha, triu mến, ấm áp
 - D. Băn khoăn, trăn trở, day dứt

4. Trong bài thơ, người cha nói với con về những điều gì?

(1) Con được lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, trong sự đùm bọc của quê hương.

(2) Quê hương có những con người khéo léo, nhân hậu với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ.

(3) Hành trang lên đường của con là tình yêu gia đình, quê hương và lí tưởng sống cao đẹp.

(4) Con hãy đi thật xa để khám phá và tìm kiếm những cơ hội phát triển bản thân.

A. (1) – (2) – (3)

B. (2) – (3) – (4)

C. (1) – (2) – (4)

D. (1) – (3) – (4)

5. Nhận định nào đúng nhất về cách diễn đạt của tác giả trong bài thơ?

A. Sử dụng ngôn ngữ giản dị, không có các biện pháp tu từ

B. Sử dụng cách nói mộc mạc nhưng vẫn mới mẻ, nhiều sáng tạo

C. Sử dụng điển cố, điển tích và các hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng

D. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần gây ấn tượng

6. Chỉ ra và phân tích những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật trong bốn dòng thơ đầu của bài thơ.

7. Bài thơ cho thấy những vẻ đẹp gì của “người đồng mình”? Tác giả thể hiện cảm xúc gì trước những vẻ đẹp ấy?

8. Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau: “Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn / ... / Còn quê hương thì làm phong tục”.

9. Trong bài thơ, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của một biện pháp mà em cho là hiệu quả nhất.

10. Lời dặn dò, khuyên nhủ nào của người cha trong bài thơ khiến em tâm đắc nhất? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm các bài thơ tám chữ và thơ tự do khác. Ghi lại những đoạn / khổ / dòng thơ mà em yêu thích và nêu cảm nghĩ của em về những đoạn / khổ / dòng thơ đó.

2. Tìm đọc thêm các bài viết / nghiên cứu về các văn bản thơ tám chữ và thơ tự do đã học ở bài này.

3. Nghe thêm những ý kiến về một bài thơ tám chữ, chỉ ra tính thuyết phục của những ý kiến đó.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm của văn bản, tác dụng của cách trình bày thông tin trong các văn bản giới thiệu một di tích lịch sử, phỏng vấn; liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.
- Nhận biết, vận dụng được câu rút gọn và câu đặc biệt trong thực hành giao tiếp.
- Biết viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
- Xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn; thực hiện được một cuộc phỏng vấn ngắn.
- Tự hào về những di tích lịch sử của đất nước, có ý thức tìm hiểu, tuyên truyền và góp phần bảo vệ các di tích lịch sử – văn hoá.

Kiến thức ngữ văn

1. Văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử

Theo Luật Di sản văn hoá, di tích lịch sử (di tích lịch sử – văn hoá) là những công trình xây dựng hoặc địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó. Di tích lịch sử thường gắn với danh lam thắng cảnh, tạo nên vẻ đẹp hài hoà giữa các tác phẩm thiên tạo và nhân tạo. Với lịch sử phát triển lâu đời, Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới có rất nhiều di tích lịch sử nổi tiếng. Mỗi di tích lịch sử đều có đặc điểm, giá trị và vẻ đẹp riêng.

Văn bản giới thiệu một di tích lịch sử ở Bài 8 là loại văn bản thông tin tập trung giới thiệu về những công trình xây dựng có giá trị. Thông tin trong văn bản giới thiệu một di tích lịch sử thường được trình bày theo trật tự không gian, thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, phân loại các đối tượng hoặc so sánh và đối chiếu,...

2. Phỏng vấn

Phỏng vấn là một cuộc trao đổi (hỏi và đáp) có mục đích. Các bài phỏng vấn là tác phẩm báo chí, thường do phóng viên hỏi và người được phỏng vấn trả lời. Phỏng vấn

thường nhằm hai mục đích: miêu tả, khắc họa chân dung nhân vật (thường là nhân vật nổi tiếng) hoặc cung cấp thông tin về một lĩnh vực cụ thể nào đó mà người được phỏng vấn có hiểu biết hoặc có trách nhiệm trả lời.

Có hai cách thực hiện phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp là người hỏi và người trả lời trực tiếp gặp nhau, lần lượt hỏi và trả lời. Phỏng vấn gián tiếp là trao đổi qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc khác. Với những vấn đề phức tạp, người được phỏng vấn chưa thể trả lời ngay, cần chuẩn bị và tra cứu thì việc phỏng vấn thường được thực hiện bằng văn bản (người hỏi chuẩn bị các câu hỏi bằng văn bản, người trả lời cũng trả lời bằng văn bản). Nội dung bài phỏng vấn thường ngắn gọn, câu hỏi và câu trả lời thường rõ ràng.

3. Câu rút gọn và câu đặc biệt

– Câu rút gọn là câu đã lược bỏ một hoặc một số thành phần bắt buộc trong câu (tức là các thành phần không thể vắng mặt trong bối cảnh giao tiếp bình thường như chủ ngữ, vị ngữ hay các thành phần phụ bắt buộc của cụm từ). Việc lược bỏ thành phần bắt buộc trong câu có những tác dụng sau:

+ Làm cho câu ngắn gọn, vừa thông tin được nhanh vừa tránh lặp lại các từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước, đồng thời liên kết với câu đứng trước chặt chẽ hơn. Ví dụ, câu rút gọn lược bỏ thành phần bắt buộc của cụm từ làm vị ngữ: “Đây là chiếc áo ba tôi chỉ bận khi có giỗ kị. Bây giờ ba tôi **thong thả bận vô**.” (Anh Đức).

+ Trong một số trường hợp, việc lược bỏ chủ ngữ còn ngụ ý: hành động, đặc điểm nêu ở vị ngữ là của mọi người. Ví dụ: “**Ăn quả nhớ kẻ trồng cây**.” (Tục ngữ).

– Câu đặc biệt là câu không được cấu tạo theo mô hình chủ ngữ – vị ngữ. Câu đặc biệt thường được dùng để xác định thời gian, nơi chốn, sự có mặt của người, vật, hiện tượng; gọi đáp; biểu lộ cảm xúc hoặc sự đánh giá. Ví dụ: “Đám người nhốn nháo lên. **Tiếng reo. Tiếng vỗ tay**.” (Nam Cao), “**Trời ơi!** Một sự ghê gớm kinh sợ.” (Ngô Tất Tố).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Quần thể di tích Cố đô Huế

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và những hiểu biết về văn bản thông tin nói chung để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Đọc trước văn bản *Quần thể di tích Cố đô Huế*; tìm hiểu thêm thông tin về Kinh Thành Huế nói riêng và xứ Huế nói chung.

(*) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 8, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

- Hãy nêu những thông tin em đã biết về Cố đô Huế.
- Em biết di tích lịch sử nào nổi tiếng ở nước ta? Hãy chuẩn bị một số thông tin về di tích lịch sử đó để giới thiệu với bạn cùng lớp.

2 Đọc hiểu

Giới thiệu

Trong gần 400 năm (1558 – 1945), Huế đã từng là thủ phủ của các chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong, là kinh đô của triều đại Tây Sơn, rồi đến kinh đô quốc triều Nguyễn. Cố đô Huế ngày nay vẫn còn lưu giữ trong lòng những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể chứa đựng nhiều giá trị biểu trưng cho trí tuệ và tâm hồn của dân tộc Việt Nam. Suốt mấy thế kỉ qua, bao nhiêu tinh hoa của cả nước được chắt lọc hội tụ về đây, hun đúc cho một nền văn hoá đậm đà bản sắc để hoàn chỉnh thành một bức tranh thiên nhiên tuyệt vời với sông núi hữu tình, thơ mộng. Bởi vậy, nói đến Huế, người ta nghĩ ngay đến những thành quách, cung điện vàng son, những đền đài miếu vũ⁽¹⁾ lộng lẫy, những lăng tẩm uy nghiêm, những danh lam cổ tự⁽²⁾ trầm tư u tịch, những thắng tích do thiên nhiên khéo tạo.

Trên nền tảng vật chất và tinh thần đã được hình thành ở Huế từ đầu thế kỉ XIV, các chúa Nguyễn (thế kỉ XVI – XVIII), triều đại Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII) và các vua Nguyễn (1802 – 1945) đã tiếp tục phát huy và gây dựng ở vùng Huế một tài sản văn hoá vô giá. Tiêu biểu nhất là Quần thể di tích Cố đô Huế đã được UNESCO ghi vào danh mục Di sản Văn hoá Thế giới. [...]

Nét đặc trưng

Quần thể kiến trúc Cố đô Huế bao gồm hệ thống các di tích liên quan đến triều Nguyễn, phân bố ở thành phố Huế và các thị xã Hương Trà, Hương Thủy, huyện Phú Vang, Phú Lộc, thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Kiến trúc Huế

Thông tin chính nào được nêu ở phần giới thiệu?



Đại Nội Huế
(Ảnh: Bảo Minh, Thanh Toàn)

Thông tin nào nêu lên giá trị của di tích Cố đô Huế?

Chú ý các tiêu đề in đậm cho biết nội dung chính của mỗi phần.

(1) *Miếu vũ*: cung điện của vua hoặc nơi thờ thần thánh.

(2) *Cổ tự*: chùa hoặc đền, miếu cổ.

là sự kết hợp độc đáo giữa những nguyên tắc của kiến trúc truyền thống Việt, tư tưởng triết lý phương Đông, cùng những đặc điểm mang ảnh hưởng của kiến trúc quân sự phương Tây, hài hoà với các yếu tố tự nhiên: núi Ngự Bình, sông Hương, cồn Dã Viên, cồn Hến,...

Trải qua thời gian và những biến thiên của lịch sử, Huế vẫn bảo tồn được diện mạo của một kinh đô xưa, với hàng trăm công trình nghệ thuật tuyệt mỹ, vừa có giá trị đặc biệt về lịch sử và văn hoá, vừa phong phú, đa dạng, mang đậm bản sắc Huế,...

Kiến trúc

Về di sản kiến trúc của Cố đô Huế, có thể kể đến những di tích tiêu biểu sau: Kinh Thành, Hoàng Thành và Tử Cấm Thành, hệ thống lăng tẩm của các vua Nguyễn, cung An Định, Trai Cung, bến thuyền cung đình, Trấn Bình Đài, Trấn Hải Thành, điện Hòn Chén, nhà bà Từ Cung, Văn Miếu, Võ Miếu, Hải Vân Quan,...

Di sản kiến trúc Cố đô Huế còn những gì?

Kinh Thành Huế: được khởi công xây dựng từ năm 1805, hoàn thành năm 1832, nằm bên bờ bắc của sông Hương, quay mặt về hướng nam, gồm ba toà thành lồng vào nhau, được bố trí đăng đối trên một trục dọc, xuyên suốt từ mặt nam ra mặt bắc, xung quanh có mười cửa chính và hệ thống vọng canh, hào nước,...

Chú ý cách triển khai thông tin ở phần này.

Đại Nội (Hoàng Thành, Hoàng Cung): nằm giữa trục chính của Kinh Thành Huế, bao gồm các khu vực chính như sau:

Phân biệt các kí hiệu: chữ in nghiêng và gạch đầu dòng trong phần *Kiến trúc*.

– Khu vực phòng vệ gồm: hệ thống hồ Kim Thuỷ (hào), tường bao bọc và mười cây cầu.

– Khu vực cử hành đại lễ: được tính từ Ngọ Môn đến điện Thái Hoà, là nơi cử hành các nghi lễ Nguyên Đán, Vạn Thọ, Hưng quốc Khánh niệm, Ban sóc, Duyệt binh, Truyền lô, Đăng quang, Tứ tuần, Ngũ tuần Đại khánh tiết của các vua nhà Nguyễn.

– Khu vực các miếu thờ của vua chúa Nguyễn gồm: Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu, Thế Miếu, điện Phụng Tiên.

– Khu vực ăn ở của hoàng thái hậu và thái hoàng thái hậu gồm: cung Diên Thọ và cung Trường Sanh (Sinh).

– Khu vực phủ Nội vụ gồm: nhà kho lưu giữ đồ quý, xưởng thủ công mỹ nghệ chế tạo đồ vàng, bạc, ngọc, ngà, gấm, vóc.

– Khu vực vườn Cơ Hạ và điện Khâm Văn: nơi học tập và chơi đùa của các hoàng tử khi chưa xuất phủ⁽¹⁾.

– Khu vực Tử Cấm Thành: chốn cung cấm, dành riêng cho vua và hoàng gia ăn ở, sinh hoạt.

(1) *Xuất phủ*: ra ngoài phủ (nơi ở của các hoàng tử).

– Ngọ Môn: cổng chính phía nam của Hoàng Thành, được xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 14 (1833), phía trên có lầu Ngũ Phụng, là nơi xưa kia triều đình tổ chức nghi lễ.

– Điện Thái Hoà: được xây dựng năm 1805. Điện được xây theo lối “trùng thiềm điệp ốc”⁽¹⁾, với hệ thống vì kèo⁽²⁾ truyền thống, được sơn thếp và trang trí đồ án rồng vờn,...

Lăng tẩm của các vua Nguyễn: được xem là những thành tựu của nền kiến trúc cảnh vật hoá. Lăng vua, đôi khi lại là một cõi thiên đường, được tạo ra cho chủ nhân hưởng thú tiêu dao lúc còn sống, rồi sau đó mới trở thành cõi vĩnh hằng khi bước vào thế giới bên kia. Một số lăng tiêu biểu như:

– Lăng Minh Mạng (Hiếu Lăng): trên núi Cẩm Khê⁽³⁾, xã Hương Thọ, được xây dựng từ năm 1840, hoàn thành năm 1843, bao gồm các hạng mục: Tẩm Điện, Tam Tài Sơn, lăng mộ, hồ Trùng Minh và Tân Nguyệt,...

– Lăng Tự Đức (Khiêm Lăng): ở phường Thuỷ Xuân, được xây dựng từ năm 1864, hoàn thành năm 1867, bao gồm các hạng mục: La Thành và các cổng, Chí Khiêm Đường, điện thờ, lăng Lệ Thiên Anh hoàng hậu, lăng Kiến Phúc, hồ Lưu Khiêm,...

Đàn Nam Giao: ở phía nam của Kinh Thành Huế, được xây dựng vào năm 1806. Đàn có mặt bằng hình chữ nhật, chiều dài 390 mét, chiều rộng 265 mét, gồm các hạng mục: Đàn Tế, Trai Cung, Thần Trù, Thần Khố,...

Văn Miếu: ở bờ bắc của sông Hương, cách chùa Thiên Mụ khoảng 500 mét về phía tây, được xây dựng năm 1808, để thờ Khổng Tử. Văn Miếu quay mặt về hướng nam, bao gồm các hạng mục: Văn Miếu, Đông Vu, Tây Vu và dãy nhà bia.

Hố Quyển: ở địa phận phường Thuỷ Biều, được xây dựng năm 1830. Đây là một đấu trường có mặt bằng hình vành khăn, gồm hai vòng tường gạch (ở trong và ngoài), xung quanh trở chuồng cọp và cửa vòm cho voi ra vào, phía trên là khán đài.

Các di sản nêu trong phần *Kiến trúc* này nói lên điều gì?

Giá trị

Gần một thế kỷ rưỡi là kinh đô của một triều đại phong kiến với thiết chế chính trị dựa trên nền tảng Nho giáo, từng là thủ phủ của Phật giáo một thời, bên cạnh những kiến trúc cung đình lộng lẫy vàng son, Huế còn lưu giữ

Di tích Cố đô Huế gồm những giá trị gì?

(1) *Trùng thiềm điệp ốc* (mái chồng nhà nối): một kiểu kiến trúc nhà kép hai mái trên một nền. Nhà trước và nhà sau được nối với nhau bằng một hệ thống trần vòm.

(2) *Vì kèo*: một bộ phận của mái nhà, có vai trò chống đỡ chịu lực, kết nối mái nhà với những bộ phận khác, tăng độ chắc chắn của mái và tính thẩm mỹ cho trần nhà.

(3) *Cẩm Khê*: có tài liệu ghi là “Cẩm Khê”.

hàng trăm ngôi chùa thâm nghiêm cổ kính, an lạc giữa những núi rừng hoang vu, u tịch. Ông A-ma-đu Ma-ta Em-bâu (Amadou Mahtar M'bow) – nguyên Tổng Giám đốc UNESCO, đã thật tinh tế khi đưa ra một nhận xét trong lời kêu gọi cho cuộc vận động bảo vệ, giữ gìn, tu sửa và tôn tạo di sản văn hoá Huế: “Huế không phải chỉ là một mẫu mực về kiến trúc mà còn là một cao điểm về tinh thần và một trung tâm văn hoá sôi động – ở đó, đạo Phật và đạo Khổng đã thấm sâu, hoà nhuyễn vào truyền thống địa phương, nuôi dưỡng một tư tưởng tôn giáo, triết học và đạo lí hết sức độc đáo.”.

Với một khối lượng di sản văn hoá vật thể và tinh thần mang ý nghĩa quốc hồn quốc túy⁽¹⁾ của dân tộc, Huế là một hiện tượng văn hoá độc đáo của Việt Nam và thế giới. Ngày 12-8-2009, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1272/QĐ-TTg về việc xếp hạng Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quần thể kiến trúc Cố đô Huế là Di tích Quốc gia đặc biệt.

(Theo khamphahue.com.vn)



1. Xác định bố cục của bài viết. Trình bày bố cục ấy bằng một sơ đồ tư duy.
2. Bằng cách nào có thể tóm lược được nhanh nhất các thông tin trong văn bản *Quần thể di tích Cố đô Huế*? Cách triển khai thông tin trong bài viết có tác dụng gì?
3. Vì sao văn bản *Quần thể di tích Cố đô Huế* được coi là văn bản thông tin? Trong văn bản này có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào? Chỉ ra tác dụng của sự kết hợp ấy.
4. Phân tích những giá trị của di tích Cố đô Huế được nêu trong văn bản.
5. Đọc văn bản, em có thêm được những hiểu biết gì về Cố đô Huế và còn muốn biết những thông tin nào về di tích lịch sử nổi tiếng này?
6. Nếu được giới thiệu một số nét về một di tích lịch sử của quê hương, em sẽ nêu những thông tin nào?



Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội

(Phỏng vấn nhà văn Tô Hoài)

1 Chuẩn bị

– Xem lại nội dung nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn về phỏng vấn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(1) *Quốc hồn quốc túy*: chỉ linh hồn và tinh hoa của dân tộc.

– Đọc trước văn bản *Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội* và tìm hiểu thêm những thông tin khác về Thủ đô Hà Nội để trao đổi với bạn bè trong lớp.

– Tìm hiểu thông tin về người được phỏng vấn (nhà văn Tô Hoài) và người phỏng vấn (nhà thơ Trần Đăng Khoa).

2 Đọc hiểu

[...]

Trần Đăng Khoa: Thưa nhà văn Tô Hoài, có thể xem ông như một nhà Hà Nội học, mặc dù ông không nghiên cứu. Nhưng với một sự am hiểu khá thấu đáo, cặn kẽ, qua con mắt của một nhân chứng, trong suốt gần một... thế kỉ nay, ông thấy Hà Nội xưa thế nào?

Chú ý thời điểm phỏng vấn ghi ở cuối văn bản (năm 2003).

Nhà văn Tô Hoài: Tôi không phải nhà Hà Nội học. Tôi hiểu Hà Nội thì cũng là hiểu một cách rất tự nhiên thôi. Tôi sinh ở Hà Nội. Hà Nội trước thế nào thì bây giờ tôi thấy nó cũng vẫn như thế...

Trần Đăng Khoa: Nghĩa là không có gì đổi khác?

Nhà văn Tô Hoài: Đúng vậy. Trừ những khu mới mở, như đường Hoàng Quốc Việt chẳng hạn, còn các khu phố cũ vẫn thế. Nhà cửa có thể khác tí chút, có tân trang hơn hoặc nâng thêm tầng, nhưng đường phố vẫn vậy, nên phố phường về cơ bản vẫn không có gì thay đổi. Ngày xưa thế nào thì bây giờ vẫn thế. Tôi có thể nhắm mắt đi đến khu phố nào cũng được. Vía hè vẫn là vía hè cũ. Ở các phố Ngõ Quyền, Hàng Khay, Tràng Tiền, Hàng Bài, hay Nguyễn Xí, Đinh Lễ, đầu vía hè còn bọc đá xanh. Đây là vía hè xưa, vía hè đầu tiên của Hà Nội. Đá bọc vía hè là đá lấy từ núi Thầy⁽¹⁾, núi Trầm⁽²⁾. Lí do dùng đá ốp vía hè thì cũng đơn giản thôi, vì dạo ấy ta chưa có lăm xi măng. Đi trên đường phố Hà Nội, tôi thấy quen thuộc vô cùng. Cả hệ thống cống ngầm bên dưới cũng thế, cũng là hệ thống cũ. Vì thế, bây giờ mưa, đường Hà Nội ngập úng là tất nhiên, vì quá tải. Ta còn thấy những nắp cống tròn còn nguyên cả dòng chữ Mác-xây (Marseille). Đó là nắp cống đúc từ bên Pháp rồi sang bán ở ta. Hồi bấy giờ, ở phố Quán Thánh, ngay cạnh đền Quán Thánh bây giờ, Pháp có mở Công ty Sa-crích (Sacríc). Đây là Công ty Gạch ngói Đông Dương. Khu sản xuất khá rộng, đến mấy ngàn mét vuông. Đất sét đóng gạch lấy ở Quán La, bên kia Tây Hồ, rồi dùng thuyền chở sang. Thuyền bè bấy giờ cũng tấp nập lắm.

Chi tiết nào cho thấy Tô Hoài rất thông hiểu Hà Nội?

Trần Đăng Khoa: Ông thấy Hồ Tây thuở ấy thế nào?

Nhà văn Tô Hoài: Bấy giờ Hồ Tây bị thu hẹp lại vì trò lặn đất. Trước đây rộng lắm. Ngút ngát cả một vùng

Chú ý nội dung của các câu hỏi.

(1) *Núi Thầy*: núi có chùa Thầy, cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 20 ki-lô-mét về phía tây nam.

(2) *Núi Trầm*: núi ở ngoại thành Hà Nội, cách trung tâm thành phố khoảng 25 ki-lô-mét.

trời nước. Xung quanh hồ, um tùm cây lá rậm rạp. Ven bờ, người ta còn thả sen. Nhiều sen lắm. Sau bỏ sen để nuôi cá mè, vì cá mè hay rúc vào bãi sen, tróc vảy chết. Trước đây, ở Hồ Tây không có cá mè đâu. Người ta chỉ thả một loại cá trắm. Cá mè tanh. [...]

Trần Đăng Khoa: Thế còn các khu phố Hà Nội?

Nhà văn Tô Hoài: Địa giới Hà Nội xưa rất hẹp. Đi hết Trường Chu Văn An bây giờ đã là đất Hà Đông rồi.

Địa giới Hà Nội xưa có đặc điểm gì?

Làng Yên Phụ cũng thuộc đất Hà Đông. Người Pháp xưa đặt tên đường, tên phố rất rành rẽ. Phố là địa giới nằm trong khu vực nội thị, còn đường là nối với các tỉnh khác. Cuối đường đã là tỉnh khác rồi. Ví như đường Huế nối với Hà Đông, đường Hàng Bột, hay đường Bạch Mai cũng thế. Cuối đường là địa phận của tỉnh khác. Về mặt hành chính, Hà Nội được chia ra làm bốn khu. Khu phố cổ, bao gồm địa danh của 36 phố phường xưa, như Hàng Buồm, Hàng Bạc, Hàng Thiếc,... Rồi khu phố cũ là khu phố xây dựng từ thời Tây, có những biệt thự kiểu Tây, như phố Hàng Khay, Tràng Thi, Bùi Thị Xuân, Huyền Trân Công Chúa, Phan Đình Phùng, hai bên đường, có vỉa hè xây và trồng cây hai bên, cảnh lá giao nhau, nói như ông Phạm Quỳnh, và dùng chữ Phạm Quỳnh thì đây là “đường thông cù”. Đó là khu ở của những ông Tham, ông Phán hoặc dân nhà giàu... Khu phố mới, là khu phố được nói ra, xây dựng sau này. Còn khu thứ tư là khu dưới bãi [...].

Trần Đăng Khoa: Chắc đó là vùng Nghi Tàm, Yên Phụ bây giờ?

Nhà văn Tô Hoài: Không, từ Yên Phụ trở lên Nghi Tàm xưa là đất trồng dâu, trồng ngô. Còn khu dưới bãi là vùng An Dương, Chương Dương bây giờ. [...]

Trần Đăng Khoa: Ở Hà Nội, trong số 36 phố phường như ông nói, có những tên phố rất lạ: Hàng Đường, Hàng

Tên phố cổ Hà Nội có gì lạ?

Quạt, Hàng Nón, Hàng Mắm, Hàng Thiếc, Hàng Thùng, Hàng Buồm, Hàng Trống,... Nghe cứ như tên các quán hàng. Có cảm giác Hà Nội là một cái chợ. Chắc ngày xưa mỗi khu phố là một nơi sản xuất và buôn bán các mặt hàng riêng biệt. Ví như Hàng Rươi bán rươi, Hàng Mắm bán... mắm chẳng hạn?

Nhà văn Tô Hoài: Không hẳn thế đâu. Có rất nhiều mặt hàng, người ta sản xuất ở quê, ở Hà Đông và các vùng phụ cận rồi đem ra bán ở Hà Nội. Như đồ gò đúc đồng, rồi guốc dép, mũ nón. Trước đây, Hà Nội còn có phố Hàng Tiện và phố Hàng Dép nữa. Đó là hai phố nhỏ. Phố Hàng Tiện ở bên Hàng Gai trông ra phía Bờ Hồ, phố Hàng Dép ở đầu Hàng Buồm. Hai phố này, năm 1945 bị phá huỷ trong những cuộc đánh nhau với Pháp, rồi cũng từ đấy bị mất phố luôn. [...]

Trần Đăng Khoa: Nếu cần nói thật ngắn gọn về tính cách người Hà Nội thì ông sẽ nói thế nào? Thanh lịch hào hoa chăng? Ca dao xưa: “Chẳng thơm cũng thể hoa nhài / Chẳng thanh lịch cũng là người Tràng An.”.

Nhà văn Tô Hoài: Hà Nội do dân tứ phương lập nên. Người Hà Nội gốc có lẽ chỉ là mấy anh đánh cá ở sông Tô Lịch. Chẳng có ai sống ở Hà Nội được đến mười đời.

Vì thế, muốn hiểu tính cách người Hà Nội, ta phải tìm hiểu tính cách chung của người Việt Nam rồi nghiên cứu cá tính người thành thị thì mới ra tính cách người Hà Nội.

Theo Tô Hoài, người Hà Nội có tính cách như thế nào?

Tất nhiên người Hà Nội có nét hào hoa phong nhã, nhưng đấy không phải tận gốc mà là tinh hoa của nhiều vùng đất tạo nên. [...] Vì thế, ở Hà Nội tuyệt nhiên không có chuyện cục bộ địa phương. Tôi cho đó cũng là một nét rất hay của Hà Nội.

Trần Đăng Khoa: Ông đã nói Hà Nội trước đây thế nào thì bây giờ vẫn thế...

Nhà văn Tô Hoài: Đúng vậy. Ta chỉ bổ sung mà ít thay đổi. Về cơ bản, ta vẫn giữ nguyên như cách bố trí, sắp đặt của ông Trần Văn Lai.

Trần Đăng Khoa: Xin ông nói rõ hơn được không?

Nhà văn Tô Hoài: Trần Văn Lai là một bác sĩ. Ông là người tốt, người yêu nước. Chính vì thế, thực dân Pháp đã bỏ tù ông. Tháng Ba năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, ông được ra tù và được mời làm Thị trưởng thành phố. Trần Văn Lai chỉ làm Thị trưởng có năm tháng, từ tháng Ba đến tháng Tám năm 1945, nhưng ông đã làm được hai việc rất cơ bản. Một là đập hết các tượng đài của Pháp, chỉ để lại hai tượng bán thân là tượng Y-éc-xanh (Yersin) và tượng Pa-xơ (Pasteur). Hai là thay lại các tên phố. Trước đây, phố Hà Nội hầu hết mang tên Tây, hoặc tên những người Việt có công với Pháp. Một số danh nhân của ta cũng được đặt tên, nhưng lại ở những phố tồi tàn, bẩn thỉu hoặc hẻo lánh. Ông Trần Văn Lai thay lại hết. Tất nhiên, ông thạo võ hơn văn. Dân văn chương thì ông chỉ biết Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm cho đến Tú Xương là hết. Dân võ ông biết nhiều hơn. Tất cả những người ông biết, ông đều đặt hết tên phố. Đặc biệt, ông rất yêu các vị võ tướng: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thái Học, Hoàng Hoa Thám, Ngô Quyền, Bùi Thị Xuân, Lý Thường Kiệt, Yết Kiêu, Dã Tượng, Trần Bình Trọng, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản,... Toản là các võ tướng lừng danh cả. Rồi lại cả Ba Đình nữa. Tôi có đọc trong một tờ báo, thấy có anh giải thích rằng trước đây ở khu Quảng trường này có ba... cái đình nên Quảng trường mang tên Ba Đình. Làm gì có đình nào ở đấy cơ chứ. Ba Đình là cuộc khởi nghĩa của ông Đinh Công Tráng ở Thanh Hoá. Quảng trường mang tên cuộc khởi nghĩa ấy. Sau này, ta định đổi thành Quảng trường Độc lập để ghi nhớ ngày 2-9-1945. Nhưng Cụ Hồ không đồng ý. Cụ bảo mình đã tuyên bố với thế giới là *Tuyên ngôn Độc lập* đọc ở Quảng trường Ba Đình rồi, giờ không nên thay đổi nữa. Pháp tái chiếm Hà Nội, chúng thay là Quảng trường Hồng Bàng. Sau khi ta thắng Pháp, Quảng trường trở lại tên Ba Đình, đúng như cái tên ông Trần Văn Lai đã đặt. [...]

Ông Trần Văn Lai đã làm được hai việc cơ bản nào?

Theo TRẦN ĐĂNG KHOA

(Hà Nội 36 góc nhìn – NGUYỄN THANH BÌNH tuyển chọn,
NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2003)



1. Hãy xác định mục đích và cách thực hiện bài phỏng vấn này. (Gợi ý: Phỏng vấn để miêu tả, khắc họa chân dung nhân vật hay cung cấp thông tin về một lĩnh vực cụ thể? Phỏng vấn trực tiếp hay gián tiếp?).

2. Phân tích nội dung và ý nghĩa của bài phỏng vấn (Nội dung phỏng vấn về vấn đề gì? Vấn đề ấy có ý nghĩa như thế nào?).

3. Hãy chỉ ra đặc điểm của một bài phỏng vấn thể hiện qua văn bản này. Em thích câu hỏi và câu trả lời nào nhất? Vì sao?

4. Qua bài phỏng vấn, em có được những thông tin gì mới mẻ về Thủ đô Hà Nội?

5. Bài phỏng vấn mang lại cho em những cảm nghĩ gì?

6. Trước một di tích lịch sử hoặc một danh lam thắng cảnh, với vai trò là một phóng viên, nếu phải nêu lên ba câu hỏi quan trọng thì em sẽ nêu những câu nào?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Câu rút gọn và câu đặc biệt

1. Tìm câu rút gọn trong những câu dưới đây. Xác định thành phần bị lược bỏ và chỉ ra văn cảnh cho phép hiểu đúng, hiểu rõ nghĩa của mỗi câu rút gọn tìm được.

a) *Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười.* (Nam Cao)

b) *Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người.* (Nguyễn Công Hoan)

c) *Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải kể cho người khác biết chứ.* (Kim Lân)

d) *Anh cảm thấy yên tâm, và cái ý định đưa vợ con đi chơi đây đó mỗi nơi một tí cho mở mang tầm mắt cứ nhạt dần. Ngại, rất ngại. Ban ngày bận bịu đầu lên ở cơ quan.* (Trần Đức Tiến)

2. Trong những câu sau, thành phần nào đã bị lược bỏ? Những câu đó được sử dụng trong hoàn cảnh, tình huống giao tiếp nào?

a) *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.* (Tục ngữ)

b) *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.* (Tục ngữ)

c) *Hãy cứu lấy Trái Đất!* (Khẩu hiệu)

d) *Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật!* (Khẩu hiệu)

3. Tìm câu đặc biệt trong những câu dưới đây. Chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của mỗi câu đặc biệt tìm được.

a) *Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.* (Kim Lân)

b) *Khốn nạn! Nào tôi có tiếc gì đâu?* (Ngô Tất Tố)

c) *Thu! Để ba con đi.* (Nguyễn Quang Sáng)

d) *Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm.* (Thép Mới)

e) *Một đêm mùa xuân. Trên dòng sông êm ả, cái đò cũ của bác tài Phán từ từ trôi.* (Nguyễn Hồng)

4. Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu cảm xúc của em khi đến thăm một di tích lịch sử, trong đoạn văn có sử dụng câu đặc biệt (hoặc câu rút gọn).

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Đền tháp văn ngũ yên

1 Chuẩn bị

– Đọc văn bản *Đền tháp văn ngũ yên* và tìm hiểu thêm thông tin về kì quan Ăng-co (Angkor) ở Cam-pu-chia (Campuchea).

– Em muốn biết thêm gì về di tích lịch sử nổi tiếng này?

– Hãy chuẩn bị thông tin về một di tích lịch sử của nước ngoài mà em biết để giới thiệu với bạn cùng lớp.

2 Đọc hiểu

Xiêm Riệp (Siem Reap)⁽¹⁾ là điểm đến hấp dẫn với khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới hẳn nhiên bởi thành phố này sở hữu kì quan Ăng-co với bao điều bí ẩn. Quần thể đền tháp Ăng-co đâu không còn nguyên vẹn

Thông tin chính của sa pô là gì?

(1) *Xiêm Riệp*: tỉnh lỵ tỉnh Xiêm Riệp, nằm ở tây bắc Cam-pu-chia. Đây là một thành phố du lịch nổi tiếng, vị trí nằm ở cửa ngõ vào khu vực quần thể Ăng-co.

nhưng những gì được phát hiện và bảo tồn đến nay đã khiến cả thế giới ngưỡng mộ. Qua hàng trăm năm, đền tháp huyền bí như vẫn ngủ yên trong sự êm đềm của thành phố Xiêm Riệp.



Ảnh: E. Uông (Wong), L. Mo-tu-la (Mortula), A. Lăm-bót (Lumpert)

THÀNH PHỐ BÌNH YÊN

Sân bay Xiêm Riệp cách trung tâm thành phố khoảng 10 ki-lô-mét với chừng 15 phút chạy xe buýt. Những con đường tiến về trung tâm rộng mở với hai bên khách sạn, rì-sốt⁽¹⁾ san sát là dấu hiệu để nhận biết Xiêm Riệp ngày càng có sức hút du lịch. Nhưng sự phát triển của một thành phố du lịch không làm cho Xiêm Riệp mất đi nét đẹp đặc trưng của mình. Chính quyền Cam-pu-chia đã ban hành những quy định về xây dựng, kiến trúc để Xiêm Riệp lưu giữ được bản sắc, hoà hợp với sự cổ kính của quần thể Ăng-co. Hầu hết các khách sạn hay rì-sốt đều mang phong cách kiến trúc Khmer với mái ngói đỏ tươi để phân biệt với màu đá rêu phong của những đền tháp. Chiều cao của các toà nhà không được cao hơn ngôi đền cao nhất trong quần thể Ăng-co, tức là 65 mét. Điều đó thể hiện lòng tôn kính của chính phủ cũng như người dân Cam-pu-chia với di sản mà tiền nhân để lại.

Dự đoán nội dung chính của phần này từ tiêu đề “Thành phố bình yên”.

Là thành phố lớn thứ hai Cam-pu-chia và mỗi ngày đón hàng nghìn khách du lịch nhưng Xiêm Riệp mang đến cho tôi cảm giác bình yên bởi đường phố không có cảnh xe cộ hỗn độn hay ùn tắc. Trật tự an ninh khá tốt dù hoạt động về khuya ở các khu phố chính hay chợ đêm luôn nhộn nhịp. Và chính cái dáng vẻ hiền lành, chất phác của người dân Xiêm Riệp với đa phần là người Khmer đã tạo sự tin tưởng và thân thiện với du khách.

(1) Rì-sốt (tiếng Anh: *resort*): chỉ nơi cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp trong ngành du lịch.

Ngay cả ở những khu di tích tập trung đông người cũng đều tuân thủ theo trật tự, quy củ từ cách quản lý vé vào cửa, hướng dẫn khách du lịch đến việc bảo vệ môi trường. Những ngôi đền ở Ăng-co Vát (Angkor Wat) và Ăng-co Thom (Angkor Thom) như vẫn tĩnh tại trong rừng xanh chỉ có rêu phong, cây cối bao bọc mà ít bị ảnh hưởng bởi sự có mặt của con người.

NHỮNG NGÔI ĐỀN CỔ KÍNH

Thời gian lý tưởng nhất để khám phá Ăng-co là vào mùa khô từ tháng Mười Một đến tháng Tư. Dù vậy, vào mùa hè với mưa nắng thất thường của xứ nhiệt đới, dòng người xếp hàng dài vẫn kiên nhẫn chờ đến lượt mua vé để tham quan hai quần thể nổi tiếng nhất ở Xiêm Riệp là Ăng-co Vát và Ăng-co Thom.

Được xây dựng vào cuối thế kỷ XII, Ăng-co Thom xưa kia chính là kinh đô cuối cùng và lâu dài nhất của đế quốc Khmer.

Ghi lại những nét đặc sắc nhất của hai quần thể Ăng-co.

Nằm trên diện tích đất vuông vắn với chiều dài 3 ki-lô-mét và chiều rộng 3 ki-lô-mét, những di tích còn lại đến nay là cụm đền thờ các vị thần và tổ tiên của các vương triều Khmer. Vật liệu chính được sử dụng để xây dựng các ngôi đền là đá ong và sa thạch. Các sử gia cũng như giới khảo cổ luôn tìm lời giải cho những thắc mắc về cách xây dựng nên công trình của người Khmer. Cách lý giải hợp lý có cơ sở khoa học là người xưa đã sử dụng một hệ thống kênh đào để vận chuyển những khối đá nặng đến 1,6 tấn từ mỏ đá, vượt qua hơn 30 ki-lô-mét đến công trình xây dựng.

Nằm ở trung tâm của quần thể Ăng-co Thom là đền Bai-on (Bayon) – ngôi đền nổi tiếng cả về quy mô cũng như kiến trúc. Với 54 tháp lớn nhỏ, mỗi tháp chính là một bức tượng có bốn mặt quay về bốn hướng. Những bức tượng có bốn mặt đều mỉm cười là đại diện cho vị thần nào, thể hiện triết lý từ, bi, hỷ, xả của nhà Phật hay chính là gương mặt vua Giai-a-vác-man (Jayavarman) VII, đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi. Bai-on được xem là một kiến trúc kì lạ mà lãng mạn bởi các tháp tượng bằng đá nhưng đường nét lại thanh thoát, tự nhiên với những khuôn mặt bao dung mà vô thường.

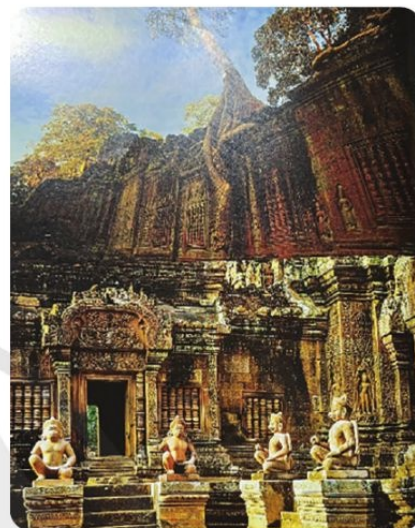
Đền Ta Prom (Ta Prohm) nằm ở phía đông của Ăng-co Thom, cũng là nơi được nhiều du khách viếng thăm. Ta Prom vừa là một tu viện Phật giáo vừa là nơi vua Giai-a-vác-man VII tôn vinh hoàng tộc. Đến đời vua Giai-a-vác-man VIII thì ông ra lệnh phá hủy những hình tượng mang dấu ấn Phật giáo để thay vào những hình tượng Bà La Môn⁽¹⁾. Vì thế, những dấu tích kiến trúc, điện thờ còn lại đến nay có sự pha trộn giữa Phật giáo và Bà La Môn. Đây là một di tích được lưu giữ trong trạng thái nguyên vẹn như lúc phát hiện vào thế kỷ XIX nên có thể nhìn thấy những cây cổ thụ ôm cuốn quanh đền một cách kì lạ và ma quái. Nhiều điện thờ bị rễ cây xâm lấn nặng nề nên việc bảo tồn gặp rất nhiều khó khăn.

(1) *Bà La Môn*: một tôn giáo thịnh hành ở Ấn Độ cổ đại. Bà La Môn cũng là tên gọi một đẳng cấp cao nhất trong xã hội Ấn Độ.

Tuyệt đỉnh kiến trúc Khmer chính là khu đền Ăng-co Vát. Du khách thường viếng thăm nơi này vào buổi chiều, khi có ánh Mặt Trời chiếu thẳng vào chính điện quay về hướng tây. Chưa có sự giải thích thỏa đáng cho câu hỏi vì sao Ăng-co Vát quay mặt về hướng tây trong khi tất cả các ngôi đền ở Ăng-co đều quay về hướng đông.

Ăng-co Vát có gì độc đáo?

Tương chừng như không gặp may khi cơn mưa chiều xối xả ập đến nhưng cũng vì mưa mà chúng tôi đã có cơ hội khám phá Ăng-co Vát với những cảm xúc, kỉ niệm khó quên. Đường vào như dài hơn với những dáng người liêu xiêu trong mưa. Mưa gió ào ạt quất tới tấp. Còn vài người chúng tôi kiên trì đợi mưa và đặt chân đến chính điện cũng là lúc mưa ngừng rơi. Men theo hành lang dài hun hút, chỉ còn vài bóng người chìm trong suy tư, ngắm nhìn những tuyệt tác điêu khắc trên đá của nghệ nhân Khmer. Đây được coi là bức tranh đá được chạm khắc bằng tay dài nhất và lớn nhất thế giới với chiều cao 2,5 mét chạy xuyên suốt 800 mét dọc hành lang của tầng một ngôi đền. Những nét chạm khắc tinh xảo mà mềm mại đã mô tả sinh động các câu chuyện sử thi hào hùng, những chiến công của vua Su-ri-a-vác-man (Suryavarman) II – người cho xây dựng đền Ăng-co Vát. Tầng hai của ngôi đền là các gian điện thờ thần Vi-xnu (Visnu)⁽¹⁾ của Ấn Độ giáo. Đặc biệt, tại tầng hai có rất nhiều bức điêu khắc với hình ảnh tiên nữ Ăp-sa-ra (Apsara)⁽²⁾ được tạc trên đá. Hàng nghìn tiên nữ với dáng vóc và khuôn mặt biểu cảm được thể hiện rất sống động. “Thiên đường” ở tầng ba, cách mặt đất 65 mét, được dẫn lối bằng một cầu thang dốc đứng, hẹp và luôn phải cúi đầu khi bước lên. Không nhiều người đặt chân được lên “thiên đường” nhưng phần thưởng cho ai can đảm khi qua được những nấc thang thử thách là cơ hội tuyệt vời để nhìn ngắm toàn cảnh thành phố Xiêm Riệp cũng như quần thể đền tháp Ăng-co.



Ảnh: E. Uông, L. Mo-tu-la,
A. Lăm-bót

Ước mơ đã thành hiện thực khi tôi được đặt chân đến kinh đô của những đền đài cổ kính để chiêm ngưỡng sự kì vĩ của tuyệt đỉnh kiến trúc Khmer, để chạm tay vào những tượng đá hàng nghìn năm tuổi và để có những khoảnh khắc lắng đọng ở xứ Chùa Tháp thanh bình.

Theo QUỲNH TRANG

(*Tạp chí Di sản – Heritage*, tháng 7-2013)

(1) *Vi-xnu*: vị thần bảo hộ trong Ấn Độ giáo.

(2) *Ăp-sa-ra*: tiên nữ trong Ấn Độ giáo và thần thoại Phật giáo, mang hình dáng những cô gái có vẻ đẹp siêu nhiên. Truyền thuyết cho rằng họ có sắc đẹp tuyệt trần, phong cách thanh tao và rất điêu luyện trong nghệ thuật múa hát.



1. Em hiểu như thế nào về nhan đề *Đền tháp văn ngũ yên*? Nhan đề này có gì khác so với nhan đề các văn bản đọc hiểu trong Bài 8?
2. Bài viết có mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì? Có thể dựa vào đâu để xác định nhanh các nội dung ấy?
3. Phân tích đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử thể hiện ở văn bản *Đền tháp văn ngũ yên*. Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản này.
4. Nhận xét và làm sáng tỏ tình cảm, thái độ của người viết thông qua một số câu văn và các chi tiết cụ thể trong văn bản.
5. Liên hệ với văn bản *Quần thể di tích Cố đô Huế* và bài phỏng vấn *Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội*, hãy nêu lên vai trò, ý nghĩa của các di tích lịch sử.
6. Bằng những hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu một di tích lịch sử về kiến trúc và xây dựng ở Việt Nam.

VIẾT

Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết

1 Định hướng

1.1. Trong Bài 5 (sách *Ngữ văn 9*, tập một), các em đã được rèn luyện kỹ năng viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết, trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. Bài 8 tiếp tục rèn luyện cách viết kiểu bài nghị luận này. Vấn đề cần giải quyết ở đây là: Làm thế nào để giữ gìn, tuyên truyền, quảng bá và phát huy giá trị của các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh một cách hiệu quả? Nội dung này liên quan chặt chẽ với các văn bản thông tin mà các em đã học ở Bài 3 và Bài 8.

1.2. Để viết bài văn nghị luận xã hội bàn về vấn đề giữ gìn, tuyên truyền quảng bá và phát huy giá trị của các di sản (di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh) một cách hiệu quả, các em cần chú ý:

– Xác định vấn đề cụ thể cần bàn luận xung quanh đề tài giữ gìn, tuyên truyền, quảng bá và phát huy giá trị của các di sản.

– Xem lại các văn bản đọc về di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đã học, liên hệ với những hiểu biết thực tiễn của mình về các di sản, ghi lại thông tin quan trọng cần bàn luận về các di sản đó.

– Biết cách triển khai bài văn nghị luận bàn về một vấn đề xã hội theo bố cục ba phần, nội dung cụ thể của mỗi phần và yêu cầu kết hợp nghị luận với các phương thức biểu đạt khác (thuyết minh, tự sự, miêu tả, biểu cảm,...).

– Liên hệ, kết nối với những hiểu biết, trải nghiệm của cá nhân về các di sản trong nước và quốc tế để viết bài văn sinh động, giàu sức thuyết phục.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Suy nghĩ của em khi đứng trước một di sản (di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh) đang bị xuống cấp.*

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ và tìm hiểu yêu cầu của bài tập để biết các thông tin chính trước khi viết:

+ Trọng tâm cần làm rõ: phát biểu những suy nghĩ của cá nhân trước một di sản (di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh) đang bị huỷ hoại và hư hỏng,...

+ Kiểu văn bản chính: nghị luận xã hội (bàn về một vấn đề cần giải quyết); xác định các phương thức biểu đạt kết hợp (tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh,...) để triển khai nội dung bài viết đa dạng và phong phú.

+ Phạm vi bằng chứng cần huy động: kiến thức địa lí và lịch sử về di sản và những biểu hiện cụ thể đang bị xuống cấp của di sản đó.

– Đọc và ghi chép các thông tin đã thu thập được từ sách, báo, Internet,... về sự cần thiết bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý: Từ yêu cầu nội dung của văn bản nghị luận đã nêu trong mục a) *Chuẩn bị*, có thể đặt ra một số câu hỏi để tìm ý cho bài nghị luận. Chẳng hạn:

+ Di sản đang bị xuống cấp là một di tích lịch sử hay danh lam thắng cảnh? Di sản ấy ở đâu?

+ Di sản này có những gì đặc sắc và có giá trị như thế nào?

+ Hiện nay, di sản ấy đang bị xuống cấp (hư hỏng, tàn phá,...) như thế nào? Nguyên nhân bị xuống cấp là gì?

+ Em suy nghĩ gì về sự việc này? Cần phải làm gì để bảo vệ, gìn giữ những di sản đang bị xuống cấp?

– Lập dàn ý: Từ các thông tin về di sản đã nêu và các câu hỏi tìm ý, em hãy lập dàn ý cho bài viết theo ba phần của bài văn nghị luận.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã làm, viết văn bản nghị luận nêu lên những suy nghĩ và đề xuất các giải pháp khả thi có tính thuyết phục.

– Trong khi viết, chú ý vận dụng kỹ năng nhận xét, đánh giá (bình luận) trong bài nghị luận.

– Có thể viết một phần trong thân bài hoặc viết mở bài, kết bài.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết, đối chiếu với dàn ý đã lập để xem xét:

– Bài viết có đúng kiểu văn bản nghị luận không? Nội dung đã đầy đủ ý chưa?

– Có đủ các phần mở bài, thân bài và kết bài không?

– Các ý trong thân bài có làm nổi bật vấn đề nêu ở mở bài không?

– Bài viết còn mắc phải những lỗi gì (diễn đạt, dùng từ, chính tả, ngữ pháp,...)?

– Em thấy phần nào của bài viết có nhiều ưu điểm nhất?

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Bình luận (nhận xét và đánh giá) trong bài văn nghị luận

a) Cách thức

Trong bài văn nghị luận, người viết không chỉ nêu lên những nội dung khách quan cần làm rõ mà còn phải có những nhận xét, đánh giá về nội dung đang được bàn luận. Bình luận của người viết chính là những nhận xét, đánh giá (khen hoặc chê) của cá nhân để làm rõ thêm vấn đề nghị luận. Ví dụ, sau khi làm rõ luận điểm “Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ”, tác giả Chu Quang Tiềm đưa ra bình luận: “Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.” (*Bàn về đọc sách*).

b) Bài tập

Từ bài văn đã làm ở ý 2.1. *Thực hành viết theo các bước*, em hãy dẫn ra một đoạn văn trong đó có nêu ý kiến bình luận của mình.

NÓI VÀ NGHE

Phỏng vấn ngắn

1 Định hướng

1.1. Phỏng vấn ngắn là hình thức hỏi đáp nhanh về một nội dung cụ thể. Mục đích phỏng vấn ngắn là để tiếp nhận kịp thời thông tin về một vấn đề nào đó.

Tính ngắn gọn thể hiện ở nội dung đơn giản, số lượng câu hỏi và lời đáp không nhiều. Người hỏi nêu câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng và người trả lời cũng nói ngắn gọn, tập trung vào ý được hỏi.

Sau đây là một số tình huống có thể tiến hành phỏng vấn ngắn:

– Lớp chuẩn bị tổ chức đi tham quan một di tích lịch sử hoặc một danh lam thắng cảnh, em hãy phỏng vấn ngắn thầy giáo (cô giáo) chủ nhiệm hoặc một học sinh (lớp trưởng hoặc học sinh khác) trước buổi đi tham quan tập thể này.

– Em hãy đóng vai phóng viên để phỏng vấn nhanh một vị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về một di sản đang bị xuống cấp ở địa phương.

– Nếu đi thăm di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc đi thăm khu di tích Ăng-co (Cam-pu-chia), em sẽ hỏi người hướng dẫn du lịch những gì?

1.2. Để thực hiện được cuộc phỏng vấn ngắn, các em cần lưu ý:

– Chuẩn bị:

+ Xác định nội dung và đối tượng phỏng vấn: Hỏi cái gì, để làm gì và hỏi ai?

+ Cách thức: Hỏi như thế nào, bằng cách nào?

– Tiến hành phỏng vấn:

+ Cần chủ động, linh hoạt trong khi phỏng vấn. Chuẩn bị hỏi và trả lời những nội dung phát sinh trong khi phỏng vấn.

+ Người phỏng vấn và người trả lời phỏng vấn cần có thái độ nghiêm túc, lịch sự, kiên nhẫn; cần hỏi và trả lời ngắn gọn, rõ ràng,...

+ Kết thúc phỏng vấn, người phỏng vấn phải cảm ơn người trả lời phỏng vấn.

– Biết cách thuyết minh theo một trình tự và tạo được sự hấp dẫn.

– Có tác phong và thái độ phù hợp với bối cảnh, đối tượng người nghe.

2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai tình huống sau để xây dựng một số câu hỏi và thực hành cuộc phỏng vấn ngắn:*

(1) *Lớp chuẩn bị tổ chức đi tham quan một di tích lịch sử hoặc một danh lam thắng cảnh, em hãy phỏng vấn ngắn thầy giáo (cô giáo) chủ nhiệm hoặc một học sinh (lớp trưởng hoặc học sinh khác) trước buổi đi tham quan tập thể này.*

(2) *Em hãy đóng vai phóng viên để phỏng vấn nhanh một vị Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về một di sản đang bị xuống cấp ở địa phương.*

a) Chuẩn bị (ví dụ với tình huống 2)

Xem lại nội dung đã học về các di tích lịch sử (Bài 8); dựa vào dàn ý đã làm ở phần *Viết để chuẩn bị nội dung bài phỏng vấn*.

b) Xây dựng một số câu hỏi và nội dung trả lời phỏng vấn, ví dụ:

– Di tích lịch sử này có từ bao giờ và có giá trị nổi bật gì?

- Hiện nay nó đang bị xuống cấp như thế nào?
- Những nguyên nhân nào dẫn đến hiện trạng xuống cấp này?
- Cần phải làm gì để khắc phục tình trạng xuống cấp của di sản?
- Phác thảo một số nội dung trả lời các câu hỏi trên.

c) Thực hành phỏng vấn

Người phỏng vấn nêu câu hỏi với người được phỏng vấn. Câu hỏi dựa vào gợi ý của sách giáo khoa, có thể bổ sung thêm hoặc bớt câu hỏi trong khi phỏng vấn. Người trả lời dựa vào phần chuẩn bị ở nhà và làm trên lớp để trả lời phỏng vấn.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đối chiếu với các yêu cầu phỏng vấn ngắn nêu trong mục 1. *Định hướng* và các câu hỏi đã nêu ở phần thực hành phỏng vấn để kiểm tra, chỉnh sửa.

- Người phỏng vấn:
 - + Câu hỏi có đúng trọng tâm, ngắn gọn và sáng rõ không?
 - + Tác phong, thái độ, ngôn ngữ đã lịch sự, phù hợp với bối cảnh phỏng vấn chưa?
- Người trả lời phỏng vấn:
 - + Nội dung trả lời đã đầy đủ thông tin chính, ngắn gọn và sáng rõ chưa?
 - + Tác phong và thái độ trả lời có tự tin, vui vẻ, nhã nhặn, lịch sự,... không?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỊA ĐẠO CỬ CHI^(*)

Địa đạo Củ Chi hình thành trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (khoảng năm 1948). Hệ thống địa đạo được xây dựng sớm nhất tại hai xã Tân Phú Trung và Phước Vĩnh An, tên gọi Địa đạo Củ Chi cũng xuất hiện từ đó. Lúc đầu, địa đạo chỉ có những đoạn ngắn, cấu trúc đơn giản, dùng để giấu tài liệu, trú ẩn cán bộ trong vùng địch hậu. Sang giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ, địa đạo được gia cố và mở rộng.

Từ năm 1961, khi Khu uỷ, Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn – Gia Định chọn Củ Chi làm địa bàn hoạt động, thì hệ thống địa đạo ở đây phát huy tối đa tác dụng, đặc biệt từ năm 1966, trước những hành động của quân xâm lược Mỹ sau khi vào miền Nam tham chiến. Với sức mạnh và ý chí quật cường, quân và dân Củ Chi đã kiến tạo được một hệ thống đường hầm dọc, ngang, nhiều tầng, dài hơn

(*) Nguyên văn: *Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi – Kì quan nghệ thuật quân sự độc đáo.*

200 ki-lô-mét xuyên trong lòng đất, kết hợp với khoảng 500 ki-lô-mét chiến hào, công sự trên mặt đất, tựa như “thiên la địa võng”⁽¹⁾, khiến kẻ thù phải khiếp sợ,...

Suốt một thời gian dài, địch liên tục tấn công đánh phá vùng căn cứ và hệ thống địa đạo hết sức khốc liệt, bằng những thủ đoạn như: bơm nước vào lòng địa đạo, dùng đội quân “chuột cống” đánh phá, dùng chó béc-giê (berger) săn lùng phát hiện địa đạo để phá, dùng xe cơ giới ủi phá,... Mỹ – nguy đã thực hiện 5 000 cuộc hành quân càn quét vào vùng căn cứ cách mạng Củ Chi. Trung bình, mỗi năm có khoảng 330 trận càn, với đủ sắc lính, các cấp hành quân, loại hình chiến thuật. Tính từ 1954 – 1975, số lượng bom đạn Mỹ trút xuống Củ Chi khoảng 500 000 tấn (trung bình mỗi người dân ở đây phải hứng chịu khoảng 1,5 tấn bom). Ngoài ra, có khoảng 480 tấn chất độc hoá học các loại đã được quân địch rải xuống vùng đất này. Dựa vào hệ thống địa đạo, quân và dân Củ Chi kiên cường bám trụ, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) với phương châm “nắm thắt lưng địch mà đánh”, thực hiện lối đánh áp sát với những chiến thuật bắn tỉa, phục kích, tập kích, phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, vô hiệu hoá được nhiều loại vũ khí hiện đại nhất và làm thất bại âm mưu của địch.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân huyện Củ Chi đã lập được những chiến công xuất sắc: đánh 4 269 trận lớn nhỏ; loại khỏi vòng chiến đấu 22 582 tên địch (bắt sống hơn 10 000 tên lính Mỹ, 710 lính nguy); binh vận làm rã ngũ 32 000 tên; phá huỷ và đánh chiếm hơn 5 168 xe quân sự (phần lớn là xe tăng và xe bọc thép); bắn rơi và làm hư hỏng 256 máy bay (chủ yếu là trực thăng); bắn chìm và cháy 22 tàu, xuống chiến đấu; đánh sập và hỏng 173 cầu cống, thu 8 581 súng các loại; bức hàng, bức rút, đánh sập 270 lượt đồn bốt địch,... Với những chiến công vang dội đó, huyện Củ Chi đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Tuy nhiên, trong hai cuộc chiến trường kì đó, Củ Chi cũng chịu nhiều tổn thất: 10 101 dân thường bị chết; trên 10 000 chiến sĩ, thanh niên đã hi sinh, 28 421 nhà bị cháy, 20 000 héc-ta ruộng, rẫy và rừng bị tàn phá,...

Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi gồm: Địa đạo Bến Dược (Căn cứ Quân khu Sài Gòn – Gia Định (Khu A), Căn cứ Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định (Khu B)) và Địa đạo Bến Đình (Khu Căn cứ Huyện uỷ Củ Chi). Về cơ bản, hệ thống địa đạo trong di tích chạy ngoắt ngoéo trong lòng đất, từ đường “xương sống” (đường chính) tỏa ra vô số nhánh, ăn thông với nhau, hoặc độc lập, tùy theo địa hình. Có nhiều nhánh trở rộng ra sông Sài Gòn, để khi bị tình thế nguy kịch, có thể vượt qua sông sang vùng căn cứ Bến Cát (Bình Dương).

Hệ thống đường hầm có khả năng chống được đạn pháo và sức nặng của xe tăng, xe bọc thép, những đoạn hầm sâu chống được bom cỡ nhỏ. Có những đoạn

(1) *Thiên la địa võng*: lưới chăng khắp nơi, khó lòng vùng vẫy (*thiên*: trời; *địa*: đất; *la*, *võng*: lưới).

cấu trúc từ hai đến ba tầng (tầng trên gọi là “thượng”, tầng dưới gọi là “trầm”). Chỗ lên xuống giữa các tầng có nắp hầm bí mật. Trong địa đạo có những nút chặn ở những điểm cần thiết để ngăn địch hoặc chất độc hoá học do địch phun vào. Có những đoạn hẹp (eo), phải lách người mới chui qua được. Dọc theo đường hầm có lỗ thông hơi bên trên, được nguy trang kín đáo và trở lên mặt đất bằng nhiều cửa bí mật. Nhiều cửa được cấu trúc thành ổ chiến đấu, ụ bắn tỉa rất linh hoạt. Dưới những khúc địa đạo ở khu hiểm yếu có đặt hầm chông, hố đinh, cạm bẫy,... Xung quanh cửa lên xuống hầm được bố trí nhiều hầm chông, hố đinh, mìn trái (gọi là tử địa), có cả mìn lớn chống tăng và mìn phóng lựu đạn chống máy bay trực thăng, nhằm tiêu diệt, ngăn chặn quân địch tới gần. Liên hoàn với địa đạo có các hầm rộng có thể mắc võng để nghỉ ngơi. Trong hầm có nơi dự trữ vũ khí, lương thực, thực phẩm, có giếng nước, bếp “Hoàng Cầm”, hầm làm việc của lãnh đạo, hầm giải phẫu, nuôi dưỡng thương binh, hầm chữ A vững chắc cho phụ nữ, người già, trẻ em trú ẩn. Có những hầm lớn, mái lợp thoáng mát, bên trên nguy trang khéo léo để hội họp, biểu diễn văn nghệ,...

[...] Địa đạo Củ Chi là một kì quan về nghệ thuật quân sự độc đáo của Việt Nam, thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất của con người vùng “đất thép”, một trong những biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Kiến trúc địa đạo mang tính kế thừa và có giá trị về nhiều mặt, đặc biệt là về mặt nghệ thuật quân sự, chiến tranh nhân dân [...].

Hiện nay, Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi là nơi giáo dục truyền thống cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, tri ân công ơn to lớn của các anh hùng, liệt sĩ đã chiến đấu, hi sinh trên vùng đất Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Với giá trị tiêu biểu trên, di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt (tài Quyết định số 2367/QĐ-TTg ngày 23-12-2015).

(Theo special.vietnamplus.vn)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Mục đích chính của văn bản trên là gì?

- A. Giải thích về hệ thống đường hầm ở huyện Củ Chi
- B. Giới thiệu về di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi
- C. Thuyết minh về chiến công của quân dân huyện Củ Chi
- D. Giới thiệu về lịch sử hình thành Địa đạo Củ Chi

2. Văn bản trình bày thông tin theo cách nào là chính?

- A. Theo quan hệ nguyên nhân – kết quả
- B. Theo thời gian và phân loại đối tượng

- C. Theo trật tự không gian và tầm quan trọng
D. Theo không gian và nguyên nhân – kết quả
3. Địa đạo Củ Chi dài bao nhiêu ki-lô-mét và di tích này được chia làm mấy khu?
A. Hơn 500 ki-lô-mét và hai khu B. Hơn 150 ki-lô-mét và ba khu
C. Hơn 200 ki-lô-mét và hai khu D. Hơn 300 ki-lô-mét và bốn khu
4. Câu văn nào nêu đặc điểm “thiên la địa võng” của hệ thống địa đạo Củ Chi?
A. Về cơ bản, hệ thống địa đạo trong di tích chạy ngoắt ngoéo trong lòng đất, từ đường “xương sống” (đường chính) tỏa ra vô số nhánh, ăn thông với nhau, hoặc độc lập, tùy theo địa hình.
B. Có nhiều nhánh trở rộng ra sông Sài Gòn, để khi bị tình thế nguy kịch, có thể vượt qua sông sang vùng căn cứ Bến Cát (Bình Dương).
C. Hệ thống đường hầm có khả năng chống được đạn pháo và sức nặng của xe tăng, xe bọc thép, những đoạn hầm sâu chống được bom cỡ nhỏ.
D. Có những hầm lớn, mái lợp thoáng mát, bên trên nguy trang khéo léo để hội họp, biểu diễn văn nghệ,...
5. Vì sao Địa đạo Củ Chi được công nhận là một di tích lịch sử?
A. Là một địa danh có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng ở Việt Nam
B. Là một nơi còn lưu giữ nhiều cổ vật của người xưa
C. Là công trình xây dựng và địa điểm có giá trị lịch sử
D. Là một nơi trưng bày nhiều sản phẩm văn hoá, khoa học
6. Vì sao văn bản trên được coi là văn bản thuyết minh giới thiệu một di tích lịch sử?
7. Di tích lịch sử mà văn bản nói tới có gì đặc sắc cần giới thiệu?
8. Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?
9. Em biết thêm được điều gì từ văn bản *Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi*?
10. Em thích nhất nội dung nào trong bài giới thiệu? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm một số văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử ở trong và ngoài nước.
2. Sưu tầm tư liệu về một di tích lịch sử tại quê hương em để có thể viết bài giới thiệu với các bạn.
3. Tập thuyết minh bằng lời về một di tích lịch sử mà em yêu thích.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố quan trọng (cốt truyện, xung đột, nhân vật, lời nhân vật, lời người kể chuyện,... và đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả,...) trong các văn bản bi kịch và truyện.
- Hiểu và vận dụng được hiểu biết về những nghĩa mới và từ ngữ mới trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.
- Biết viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch (bi kịch).
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.
- Biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động cao cả; ghét sự giả dối, mưu mô, tàn bạo, xấu xa,...

Kiến thức ngữ văn

1. Bi kịch

Bi kịch thuộc thể loại kịch, viết về những câu chuyện buồn bã, đau đớn với những tình huống căng thẳng và kết thúc bi thảm; đánh thức niềm thương cảm, xót xa trong tâm hồn người đọc.

– Cốt truyện bi kịch cổ điển thường mượn từ các truyện huyền thoại hoặc lịch sử. Sự kiện, biến cố thường diễn ra gay gắt, bất ngờ, xoay quanh những mâu thuẫn không thể giải quyết dẫn đến xung đột và kết cục bi thảm (tai họa hay cái chết). “Kết thúc bi thảm của số phận nhân vật bi kịch thường có ý nghĩa thức tỉnh, dự báo một cái gì đó tốt đẹp hơn sẽ nảy sinh trong cuộc sống và trong mỗi con người.”⁽¹⁾

– Nhân vật chính trong bi kịch thường là nhân vật anh hùng hoặc xuất thân từ cung đình (vua chúa, hoàng tử, tướng lĩnh, công nương,...), người có những phẩm chất,

(1) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, sách đã dẫn.

năng lực vượt trội, có khát vọng lớn,... nhưng phải đối đầu với thực tế không thể hoá giải hoặc sai lầm của chính bản thân nên dẫn đến kết cục thất bại hay cái chết bi thảm. Lời thoại trong bi kịch là lời của các nhân vật thể hiện suy nghĩ, tình cảm của nhân vật.

– Có hai kiểu xung đột chính trong bi kịch:

+ Xung đột giữa những khát vọng đẹp đẽ của nhân vật với hoàn cảnh thực tế. Ví dụ, xung đột trong vở bi kịch *Ham-lét* (Hamlet) của Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare) là xung đột giữa ý chí, nghị lực và khát vọng trả thù của Ham-lét với những thế lực đen tối, bạo tàn trong cung đình cũng như ngoài xã hội.

+ Xung đột nằm trong chính nhân vật. Đó là cuộc đấu tranh giằng xé giữa vẻ đẹp khát vọng, những giá trị tích cực của nhân vật với phần bóng tối trong nội tâm nhân vật. Ví dụ, ở nhân vật Ham-lét, bên cạnh cuộc đấu tranh với thế lực bên ngoài, còn có cuộc đấu tranh bên trong giữa con người mạnh mẽ, nhân văn với những yếu đuối, do dự của chàng.

2. Sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới và từ ngữ mới

– Là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người, ngôn ngữ luôn vận động, phát triển gắn liền với sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội. Sự phát triển của ngôn ngữ diễn ra liên tục nhưng không đột biến và không đồng đều ở các bộ phận: Từ vựng phát triển nhanh và mạnh nhất (thể hiện ở sự xuất hiện không ngừng của các từ ngữ mới và nghĩa mới); ngữ âm và ngữ pháp phát triển tương đối chậm.

– Nghĩa mới của từ ngữ là nghĩa xuất hiện bên cạnh nghĩa gốc để biểu thị những sự vật, hiện tượng mới nảy sinh (hoặc sự vật, hiện tượng đã có với tên gọi khác). Ví dụ, ở từ *chuột*, bên cạnh nghĩa gốc (chỉ một loài thú nhỏ) còn có thêm nghĩa mới: chỉ một bộ phận điều khiển máy tính. Nghĩa mới của từ ngữ thường được hình thành theo các phương thức ẩn dụ, hoán dụ.

– Từ ngữ mới là những từ ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng mới nảy sinh hoặc mới được phát hiện; ví dụ: *chứng khoán, cổ phiếu, máy tính*,... Trong tiếng Việt, từ ngữ mới được tạo ra theo hai phương thức chính: láy (ví dụ: *xịn* → *xịn xò*) và ghép (ví dụ: *bàn* + *phím* → *bàn phím*). Bên cạnh đó, tiếng Việt còn có một bộ phận từ ngữ mới là những từ ngữ vay mượn của nước ngoài hoặc lai tạo dựa trên một số yếu tố vay mượn nước ngoài. Thuật ngữ mượn tiếng nước ngoài thường được giữ nguyên dạng gốc, ví dụ: *acid, hydro*,... Các từ ngữ thông dụng thường được biến đổi về ngữ âm cho phù hợp với ngữ âm tiếng Việt, ví dụ: *bifteck* → *bít tết*, *cocktail* → *cốc tai, cốc tay*,... Đáng chú ý là các từ ngữ được lai tạo bằng cách kết hợp các yếu tố cấu tạo từ của tiếng nước ngoài thành từ mới (ví dụ: *biên bản, nội thành, tiền chiến*); kết hợp các yếu tố Việt với yếu tố vay mượn (ví dụ: *lính thủy, xe tăng, tuổi teen*).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Sống, hay không sống? (*)

(Trích vở kịch *Ham-lét*)

SẾCH-XPIA

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này. (**)

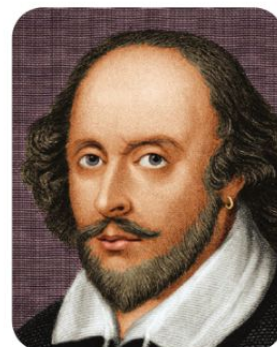
– Khi đọc hiểu văn bản bi kịch, các em cần chú ý: (***)

+ Tóm tắt nội dung văn bản (Văn bản kể lại sự việc gì? Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh nào? Cốt truyện có gì đặc biệt?...).

+ Đặc điểm của bi kịch được thể hiện trong văn bản ở những phương diện nào (cốt truyện, nhân vật, xung đột,...)?

– Đọc trước văn bản *Sống, hay không sống?*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Uy-li-am Sếch-xpia.

– Đọc nội dung giới thiệu vở kịch *Ham-lét* sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:



Uy-li-am Sếch-xpia
(1564 – 1616), Anh

Ham-lét là một trong những vở bi kịch xuất sắc và nổi tiếng nhất của Sếch-xpia. Cốt truyện xoay quanh nhân vật trung tâm là Ham-lét, hoàng tử nước Đan Mạch. Khi chàng đang học ở Đức thì nhận được tin vua cha mất; rồi chưa đầy hai tháng thì mẹ chàng tái giá lấy Clô-đi-út (Claudius), chú ruột của chàng vừa kế vị ngôi vua. Hồn ma của vua cha hiện về báo cho chàng biết Clô-đi-út là kẻ đã giết mình để chiếm đoạt ngai vàng và thúc giục Ham-lét trả thù. Ham-lét vô cùng đau đớn, buồn bã và căm phẫn. Chàng giả điên để che mắt kẻ thù. Trong lòng chàng xảy ra cuộc đấu tranh gay gắt: “Sống, hay không sống? Sống thế nào cho cao quý?”. Và chàng đã tìm ra câu trả lời: cầm vũ khí chống lại bạo ngược, cường quyền. Đầu tiên, Ham-lét đâm chết Pô-lô-ni-út (Polonius) – cha của Ô-phê-li-a (Ophelia) và là một nịnh thần. Ô-phê-li-a phân vì thất vọng với sự điên loạn của người yêu là Ham-lét, phần quá đau thương trước cái chết của cha nên bị mất trí, lang thang và cuối cùng chết đuối. Nhà vua bày ra kế hoạch: tổ chức một cuộc đấu kiếm giữa La-óc-tơ (Laertes) và Ham-lét; ngoài ra, còn chuẩn bị sẵn một cốc rượu độc để mời Ham-lét uống. Kết cục, Ham-lét bị trọng thương, La-óc-tơ cũng bị trúng độc bởi chính mũi kiếm của mình. Hoàng hậu uống cốc rượu để mừng con nên ngã ra chết. Căm phẫn tột độ, trước khi chết, Ham-lét đã dùng mũi kiếm đâm độc kết liễu nhà vua.

Văn bản sau đây trích hồi III, cảnh 1, tái hiện cảnh Ham-lét giả điên trước nhà vua và người yêu.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản bi kịch khác trong Bài 9, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

2 Đọc hiểu

Một gian phòng trong lâu đài, vua, hoàng hậu, Pô-lô-ni-út, Ô-phê-li-a, Rô-den-cran (Rosencrantz) và Ghin-đơn-xtơn (Guildenstern)⁽¹⁾ ra.

Vua – Thế trong khi chuyện trò cùng thái tử, các khanh lại không lựa được cơ hội nào để tìm hiểu tại sao người rối loạn tâm thần, để cho chuỗi ngày xanh êm đẹp bị tan nát vì những cơn điên dữ dội, hiểm nghèo hay sao?

Suy đoán: Nhà vua có tin Ham-lét điên không?

Rô-den-cran – Tâu bệ hạ, thái tử cũng biết mình bị mất trí, nhưng duyên do tại đâu thì nhất định người không nói.

Ghin-đơn-xtơn – Thực ra thì thái tử cũng không để cho tìm hiểu sâu hơn. Người có đánh trống lảng bằng những cơn điên khôn khéo, mỗi khi chúng thần tìm cách gọi người tỏ bày thực trạng tâm hồn mình.

Hoàng hậu – Thái tử tiếp các khanh có tử tế không?

Rô-den-cran – Thật đúng như một người lịch thiệp.

Ghin-đơn-xtơn – Nhưng bên trong vẫn có vẻ gì gượng gạo.

Rô-den-cran – Người hỏi rất ít, nhưng trả lời những câu hỏi của chúng thần thì huyền thuyên dài dòng.

Hoàng hậu – Thế các khanh có kiếm cách gì cho thái tử tiêu khiển không?

Rô-den-cran – Tâu lệnh bà, trên đường đi tỉnh cờ chúng thần gặp một bọn đào kép. Chúng thần có thừa bày và thái tử tỏ vẻ vui thích lắm. Bọn họ hiện ở quanh quần trong cung này và hình như đã nhận được lệnh trình diễn đêm nay hầu thái tử.

Pô-lô-ni-út – Thừa, đúng như vậy. Chính thái tử có khăn khoản nhờ thần mời bệ hạ và lệnh bà tới ngự lãm⁽²⁾ đêm nay.

Vua – Trẫm rất vui lòng. Trẫm hài lòng khi biết thái tử tìm được nguồn thích thú như vậy. Các khanh ạ, nên khuyến khích thái tử vào những trò giải trí ấy thêm nữa.

Rô-den-cran – Tâu bệ hạ, chúng thần xin tuân thượng lệnh.

Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn vào.

Vua – Ái khanh nữa, xin mời ái khanh cũng tạm lui. Trẫm đã ra mật lệnh cho tìm Ham-lét tới đây, làm như thể tỉnh cờ y bắt gặp Ô-phê-li-a ở nơi này. Trẫm sẽ đích thân cùng tướng công Pô-lô-ni-út, như hai thám tử hợp pháp, ngồi vào một nơi kín, nhìn thấy hết mà không ai nhìn thấy mình, để tận mắt quan sát mọi cử chỉ của y qua cuộc gặp gỡ, xem có phải chính bệnh tương tư là nguyên nhân làm y quẩn trí chăng?

Mục đích của nhà vua là gì?

(1) *Rô-den-cran, Ghin-đơn-xtơn*: hai viên quan trong triều được nhà vua giao nhiệm vụ theo dõi Ham-lét.

(2) *Ngự lãm*: (nhà vua) xem (cách nói trang trọng).

Hoàng hậu – Xin vâng lệnh bệ hạ, còn Ô-phê-li-a con, ta mong rằng chính nhan sắc yêu kiều của con là nguyên nhân tốt lành gây ra bệnh của Ham-lét và ta hi vọng đức hạnh của con sẽ làm cho nó trở lại bình thường; vì danh dự của cả hai con đây!

Ô-phê-li-a – Tâu lệnh bà, con cũng mong như thế.

Hoàng hậu vào.

Pô-lô-ni-út – Ô-phê-li-a, con cứ đi đi lại lại ở chỗ này. Xin bệ hạ cùng thần lính vào đây. *(Nói với Ô-phê-li-a)* Con hãy cầm cuốn sách này và đọc đi. Như thế mới thêm vẻ tự nhiên, trong lúc cô đơn. Đời vẫn thường chê trách rằng ta khoác cái vẻ trầm mặc thành kính và bộ điệu chân tu nhiều khi cũng đường mật đánh lừa được cả ma quỷ. Điều đó đã được chứng tỏ quá nhiều rồi.

Vua – Ôi, đúng quá thật! Lời nói như roi quất vào lương tâm ta. Đôi má của gái hồng lâu, rực rỡ vì son tô phấn điểm, cũng không thể xấu xa hơn hành động của ta được điểm phấn tô son bằng những lời hoa gấm mỹ miều. Ôi, gánh nặng của tội ác!

Vua và Pô-lô-ni-út vào, Ham-lét ra.

Ham-lét – Sống, hay không sống – đó là vấn đề. Chịu đựng tất cả những viên đá, những mũi tên của số mệnh phũ phàng hay là cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi, đằng nào cao quý hơn? Chết là ngủ. Không hơn. Và tự nhủ rằng ngủ đi tức là chấm dứt mọi đau khổ của cõi lòng và muôn vằn vết tử thương mà hình hài phải chịu đựng, kết liễu cuộc đời như thế, chẳng đáng mong muốn sao? Chết, ngủ. Ngủ có thể chỉ là mơ. Hừ! Đây mới là điều khó khăn. Vì, trong giấc ngủ của cõi chết ấy, khi ta đã thoát khỏi cái thể xác trần tục này, những giấc mơ nào sẽ tới, điều đó làm cho ta phải ngừng lại mà suy nghĩ. Chính điều đó gây ra bao tai họa cho cuộc sống dằng dặc này! Bởi vì, ai là người có thể chịu đựng những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhãn nhục, khi chỉ cần một mũi dao là có thể đủ đưa mình đến chỗ yên nghỉ? Có ai đành cam chịu, than vãn rầu rĩ, đổ mồ hôi dưới gánh nặng của cuộc đời mệt mỏi, nếu không phải chỉ vì sợ một cái gì mệnh mang sau khi chết, một thế giới huyền bí mà đã vượt biên cương thì không một du khách nào còn quay trở lại, nỗi sợ làm cho tâm trí rối bời và bắt ta phải cam chịu mọi khổ nhục trên cõi thế này còn hơn là bay tới những nỗi khổ nhục khác mà ta chưa hề biết tới? Đây, chính nỗi vướng mắc của tâm tư ấy làm cho chúng ta trở thành hèn mạt tất cả, và ngọn lửa của quyết tâm vừa bùng lên đã mờ nhạt ốm yếu đi trước ánh leo lét của ý nghĩ đó, bao dự kiến lớn lao, cao quý cũng phải xoay chiều đổi hướng, chẳng thể biến thành hành động. Thôi khế chứ! Kia Ô-phê-li-a yêu kiều! Nữ thần của ta ơi, khi nàng cầu nguyện, xin nàng đừng quên những tội lỗi của ta.

Chú ý yếu tố thật, giả trong lời nói của Ham-lét.

Đoạn độc thoại của Ham-lét đã diễn tả được điều gì?

Ô-phê-li-a – Kính thưa điện hạ, chẳng hay sức khoẻ của người bấy lâu nay ra sao?

Ham-lét – Xin đa tạ cô em, tôi vẫn được như thường, như thường, như thường.

Ô-phê-li-a – Thưa điện hạ, thiếp còn giữ những kỉ vật người trao tặng, đã từ lâu thiếp vẫn mong được gửi lại, mong người nhận cho.

Ham-lét – Không, không, tôi nào có hề tặng cô em cái gì bao giờ.

Ô-phê-li-a – Thưa điện hạ tôn kính, điện hạ cũng thừa biết là có và người đã gửi gắm theo những kỉ vật ấy những lời xiết bao tình tứ làm cho chúng càng tôn thêm giá. Nhưng bây giờ hương đã tàn phai, xin chàng giữ lấy; bởi vì đối với một tâm hồn cao quý, quà tặng quý giá đến đâu chẳng nữa, nào còn có ý nghĩa gì một khi người trao đã thờ ơ lạnh nhạt. Thưa đây, điện hạ.



Ham-lét – A ha! Cô em có phải là người đức hạnh không?

Ô-phê-li-a – Thưa điện hạ!...

Ham-lét – Cô em có phải là người nhan sắc không?

Ô-phê-li-a – Điện hạ định nói gì?

Ham-lét – Nếu cô vừa là người đức hạnh lại vừa nhan sắc, thì đức hạnh làm sao có thể nói chuyện được với nhan sắc của cô?

Ô-phê-li-a – Sao, thưa điện hạ, nhan sắc còn có thể hoà hợp với cái gì hơn là đức hạnh?

Ham-lét – Chứ sao! Vì nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh thành phóng dăng, nhưng đức hạnh không thể nào khép nhan sắc vào khuôn khổ nề nếp. Ngày xưa, đó là điều nghịch lí, nhưng ngày nay thì đã được chứng thực rồi. Có một thời tôi đã yêu cô em.

Ô-phê-li-a – Thực thế thưa điện hạ, chính người đã làm cho thiếp tưởng như vậy.

Ham-lét – Đáng lí cô em đừng tin tôi mới phải, vì chẳng thể ghép đức hạnh vào dòng giống cũ kĩ của chúng ta mà chúng ta không giữ lại chút gì của dòng giống đó. Tôi chưa bao giờ yêu cô em cả.

Ô-phê-li-a – Thế thì thiếp càng bị mắc lừa lắm.

Ham-lét – Cô em nên vào nhà tu kín đi thôi. Tại sao cô em cũng lại muốn sinh sản ra những kẻ tội lỗi? Bản thân tôi cũng là một người không đến nỗi hư thân, ấy thế mà tôi có thể tự kết tội tôi nhiều đến nỗi giá mẹ tôi đừng sinh ra tôi thì hơn. Tôi là một kẻ kiêu căng, hay oán thù, đầy tham vọng, đầu óc chứa chất nhiều tội lỗi đến nỗi

tôi không đủ ý để diễn đạt, trí tưởng tượng để hình dung, thời gian để hành sự. Trần thế cần chi phải có những gã như tôi sống lê la giữa đất trời? Chúng tôi là những kẻ khốn kiếp không hơn. Cô không nên tin kẻ nào cả. Cô nên vào nhà tu kín đi. Thân phụ cô em đâu?

Thái độ của Ô-phê-li-a và Ham-lét khác nhau như thế nào?

Ô-phê-li-a – Thừa diện hạ, phụ thân thiếp ở nhà.

Ham-lét – Thế thì phải cửa đóng then cài cho chắc để ông ta chỉ có thể giở trò điên dại ở nhà thôi nhé! Thôi chào cô.

Ô-phê-li-a – Ôi, cầu Chúa, hãy cứu vớt lấy chàng!

Ham-lét – Nếu cô em cứ nhất định xuất giá thì tôi xin gửi tặng lời nguyên bất hạnh này để cô em làm của hồi môn: Dù cô em có tinh khiết như băng, trong trắng như tuyết, cũng không thể nào tránh khỏi được miệng tiếng người đời. Thôi cô em vào nhà tu kín đi, vào đi, chào cô! Hay cô em thấy cứ cần phải lấy chồng, thì chỉ nên lấy một thằng rồ, vì những kẻ khôn ngoan thừa biết cô sẽ biến họ thành quỷ dữ. Vào nhà tu kín đi, vào đi, vào đi thôi. Chào cô.

Ô-phê-li-a – Ôi các đáng thần linh! Xin hãy làm cho chàng hồi tỉnh!

Ham-lét – Tôi lại nghe nói cô tô son điểm phấn khéo lắm. Chúa đã ban cho cô một bộ mặt, cô lại tạo cho mình một bộ mặt khác; cô múa ròn, lượn lờ, nói nói, cười cười, trêu chọc cả mọi sinh linh của Chúa, phóng đảng mà làm ra vẻ thơ ngây! Thôi đi, tôi không chịu được nữa, thế cũng đủ làm cho tôi phát điên lên rồi. Tôi đã nói mà, chuyện cưới xin sẽ không bao giờ có nữa. Những kẻ nào đã bước vào con đường ấy – tất cả chỉ trừ có một – sẽ được sống. Còn những kẻ nào chưa biết vào thì nên cứ ở vậy suốt đời. Vào nhà tu kín đi, vào đi thôi.

Ham-lét vào.

Ô-phê-li-a – Ôi một tâm hồn cao quý, bỗng dưng tan nát. Đôi mắt của nhà thông thái, thanh gươm của trang hiệp sĩ, miệng lưỡi của người hào hoa, niềm hi vọng, đoá hồng tươi của quốc gia gấm vóc, gương sáng của thời trang, kiểu mẫu của mọi người; bao người thần phục, ca tụng, bây giờ, còn đâu nữa, hết rồi, thật hết rồi! Có người khuê nữ⁽¹⁾ nào thất vọng và đau khổ hơn tôi, người đã được tận hưởng hương mật của bao lời tỏ tình êm như tiếng nhạc của chàng. Bây giờ, lí trí cao quý của một đáng quân vương nào khác chỉ những tiếng chuông êm ái rung lên lạc điệu và chói tai, tuổi hoa niên đẹp đẽ tuyệt vời bị dập vùi trong điên cuồng mê loạn. Ôi, đau đớn cho tôi, xưa kia mắt đã thấy là thế mà nay lại là thế!

Vua và Pô-lô-ni-út lại ra.

Vua – Tình yêu? Tình cảm của y không hướng về phía đó đâu. Những lời nói của y dù là huyền thuyên đôi chỗ không ăn khớp, nhưng không hẳn là điên dại. Tâm hồn y

(1) Khuê nữ: con gái chưa chồng nhà quyền quý thời phong kiến.

có điều chi phíen muộn, làm cho y nặng ưu tư. Trầm lo rằng, y cứ áp ủ mãi nỗi đau buồn ắt không tránh khỏi xảy ra điều nguy hiểm. Để ngăn ngừa, trầm vừa quyết định y phải lập tức rời sang Anh để đòi những vật triều cống mà nước này lãng quên chưa nộp. Biết đâu, khác cảnh khác người, khí hậu đổi thay, cái điều thâm kín trong tâm y có thể tiêu tan đi được. Để y suy nghĩ luẩn quẩn, trầm lo rằng y có thể biến đổi vô chừng. Khanh thấy thế nào?

Nhà vua định làm gì Ham-lét?

Pô-lô-ni-út – Tàu bệ hạ, thật là cao kiến. Tuy nhiên, thần vẫn tin chắc rằng duyên do và đầu mối nỗi sầu muộn của hoàng tử chính là bởi thất tình. *(Nói với Ô-phê-li-a)* Thôi Ô-phê-li-a con ạ, con không cần kể lại những điều hoàng tử đã nói với con. Bệ hạ và cha đã nghe rõ cả rồi. *(Nói với vua)* Tàu bệ hạ, xin bệ hạ cứ tùy ý định liệu. Nhưng nếu bệ hạ thấy không có điều chi bất tiện, thì sau khi xem diễn tuồng trở về, xin để cho hoàng hậu tâm sự riêng với thái tử để dò thăm nỗi ưu tư của thái tử. Hoàng hậu cứ hỏi thẳng và nếu bệ hạ cho phép, thần sẽ xin nấp chỗ kín đáo sao cho có thể nghe được câu chuyện giữa hai người. Nếu hoàng hậu cũng không tìm ra được duyên do thì lúc đó bệ hạ hãy truyền lệnh cho thái tử sang nước Anh tức khắc, hay là giam giữ ở một nơi nào tùy cao kiến của bệ hạ quyết định.

Vua – Phải làm như thế mới được. Không thể coi thường sự điên dại ở những kẻ có tài và có địa vị.

Câu kết cho thấy thái độ nào của nhà vua?

(Ham-lét, ĐÀO ANH KHA – BÙI Ý – BÙI PHỤNG dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1986)



1. Đoạn trích kể về chuyện gì và có những nhân vật nào? Xem phần tóm tắt để xác định vị trí của đoạn trích.
2. Nhận biết một số chỉ dẫn sân khấu, lời nhân vật; đoạn độc thoại và đối thoại trong văn bản.
3. Đoạn độc thoại của Ham-lét trong văn bản *Sống, hay không sống?* thể hiện tâm trạng và thái độ gì? Những lời độc thoại ấy bộc lộ mâu thuẫn nào trong con người Ham-lét?
4. Xác định hai tuyến nhân vật đối lập trong đoạn trích. Nhận xét đặc điểm tính cách của hai tuyến nhân vật này.
5. Nhận xét đặc điểm lời thoại của các nhân vật Ham-lét và Ô-phê-li-a trong đoạn trích.
6. Sự trăn trở “Sống, hay không sống?” và quyết định cầm vũ khí chống lại bạo ngược, cường quyền nói lên phẩm chất và tính cách gì của Ham-lét? Em có đồng ý với quyết định ấy của Ham-lét không? Vì sao?

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* ở Bài 2 (sách *Ngữ văn 9*, tập một) để nhận biết và phân tích được tác dụng của lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.

– Đọc trước văn bản *Người thứ bảy*, tìm hiểu thêm thông tin về nhà văn Mu-ra-ka-mi Ha-ru-ki (Murakami Haruki).

– Đọc đoạn sau để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Trong đêm mưa bão, một tốp người trong căn phòng, nghe người đàn ông thứ bảy kể câu chuyện của mình. “Ông ta là người cuối cùng kể câu chuyện vào đêm đó”.



Mu-ra-ka-mi Ha-ru-ki,
sinh năm 1949, Nhật Bản

2 Đọc hiểu

① [...] “Tôi lớn lên ở một thị trấn ven biển ở tỉnh S. Đó là một thị trấn nhỏ, dù tôi có nói tên của nó, chắc quý vị cũng không một ai nhận ra. Cha tôi là một bác sĩ địa phương, tôi có một tuổi thơ khá êm đềm và thoải mái. Tôi có một người bạn thân, tôi gọi cậu ấy là K. Nhà của chúng tôi rất gần nhau, cậu ấy học thấp hơn tôi một lớp. Chúng tôi như những người anh em thực thụ, cùng nhau đi học, cùng nhau về nhà, luôn chơi đùa cùng nhau. Chúng tôi chưa bao giờ giận hay cãi nhau. Tôi có một người anh ruột, chúng tôi cách nhau sáu tuổi, vì sự khác biệt giữa tuổi tác và tính cách nên cả hai không bao giờ thân thiết với nhau. Người anh em duy nhất tôi có là K.

Chú ý mối quan hệ giữa nhân vật “tôi” và K.

K là một cậu bé nhỏ người, yếu đuối, khuôn mặt có những đường nét mềm mại thường bị nhầm là con gái. K gặp trở ngại trong giao tiếp bình thường, vì vậy, những người không biết sẽ nghĩ cậu ấy là một đứa trẻ chậm phát triển. Và vì cậu quá yếu đuối, tôi đã trở thành người bảo hộ cho cậu, cả ở trường và ở nhà. Tôi thuộc dạng to lớn và năng chơi thể thao, hầu hết các đứa trẻ khác đều phải ngẩng đầu lên nhìn tôi. Lí do quan trọng nhất tôi thích ở bên cạnh K là vì cậu ấy có một trái tim rất ấm áp và chân thành. Cậu ấy không chậm phát triển, nhưng chứng khó đọc đã khiến cho việc học của cậu gặp khó khăn ít nhiều. Phần lớn các môn cậu ấy đều phải nỗ lực rất nhiều; thế nhưng khi vào lớp vẽ, cậu ấy lại trở thành một nhân tài. Chỉ cần đưa K một cây bút chì, cậu ấy sẽ vẽ nên một bức tranh đầy sống động khiến giáo viên cũng phải kinh ngạc. Cậu ấy được rất nhiều giải thưởng và tôi chắc rằng K sẽ trở thành một họa sĩ nổi tiếng nếu cậu tiếp tục duy trì sở thích hội họa này đến khi lớn.

Nhân vật K có điểm gì đặc biệt?

K thích nhất là vẽ cảnh biển. Cậu sẽ dành hàng giờ ngồi bên bờ biển và vẽ. Tôi ngồi bên cạnh cậu, ngắm từng chuyển động của cây cọ vẽ và tự hỏi vì sao cậu ấy

có thể lấp đầy tờ giấy trắng bằng đủ loại sắc màu và đường nét. Tôi nhận ra đó chính là tài năng thiên bẩm không phải ai cũng có.

Năm ấy, vào tháng Chín, một cơn bão lớn đổ bộ vào thị trấn của chúng tôi. Từ ra-đi-ô (radio), người phát thanh lo lắng thông báo rằng đó là cơn bão lớn nhất trong vòng mười năm qua. Các trường học đều cho học sinh tạm nghỉ, các cửa hàng đều hạ cửa cuốn xuống, chuẩn bị sẵn sàng để đón cơn bão.

[...] Ra-đi-ô liên tục nhắc nhở người dân không nên rời khỏi nhà. Ngôi nhà của chúng tôi sau một khoảng thời gian sẽ rung lắc dữ dội như thể có một bàn tay to lớn đang cầm lấy và lắc lư trong cơn bão, đôi khi bên ngoài cửa sắt sẽ vang lên những tiếng động rất lớn do một vật gì đó va đập vào. Đến trưa, chúng tôi ăn cơm với trứng ốp lết mẹ làm ban sáng, tiếp tục nghe đài và chờ đợi cơn bão nhanh chóng đi qua.

Chú ý bối cảnh xảy ra câu chuyện.

Nhưng cơn bão không có dấu hiệu sẽ dừng lại. [...] Cha tôi hé cửa một chút và nhìn ra ngoài. Gió đã ngừng, cơn mưa cũng vậy. Những đám mây xám xịt nặng nề dần tan bớt, sắc xanh đã lấp ló xuất hiện. Những cái cây trong sân ngã rạp xuống nền đất, nước ở khắp mọi nơi.

“Chúng ta đang ở tâm bão.”, cha tôi nói, “Nó sẽ im lặng như thế này một thời gian, khoảng 15 đến 20 phút, rồi dông sẽ quay trở lại...”.

Tôi hỏi cha, tôi có thể ra ngoài một chút hay không. Ông bảo có thể, nhưng chỉ đi lòng vòng gần đây thôi...

Tôi ra ngoài và khám phá xung quanh.

[...] K thấy tôi đang đi trên đường, liền chạy ra.

“Cậu đang đi đâu vậy?”, K hỏi.

“Tôi chỉ muốn xuống chỗ biển nhìn một chút thôi.”.

Không nói thêm gì, cậu ấy liền đi bên cạnh tôi, phía sau cậu còn có một chú chó lông trắng lon ton chạy theo...

[...] Chúng tôi leo xuống con đê và đi dọc bờ biển, nhìn những đồ vật đang trôi dạt vào bờ... Chúng tôi cứ đi như vậy khoảng năm phút khi tôi nhận ra con sóng dâng cao hơn, chạm đến chân tôi. Không có bất cứ âm thanh hay lời cảnh báo nào, biển cả dâng lên, há cái miệng đen ngòm của nó ra nhìn vào chúng tôi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì giống như vậy. Dù là một đứa trẻ, nhưng tôi lớn lên cùng với biển và biết hình dạng hung dữ của nó trông như thế nào – sự man rợ của một trong những thứ xuất phát từ cổ xưa. Tôi theo phản xạ lùi dần, tránh xa khỏi con sóng. Thế nhưng nó vẫn như cũ, dâng lên cao hơn và chạm vào chân tôi. Và rồi nó rút dần, không một tiếng động, cứ thế cuộn sâu và biến mất. [...]

Con sóng được miêu tả thế nào?

Tôi có cảm giác mình là con mồi của một loài động vật ăn thịt to lớn, nó đang nằm ở đâu đó chờ đợi thời cơ để xé xác tôi ra bằng hàm răng sắc nhọn. Tôi cần phải rời khỏi đây ngay.

“Tớ đi về đây!”, tôi hét lên với K. Cậu ấy đang đứng dưới biển, cách tôi khoảng hai mét, quay lưng về phía tôi và đang chăm chú nhìn thứ gì đó. Tôi chắc chắn rằng tôi đã la lên rất to, thế nhưng tiếng hét của tôi không hề đến được với cậu ấy. K đang ở một nơi nào đó khác. Cậu ấy thường như vậy, khi tập trung vào bất cứ thứ gì, những thứ khác đều không khiến cậu ấy bận tâm. Hoặc có lẽ tôi hét lên chưa đủ to. Tôi hồi tưởng lại tiếng hét của mình, nó như một tiếng hét của ai đó khác chứ không phải của tôi.

Rồi tôi nghe một tiếng gầm rú trầm đục. Tiếng rú ấy làm rung chuyển cả mặt đất. Trước tiếng rú, tôi còn nghe thêm một âm thanh khác, tiếng ùng ục của lửa sôi khi những con sóng dâng cao hơn. Nó kéo dài một lúc thì dừng hẳn, rồi tôi nghe thấy tiếng rú kì lạ. Thế nhưng những thứ ấy vẫn không khiến K ngẩng đầu lên. K vẫn đứng đó, bất động. Cậu ấy không hề nghe thấy tiếng gầm rú, làm sao cậu ấy không nghe thấy một âm thanh làm rung cả mặt đất, tôi hoàn toàn không hiểu nổi. Hoặc có lẽ chỉ có một mình tôi nghe thấy âm thanh ấy, một loại âm thanh đặc biệt nào đó. Ngay cả chú chó của K cũng có vẻ như không để ý đến tiếng gầm, dù chó là một loài vật rất nhạy âm thanh.

Điều gì khiến nhân vật “tôi” “không hiểu nổi”?

Tôi tự nói với bản thân hãy chạy lại chỗ K, kéo cậu ấy đi ra khỏi chỗ đó. Đó là việc duy nhất cần phải làm. Tôi biết con sóng đang tới, còn K thì không. Khi tôi nhận thức được hành động của bản thân, tôi đã chạy sang một con đường khác – chạy lên bờ đê, một mình. Thứ khiến tôi hành động như vậy, tôi chắc chắn, đó là nỗi sợ, nỗi sợ đã khiến giọng nói tôi tắt nghẹn và khiến chân tôi chạy đi thật xa. Đến khi đã qua khỏi con đê, tôi mới có thể hét lên.

“K! Ra khỏi đó ngay! Con sóng đang tới!”. Lần này giọng nói tôi đã trở lại, không còn tiếng gầm rú quái quỷ, K đã nghe thấy tiếng hét của tôi và ngẩng đầu lên. Nhưng tất cả đã quá muộn. Một con sóng khổng lồ vồ lên, lao đến như vũ bão. Tôi chưa từng nhìn thấy thứ gì như thế trong đời mình. Nó gần như to bằng một toà nhà ba tầng. Hoàn toàn vô thanh (theo như trí nhớ của tôi, lúc ấy không có bất kì âm thanh nào xuất hiện), con sóng lao đến K, che lấp cả khoảng trời phía trên cậu. K chỉ ngược lên nhìn tôi trong vài giây, vẻ bàng hoàng hiện lên trong mắt cậu. Như thể cảm nhận được điều gì, cậu quay lưng về phía con sóng. Cậu cố gắng chạy thoát, nhưng không còn thời gian để chạy. Và trong khoảnh khắc tiếp theo tôi nhìn thấy, con sóng đã nuốt chửng K. Nó lao vào cậu như một đầu xe lửa chạy hết tốc lực.

Hình dung K trong lòng con sóng dữ.

[...] Tôi không thể tìm thấy K hay chú chó của cậu ấy ở trên bờ biển. Đó là một bờ biển trống không. Những con sóng liên tục dâng lên và rút dần về phía đại dương sâu thẳm. Tôi đứng đó, thẫn thờ nhìn trong bất động.

Sự im lặng bao trùm lên vạn vật – một sự im lặng chết chóc vọng về từ bên trong Trái Đất. Con sóng đã cuốn trôi K đi xa. Tôi đứng đó, không biết phải làm gì.

Tôi có nên xuống biển không? Có lẽ cậu ấy mắc kẹt ở đâu đó gần bờ, hoặc bị vùi lấp dưới cát,... Nhưng tôi quyết định không rời khỏi con đê. Theo những gì tôi được dạy, con sóng sẽ trở lại hai hoặc ba lần.

Hình dung tâm trạng của nhân vật “tôi”.

Tôi không chắc mình đứng đó trong bao lâu, 15 hoặc 20 giây tiếp theo, tôi nghĩ rằng con sóng tiếp theo tới. Một tiếng gầm dội lên những tảng đá, sau khi âm thanh ấy biến mất, con sóng xuất hiện. Nó lao về phía tôi, xoá sạch sự hiện diện của bầu trời. Nhưng lần này tôi không chạy trốn. Tôi đứng đó, chân lún vào cát, để con sóng nhào đến mình.

Con sóng thứ hai cũng to như con sóng đầu tiên, có lẽ to hơn. Đến gần tôi, nó càng to hơn, như một bức tường thành rung chuyển. Nó quá to để có thể là một con sóng. Nó giống một thứ gì đó ở một nơi xa vời hơn, đến đây trong hình dạng của con sóng. Tôi nghe tiếng tim mình đập rõ ràng vào giây phút cuối cùng, tôi không nhắm mắt, để cho bóng tối của con sóng ập lên mình.

Thế nhưng khi vừa đến trước mắt tôi, con sóng dừng lại. Bỗng nhiên nó cạn kiệt năng lượng, mất đi phương hướng, chỉ lơ lửng gào rú giữa không trung. Và ở sâu bên trong cái hòng đen ngòm của con sóng, tôi nhìn thấy K.

Có lẽ vài người sẽ cảm thấy đây là một câu chuyện bịa đặt khó tin, tôi sẽ không trách các bạn đâu vì với tôi nó cũng vô cùng hoang đường. Đến bây giờ tôi vẫn còn chưa tin vào những gì mình đã thấy. Tôi không biết làm sao để giải thích cho các bạn rõ hơn, nhưng những gì tôi kể không phải ảo giác mà hoàn toàn là sự thật, là những gì đã xảy ra trước mắt tôi. Bên trong con sóng là K, cậu nhìn thẳng vào tôi và cười. Ngay trước mắt tôi, khoảng cách đủ gần để tôi có thể vươn tay ra chạm vào, là K, người bạn thân thiết của tôi, người chỉ vừa vài phút trước bị con sóng nuốt chửng. Cậu đang cười với tôi. Đó không phải là nụ cười bình thường, mà là một nụ cười to, ngoác tận mang tai. Đôi mắt lạnh lẽo của cậu nhìn thẳng vào tôi. Cậu ấy không còn là K mà tôi biết. Cánh tay phải của cậu giơ về phía tôi như muốn kéo tôi vào con sóng, vào thế giới khác mà cậu đang ở. Chỉ một chút nữa thôi là cậu đã có thể chạm vào tôi. Nhưng không, cậu không chạm đến được, thế là cậu lại cười toe toét.

Vì sao đây lại là câu chuyện khó tin đối với vài người?



② Tôi gần như mất toàn bộ nhận thức ở thời điểm đó. Điều tiếp theo tôi còn nhớ là bản thân đang nằm trong phòng bệnh của cha mình.

[...] Tôi nằm trên giường bệnh tròn một tuần, không ăn uống gì, chỉ truyền chất dinh dưỡng dạng lỏng. Cha tôi nói tình trạng của tôi khá tệ khiến ông ấy nghi ngờ rằng tôi vừa trải qua một cú sốc tâm lý chứ không đơn thuần là sốt. Nhưng tôi không thể nói cho ông ấy biết chuyện gì đã xảy ra. Cuộc sống của tôi từ khi ấy không còn giống như trước nữa.

[...] Cha mẹ của K lại không căm ghét hay hận tôi vì đã rủ K xuống bãi biển giữa cơn bão. Họ biết tôi yêu thương và chăm sóc K như em trai mình. Cha mẹ của tôi cũng vậy, họ không bao giờ đề cập đến chuyện này trong suốt cuộc đời của tôi. Nhưng tôi là người biết sự thật. Tôi biết mình có thể cứu K. Tôi có thể chạy đến chỗ K thật nhanh và kéo cậu ấy ra khỏi đó. Thế nhưng vì sợ hãi, tôi đã bỏ cậu ấy lại một mình và chạy trốn. Điều khiến tôi đau đớn hơn là cha mẹ K và mọi người không trách móc tôi, thậm chí còn sợ tôi đau buồn nên không nhắc lại chuyện này. Mất một thời gian dài tôi mới vượt qua được cú sốc. Tôi nghỉ học nhiều tuần, không ăn uống được gì, chỉ nằm trên giường và nhìn trần nhà.

Nhân vật “tôi” ân hận điều gì?

K luôn ở đó, bên trong cơn sóng, nhìn tôi và cười, tay giờ lên vẫy gọi. Tôi không thể xóa hình ảnh tang thương ấy ra khỏi tâm trí mình. Và khi tôi ngủ, hình ảnh ấy lại hiện lên – trừ việc K đã bắt lấy tay tôi và lôi tôi vào cơn sóng theo cậu.

[...] Cuối năm, tôi van xin cha mẹ hãy chuyển đến một thị trấn khác. Tôi không thể tiếp tục sống ở nơi này, ở bãi biển K đã chết và cậu ấy sống trong những cơn ác mộng không hồi kết của tôi. Nếu không đi chỗ khác, tôi sẽ hoá điên. Cha mẹ tôi đồng ý. Tôi chuyển đến tỉnh Na-ga-nô (Nagano) sống với gia đình bên nội ở một làng gần Cô-mô-rô (Komoro). Tôi học hết tiểu học ở Na-ga-nô, tiếp tục học cả trung học và cao học ở đây. Tôi không bao giờ trở lại quê nhà, ngay cả dịp lễ. Chỉ có cha mẹ thường đến thăm tôi.

Vì sao nhân vật “tôi” phải chuyển nơi ở?

[...] Tôi tránh xa quê nhà mình gần như bốn mươi năm. Tôi không bao giờ quay trở lại bờ biển đó. Tôi sợ hãi rằng nếu tôi trở lại đó, cơn ác mộng sẽ trở thành sự thật. Tôi luôn thích bơi lội, nhưng từ ngày đó tôi không bao giờ đến hồ bơi nữa. Tôi cũng không đến những nơi có ao hồ hay sông suối. Tôi tránh xa mọi tàu thuyền và không đi máy bay để ra nước ngoài. Tôi không thể ngừng nhìn thấy bản thân đang chết đuối. Như bàn tay lạnh lẽo của K, hình ảnh đen tối khi ấy không bao giờ rời khỏi tâm trí tôi.

Đến mùa xuân năm ngoái, tôi đã quay trở lại bờ biển nơi K bị cơn sóng cuốn trôi. [...]

③ Nhà của K cũng không còn, thay vào đó là một bãi đỗ xe. Tôi cố vượt qua những xúc cảm trào dâng trong lồng ngực. Đã từ rất lâu rồi đây là nơi tôi được sinh ra và lớn lên.

Tôi đi về phía bãi biển, leo qua con đê chắn sóng. Bãi biển không thay đổi gì. Vẫn là những con sóng xô vào bờ, vẫn là đường bờ biển dài xa tít tắp. Vừa qua bốn giờ chiều, Mặt Trời ở phía xa đang ôm lấy bãi biển bằng một thứ màu cam hồng. Tôi bỏ ba lô xuống cát và ngồi trên một gờ đá. Nhìn ngắm khung cảnh trước mắt, thật khó để tin nơi đây từng có một con sóng to khổng lồ đã nuốt chửng người bạn thân nhất của tôi. Không còn ai ở lại [...]. Mọi thứ gần như trở thành một giấc mơ xa vời trong tiềm thức⁽¹⁾ của tôi.

Tôi nhận ra bóng tối trong tim mình đã biến mất. Thật bất ngờ. Cũng như cách nó đến. Tôi đứng dậy, cởi giày ra và để nước biển ngập hết bàn chân. Như thể hoá giải hết mọi khúc mắc, những con sóng đang vỗ về tôi hiện tại chính là những con sóng ngày xưa. Đó là một con sóng chậm rãi, dâng lên rồi rút xuống. Những người xung quanh nhìn tôi kì quặc, nhưng tôi không để tâm lắm. Cuối cùng, tôi cũng đã tìm được đường để trở về.

[...] Tôi không còn nằm mơ thấy ác mộng nữa. Tôi không còn thức dậy giữa đêm khuya vì chính tiếng thét gào của mình. Và tôi đang cố gắng bắt đầu lại cuộc sống của mình. Không, tôi biết rằng bây giờ đã quá muộn để bắt đầu lại. Tôi không còn nhiều thời gian để sống. Thế nhưng tôi vẫn cảm thấy vô cùng may mắn, dù nó có đến muộn đi chăng nữa, đến cuối cùng, tôi dường như đã được cứu rỗi⁽²⁾. Phải, may mắn: Cuộc đời chìm trong bóng tối với những tiếng thét gào sợ hãi của tôi đã đi đến hồi kết.”

Điều gì đã thay đổi trong con người nhân vật “tôi”?

Người đàn ông thứ bảy im lặng và nhìn những người khác trong phòng. Không một ai nói gì hay cử động, thậm chí là cả thở. Tất cả đều chờ đợi phần kết của câu chuyện. Bên ngoài, gió đã lặng. Người đàn ông thứ bảy lại giơ tay lên chỉnh cổ áo như thể đang lựa lời để nói.

“Họ bảo chúng ta rằng thứ duy nhất chúng ta sợ hãi chính là bản thân nỗi sợ, nhưng tôi không tin điều đó lắm.”, ông ta nói. Một lúc sau, ông ta nói thêm: “Nỗi sợ luôn ở đó. Được thôi. Nó đến bên ta trong nhiều hình dạng, trong nhiều thời điểm, đàn áp chúng ta. Thứ đáng sợ nhất mà chúng ta làm khi ấy lại là quay lưng về phía nỗi sợ và nhắm mắt lại. Khi đó, chúng ta sẽ giữ lại thứ gì quý nhất đối với bản thân, giấu nó vào trong tim mình và đầu hàng trước một thứ khác. Trong trường hợp của tôi, một thứ khác đó là những con sóng.”

Tìm hiểu ý nghĩa những lời cuối của người thứ bảy.

(*Bóng ma ở Le-xinh-ton* (Lexington), PHẠM VŨ THỊNH dịch, NXB Đà Nẵng, 2007)

(1) *Tiềm thức*: phần tâm lí bên trong con người mà bản thân người ấy không ý thức được.

(2) *Cứu rỗi*: cứu vớt linh hồn khỏi sa xuống địa ngục, theo quan niệm của một số tôn giáo.



1. Tóm tắt văn bản và xác định nhân vật chính của truyện *Người thứ bảy*.
2. Nêu nội dung chính của mỗi phần được đánh số trong văn bản bằng một câu ngắn gọn.
3. Phân tích sự chuyển biến tâm lí của nhân vật “tôi” trước và sau cái chết của K; từ đó, nhận xét về tính cách nhân vật “tôi”.
4. Hình ảnh con sóng dữ dội và nụ cười của nhân vật K trong con sóng được nhắc lại nhiều lần có ý nghĩa và tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung truyện?
5. Truyện *Người thứ bảy* muốn gửi đến bạn đọc thông điệp gì? Đoạn kết của truyện có phải là nội dung thông điệp ấy không? Vì sao?
6. Em có ấn tượng sâu sắc nhất về chi tiết (hình ảnh, sự việc, nhân vật, lời thoại,...) nào trong truyện ngắn này? Vì sao?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới và từ ngữ mới

1. Xếp các từ ở bên A vào nhóm phù hợp nêu ở bên B:

A. Từ	B. Đặc điểm cấu tạo
a) cà chua, tên lửa, đường sá	1) từ láy (thuần Việt)
b) tàu hoả, lính chiến, xe ben	2) từ mượn tiếng Pháp
c) nặng nề, nhẹ nhẹ, bối rối	3) từ mượn tiếng Hán
d) lô cốt, bê tông, xi măng	4) từ ghép (thuần Việt)
e) cường quốc, hải quân, siêu thị	5) từ lai tạo

M a) – 4)

2. Xác định nghĩa của các từ in đậm trong những câu sau. Chỉ ra các nghĩa được hình thành theo phương thức ẩn dụ và các nghĩa được hình thành theo phương thức hoán dụ.

a) Nói **ngọt lọt đến xương**. (Tục ngữ)

- b) *Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.*

(Ca dao)

- c) *Sầu đông càng lắng càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.*

(Nguyễn Du)

3. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa giữa các yếu tố Hán Việt dưới đây:

- **đồng**: đồng âm, đồng bào, đồng ca / đồng dao, mục đồng, thần đồng.
- **giai**: giai nhân, giai phẩm, giai thoại / giai cấp, giai đoạn, giai tầng / giai lão, bách niên giai lão.
- **minh**: minh châu, minh quân, minh tinh / chứng minh, thuyết minh, minh oan / đồng minh, liên minh.
- **tân**: lễ tân, tân khách, tiếp tân / tân binh, tân được, tân thời.
- **vị**: định vị, hoán vị, kế vị / vị quốc, vị tha / vị lai, vị tất, vị thành niên.

4. Tìm các từ ghép Hán Việt trong những câu dưới đây, chỉ ra nghĩa của mỗi từ ghép Hán Việt tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên chúng.

- a) *Tái sinh chưa dứt hương thê,
Làm thân trâu ngựa, đèn ghè trúc mai.*

(Nguyễn Du)

b) *Khi nhận được đường chuyễn của thằng Phước, tôi lướt xuống sút vào gôn đội nó một quả tuyệt đẹp thì nó la toáng lên bảo tôi việt vị.* (Nguyễn Nhật Ánh)

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Đình công và nổi dậy^(*)

(Trích vở kịch *Kim tiền*)

VI HUYỀN ĐẮC^(**)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Đình công và nổi dậy*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Vi Huyền Đắc.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**) Tác giả Vi Huyền Đắc (1899 – 1976), quê ở Quảng Ninh.

– Đọc nội dung giới thiệu về vở kịch *Kim tiền* dưới đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Trần Thiết Chung vốn là một văn sĩ, sống thanh bản, quyết không để tiền bạc, vật chất chi phối, “không dấn thân vào những chỗ hôi tanh, u ám”. Ông đã từng định đốt tờ ngân phiếu ghi số tiền lớn mà ông nhà giàu Cự Lợi biếu vì Cự Lợi muốn nhờ ông ủng hộ trong vận động bầu cử dân biểu. Nhưng rồi vì phải chiều theo ý vợ và hiểu ra “Ta cũng giống như muôn nghìn người khác, ta không thể thoát li ra ngoài cái vòng tội mọi của đồng tiền được.”, Trần Thiết Chung đã dần thay đổi. Từ một văn sĩ thanh liêm, nghèo khó nhưng giàu lòng tự trọng, ông trở thành nhà đại tư bản Trần Thiết Chung. Có nhiều tiền, ông khai thác mỏ, xây biệt thự, lấy thêm vợ,... Trong khi đó, người con trai cả tên Bích chỉ biết ăn chơi, vì tiền mà mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng với cha và gia đình. Do hám lời, gia đình chủ mỏ Trần Thiết Chung đã ra sức bóc lột công nhân lao động dẫn tới kết cục bi thảm... Đoạn trích *Đình công và nổi dậy* (thuộc đoạn thứ bốn của vở kịch) kể về kết cục ấy.

2 Đọc hiểu

Ngày hôm sau, vẫn cảnh đoạn ba, nhưng cả buồng giấy có vẻ lộn xộn. Lúc ấy vào giữa buổi trưa.

Kéo màn lên, sân khấu không có người. Bỗng có tiếng nói léo xéo, tiếng giầy chạy thành thịch lên cầu thang, rồi cửa phía buồng kẻ toản mở bung ra. Người loong toong⁽¹⁾ mặt cắt không ra một giọt máu, hót hơ hót hải chạy vào, nhìn về phía bàn giấy không có ai, liền chạy thẳng đến cửa buồng ăn thông vào tư thất của ông Chung.

Hình dung bối cảnh câu chuyện qua phần chỉ dẫn sân khấu.

Loong toong – Cụ chủ! Cụ chủ! Cụ chủ!

Có tiếng giầy ở trong buồng, rồi cửa buồng mở ra: Ông Chung ra. Bà Ba theo sau. Hai ông bà cơ chừng đương ngủ trưa nên còn mặc quần áo ngủ cả. Ông mặc bộ pi-gia-ma⁽²⁾. Bà mặc áo dài trắng, vừa ra vừa vấn tóc.

Ông Chung – Cái gì? Làm sao? Cái gì?

Loong toong – Bầm... bầm... thưa cụ, cu li⁽³⁾ nổi loạn, đương kéo nhau đến phá... nhà... nhà... kho.

Ông Chung cau mặt. Ông nghĩ một tí rồi quay lại ra chỗ cửa lát kính. Bà Ba cũng theo sau và đứng nấp ở đằng sau lưng ông. Xa xa có tiếng hò reo, lúc rõ, lúc không rõ, tùy theo gió thổi.

Ông Chung – Không sợ... cửa sổ toàn bằng gỗ lim nạm sắt, chúng nó có phá được còn khó...

Bà Ba (*Bủn rùn luống cuống*) – Minh ơi, bây giờ làm thế nào hở mình?

(1) *Loong toong* (tiếng Pháp: *planton*): nhân viên chạy giấy và làm việc ở các công sở thời Pháp thuộc, cũng dùng để chỉ người làm những việc lật vặt hoặc để cho người khác sai vặt.

(2) *Pi-gia-ma* (tiếng Pháp: *pyjama*): một loại quần áo ngủ.

(3) *Cu li* (tiếng Pháp: *coolie*): từ trước đây dùng để chỉ những người lao động chân tay.

Ông Chung – Không ngại!... Ta phải gọi tê-lê-phôn⁽¹⁾ báo đồn... đồn cho lính xuống.

Bà Ba – Ngộ đồn người ta không xuống thì làm thế nào?

Ông Chung – Mình nói dở, sao đồn lại không xuống. Bồn phận của họ là phải bênh vực tính mệnh, tài sản cho mình chứ... Có sợ chỉ sợ họ không xuống kịp... thôi... (*Ông nói rồi lại bàn nhắc máy nói gọi*) A lô! A lô! Ông làm ơn cho tôi gặp quan đồn... Vâng, quan đồn... Ông chủ mỏ Tiêu Giao cần lắm... ông gọi ngay cho.

Bà Ba – Chết! Nếu không kịp thì chết! Minh ơi, hay ta xuống lấy ô tô mà đi... đi... khỏi chỗ này đã...

Ông Chung (*Vẫn nghe tê-lê-phôn, hình như có tiếng trả lời, ông xua tay bảo bà im*) – A lô! A lô! Đội trưởng Đội lính khố xanh⁽²⁾... A lô! A lô!... Thế nào? Quan đi vắng à... đi đâu?... Thôi không cần, ai nói đấy?... À, ông phán Lương? Xin chào ông⁽³⁾ Lương... Tôi đây... tôi là ông Chung, chủ mỏ Tiêu Giao đây... Vâng... cu li ở mỏ tôi nó nổi loạn... Nó đang kéo nhau phá nhà kho... Vâng... nguy cấp vô cùng, quan đi vắng thì ông cứ cho ngay ông quản đem ngay lính lại dẹp bọn cu li giúp tôi... Vâng... nếu chờ quan thì chậm quá... có thể nguy đến tính mệnh chúng tôi mất... Vâng, ông giúp chúng tôi, không bao giờ chúng tôi dám quên ơn... Vâng... hai chục người mới được... A lô! A lô! A lô!... (*Trong khi ông nói tê-lê-phôn, tiếng ồn ào càng ngày càng to hơn, bà Ba nhìn ông rồi lại nhìn ra cửa*).

Thái độ ông chủ mỏ như thế nào?

Bà Ba (*Đương nhìn qua cửa sổ bỗng kêu rú lên*) – Minh ơi, nó kéo đổ cột dây thép... mình gọi mau lên, đồ rồi!

Trong này, ông cũng vừa bỏ máy nói xuống.

Ông Chung – ... Cắt⁽⁴⁾... (*Ngừng lên*) May quá... tôi nói vừa xong, bây giờ có đứt cũng không cần. Lính ở đồn đến bây giờ, không sợ.

Bà Ba – Minh ạ, họ có đi ô tô cũng phải mất non một giờ đồng hồ, còn phải qua phà.

Ông Chung – Đến thế thật... một giờ là nhanh... Trong khi đợi ta phải thủ thế mới được... À quên. (*Quay lại chỉ người loong toong*) Nhà dưới đã đóng cửa chưa?

Loong toong – Bẩm, đóng rồi ạ, nhưng con mới cài qua cái then thôi...

Bà Ba – Anh xuống ngay chặn cả cái đóng vào... Mau lên.

Loong toong – Vâng, vâng.

(1) Tê-lê-phôn (tiếng Pháp: *téléphone*): điện thoại.

(2) Trong văn bản gốc, tác giả dùng tiếng Pháp: *Allo! Allo! Le chef de poste de la Garde Indigène. Lính khố xanh*: lực lượng vệ binh bản xứ của thực dân Pháp ở Đông Dương đầu thế kỉ XX, trang phục có tám vải che bụng và xà cạp màu xanh nước biển.

(3) Trong văn bản gốc, tác giả dùng tiếng Pháp: *Bonjour monsieur*.

(4) Trong văn bản gốc, tác giả dùng tiếng Pháp: *Coupé*.

Nói rồi, tất cả chạy ra lối cửa buồng kế toán, ông Chung gọi giật anh ta lại.

Ông Chung – Đây, đây! Anh kéo thêm bàn ghế mà chặn thêm vào nữa, nghe không! Mau lên!... Mau lên!

Người loong toong mở vội cửa đâm đầu chạy đi.

Bà Ba – Minh ơi, tôi sốt ruột quá. *(Mặt bà cau lại, bà xoắn hai bàn tay lại với nhau ra dáng hết sức nóng nảy, lo sợ)* Biết bao giờ lính mới đến... Họ không đến kịp thì làm thế nào, mình?

Ông Chung – Mình không ngại, thế nào họ cũng đến kịp... Họ đến bây giờ đây mà... *(Ông nói rồi lại bàn giấy, kéo ngăn kéo, lấy ra một khẩu súng lục và giơ ra)* Ta có khẩu súng này thì còn sợ gì... Dầu chúng nó có gây gộc, cuộc xằng cũng không sao đến gần mình được... Mình đừng ngại.

Những chi tiết nào cho thấy tình hình ngày càng căng thẳng?

Tiếng ồn ào bỗng đưa lại rõ hơn. Ông đứng dậy, quay đầu nhìn ra phía cửa sổ. Bà cũng nhìn theo. Hình như bọn phu đã bỏ cái nhà kho và kéo lại đằng này.



Bà Ba *(Bỗng kêu to lên)* – Minh ơi! Khỏi! Khỏi ở đằng nhà kho... Thôi chết rồi, chúng nó đốt nhà kho, mình ơi! Quân nó to gan thật... Ra nó làm giặc rồi còn gì.

Tiếng ở dưới đường – Anh em ơi! Lại cả đây! Cửa sổ mở... Lại cả đây... Ông chủ đâu... ra cho anh em chúng tôi nói chuyện.

Ông Chung chực đi ra phía cửa sổ, nhưng bà níu ông lại.

Bà Ba – Mình ra đây làm gì... Không, tôi van mình, mình đừng ra...

Ông Chung – Ô hay, sợ cái gì... Mình cứ để tôi ra xem chúng nó nói gì... Có súng đây, sợ gì...

Ông nói rồi giằng tay bà đi ra chỗ cửa sổ, để khẩu súng lục một bên, chống hai tay thẳng ra, ghé đầu ra ngoài nhìn xuống. Bà Ba đứng nép ở một bên cửa sổ. Tiếng ồn ào lại nổi lên.

Tiếng ở dưới đường – Im!... Im!... Im!... Có người ra cửa sổ... Ông chủ!... A... a... ông chủ! Im... im... để mà nói... Anh em hãy im đi!... Để nói... Im!... Im!... Ông chủ đem anh em chúng tôi ra đất rừng rú này... rồi bỏ chúng tôi chết đói hay sao?

Ông Chung – Các anh đừng có nói bậy... Ai bỏ các anh em chết đói? Nếu các anh đi làm ăn cần thận, có ngày nào không phát gạo, phát hàng. Tại các anh không muốn làm nữa nên tôi bắt buộc phải làm như vậy. Công việc của tôi không phải

chuyện chơi... Các anh không có phép được tự ý muốn làm lúc nào thì làm, muốn bỏ lúc nào thì bỏ... Các anh đình công là các anh đại. Rồi các anh xem, còn có quan trị, quan nhậm, tôi sẽ dùng pháp luật trị cái tội bỏ công việc của các anh...

Tiếng ở dưới đường – Anh em chúng tôi phải đình công là vì ông phát gạo kém, gạo xấu, không ăn được, cá mắm thối,... Chúng tôi kêu thì cai lại đánh đập chúng tôi... Ông là ông chủ làm gì cũng được, nhưng ông cũng phải thương đến những kẻ nghèo khó, hai sương một nắng đổi bát mồ hôi lấy bát cơm... Ông hành hạ chúng tôi quá. [...] Đói thì không đi làm được... (*Lại ồn ào*) Ông chỉ biết ông ăn no, ông bỏ chúng tôi chết đói à? Ông ác nghiệt quá... Ông chủ... ông ác nghiệt quá...

Vì sao thợ mỏ đình công?

Ông Chung – Các anh phải đói là vì các anh đình công, bồng dung, chẳng ai để các anh đói... Lần này là lần cuối cùng, tôi ra lệnh cho các anh, ai phải về trại ấy ngay lập tức, rồi tôi sẽ liệu... Nếu ai không nghe lời, còn đứng lảng vảng ở ngoài đường, lính ở đồn xuống ngay bây giờ, tôi sẽ hạ lệnh bắn về tội phiến loạn...

Tiếng ở dưới đường (*Lại ồn ào hơn trước*) – Anh em ơi! Ông ấy gọi lính về để bắn chết anh em... Bắn thì bắn... không sợ... Có giỏi cứ bắn chết cả đi xem nào... Anh em ơi! Đừng đợi lính đến, phá, phá cái nhà này đi cho ông... Phá... đốt... phá!

Rồi ở trong những tiếng ồn ào bỗng có tiếng nổ to hơn. Dứt tiếng nổ thì thấy ông Chung giơ tay phải bụng lấy trán, còn tay trái, ông vịn vào vai bà Ba. Bà nhìn lên thấy máu ở trán ông chảy ròng ròng xuống tay ông thì kêu rú lên.

Phản chỉ dẫn sân khấu cho biết điều gì?

Bà Ba – Ôi giờ ơi, nó bắn chết chồng tôi rồi... (*Bà vừa kêu vừa khóc, vừa dìu ông, đỡ ông ngồi xuống ghế. Ông vừa ngồi xuống ghế xong thì xoài tay ra, gục đầu xuống bàn, bất tỉnh nhân sự. Bà cuống quýt, rờ vào chỗ vết thương, ngược mắt nhìn quanh quẩn để cầu cứu, nhưng không thấy ai. Bà lại lay ông*) Ông ơi! Ông ơi! Ông ơi! Ôi ông ơi! (*Ông nấc lên một cái rồi xoài hẳn người ra, một tay buông thõng xuống. Bà ôm chặt lấy ông, mặt ngơ ngác như hoá điên*) Ôi giờ ơi! Giờ đất ơi! Chồng tôi chết rồi! Có ai cứu chúng tôi... Ôi giờ ơi! (*Bà rờ trán ông, rồi lại rờ tay ông. Bà chạy đi, chạy lại, rồi lại đứng dừng lại, ngẫm nghĩ một lát. Sau vụt đến bên ông, thò tay móc túi ông túi bên phải, túi bên trái, rồi bà rút ra một chùm chìa khoá. Bà đi ra tủ két tìm chìa khoá cho vào lỗ khoá. Ngay lúc bấy giờ, cái cửa kính phía tay phải bỗng bật tung ra, kính vỡ rơi loảng xoảng. Bà giật mình, dừng tay nhìn ra. Một người đàn ông bận đồ Tây nhảy xuống sàn. Người ấy đứng nhìn các phía rồi chạy xông lại phía tủ két. Bà Ba hình như đã nhìn rõ người đàn ông nên kêu rú lên*) Cả Bích! Mày... (*thì vừa bị người đàn ông nhảy xổ vào giơ hai tay bóp cổ. [...]*) Cả Bích, vì chính

Kết thúc có gì bất ngờ?

người đàn ông ấy là cả Bích, đẩy bà Ba ngã ra đấy, rồi ra tú kết mở tủ. Cả Bích vừa xoay cái chìa thì có tiếng rầm rộ ở buồng kế toán. Cửa bị phá tung ra. Kẻ xéng, người cuốc, kẻ dao, người gậy ủa vào). [...]

Màn hạ thật nhanh.

(Kim tiền, in trong Tổng tập văn học Việt Nam, tập 24,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)



1. Văn bản *Đình công và nổi dậy* kể về sự kiện gì? Có những tuyến nhân vật nào? Ai là đại diện cho mỗi tuyến nhân vật?
2. Em dựa vào những chi tiết nào để biết được bối cảnh và tình hình căng thẳng của câu chuyện?
3. Phân tích nhân vật ông chủ mỏ Trần Thiết Chung qua thái độ, lời thoại và hành động,...
4. Hãy chỉ ra và phân tích cách xây dựng diễn biến xung đột của tác giả qua các chỉ dẫn sân khấu và lời thoại của nhân vật.
5. Theo em, đặc điểm bi kịch thể hiện như thế nào trong văn bản? (Gợi ý: cần kết hợp với nội dung tóm tắt vở kịch).
6. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu ấn tượng của mình về những người nổi loạn trong văn bản kịch *Đình công và nổi dậy*.

VIẾT

Phân tích một tác phẩm kịch

1 Định hướng

1.1. Ở lớp 8, các em đã học cách phân tích một tác phẩm hài kịch. Bài 9 này tập trung rèn luyện viết bài phân tích một tác phẩm bi kịch, gắn với phần đọc hiểu trong sách. Đối tượng phân tích một tác phẩm kịch có thể là toàn bộ tác phẩm hoặc một phần của tác phẩm (ở đây là văn bản kịch, không phải tác phẩm kịch biểu diễn trên sân khấu). Trong phân tích, cần chỉ ra được tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật (cốt truyện, xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại,...) trong việc biểu đạt nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả;...).

1.2. Để viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm bi kịch, các em cần chú ý:

- Xác định rõ yêu cầu nghị luận về đối tượng cần phân tích.
- Đọc lại tác phẩm bi kịch, đặc biệt là nội dung liên quan đến đối tượng đó.
- Xác định nội dung, hình thức nghệ thuật mà bài viết sẽ tập trung làm sáng rõ.
- Lựa chọn các bằng chứng xác đáng trong văn bản để lí giải, phân tích, đưa ra nhận xét, góp phần khẳng định giá trị của tác phẩm.
- Bài viết cần tránh việc chỉ kể lại đơn thuần nội dung hay nhận xét về giá trị nội dung, nghệ thuật một cách chung chung, thiếu thuyết phục.
- Thực hiện các bước theo quy trình viết bài văn nghị luận.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Phân tích vai trò và ý nghĩa những lời độc thoại của Ham-lét, từ “Sống, hay không sống?” đến “đừng quên những tội lỗi của ta” trong đoạn trích vở kịch “Ham-lét” của Sếch-xpia ở phần Đọc hiểu.*

a) Chuẩn bị

- Đọc lại đoạn trích *Sống, hay không sống?*, huy động những hiểu biết có được về bi kịch; nhất là khái niệm *độc thoại*, đặc điểm và tác dụng của độc thoại,...
- Xác định các yếu tố nội dung và hình thức nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích để tập trung làm sáng rõ khi phân tích.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:
 - + Bối cảnh của đoạn trích ra sao?
 - + Thế nào là độc thoại? Vai trò và ý nghĩa của độc thoại là gì?
 - + Nội dung lời độc thoại ấy là gì?
 - + Lời độc thoại ấy thể hiện xung đột (mâu thuẫn) nào trong nội tâm Ham-lét? Mâu thuẫn này có được giải quyết trong đoạn trích không?
 - + Nếu không có những lời độc thoại của Ham-lét thì điều đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc thể hiện mâu thuẫn trong nhân vật? Từ đó, em có nhận xét gì về giá trị nội dung, nghệ thuật của những lời độc thoại?

- Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần của bài viết.

c) Viết

- Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài văn hoàn chỉnh hoặc một ý lớn của dàn ý.
- Khi viết cần chú ý:
 - + Bám sát vào các đặc trưng của thể loại (đã cung cấp trong phần *Kiến thức ngữ văn*) để phân tích tính chất bi kịch trong đoạn trích.

+ Kết hợp các thao tác nghị luận: giải thích, chứng minh, bình luận,...

+ Lựa chọn, sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh, cảm xúc.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 8, phần *Viết*, mục d (trang 73) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Giải thích trong bài văn nghị luận

a) Cách thức

Giải thích là một thao tác rất quan trọng trong việc viết bài văn nghị luận, vì đề trao đổi về một vấn đề nào đó, trước hết, người viết cần giải thích cho người đọc hiểu nội dung vấn đề là gì, sau đó mới nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh, làm cho người đọc tin vào những điều đã được giải thích. Trong làm văn nghị luận, phần giải thích có những nội dung sau:

– Giải thích nội dung các thuật ngữ, khái niệm, các từ ngữ quan trọng; tức là trả lời cho các câu hỏi: “Nó là gì?”, “Nó như thế nào?”,... Ví dụ, với đề văn ở ý 2.1, cần giải thích khái niệm *độc thoại* (Độc thoại là gì? Độc thoại có đặc điểm như thế nào?...).

– Giải thích nguyên nhân của vấn đề, tức là trả lời câu hỏi: “Vì sao?”. Ví dụ cần giải thích: Vì sao những lời độc thoại của Ham-lét lại có vai trò tạo nên tính bi kịch trong đoạn trích?

b) Bài tập

Chọn một trong hai bài tập sau:

– Viết đoạn văn giải thích khái niệm *độc thoại*.

– Viết đoạn văn giải thích lí do: Vì sao những lời độc thoại của Ham-lét lại có vai trò tạo nên tính bi kịch trong đoạn trích?

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống

1 Định hướng

Yêu cầu thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi đã được rèn luyện ở Bài 4 (sách *Ngữ văn 9*, tập một). Bài 9 tiếp tục rèn luyện kỹ năng này. Về lí thuyết, các em xem lại mục 1. *Định hướng* trong phần *Nói và nghe* của Bài 4. Bài 9 tập trung vào thực hành, nội dung thảo luận gắn với vấn đề đặt ra

trong các văn bản đọc. Văn bản bi kịch và truyện trong Bài 9 đặt ra rất nhiều vấn đề đáng quan tâm, cần thảo luận, chẳng hạn:

– Qua văn bản *Sống, hay không sống?* (trích *Ham-lét* của Sếch-xpia), thảo luận về quan niệm thế nào là sống có lí tương đối với tuổi trẻ hiện nay.

– Truyện *Người thứ bảy* (Mu-ra-ka-mi) nhắc nhở người đọc cần biết ăn năn, ân hận vì những lỗi lầm (hèn yếu) của chính mình.

– Từ văn bản *Đình công và nổi dậy* (trích *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc), thảo luận về vấn đề tác dụng và tác hại của đồng tiền trong cuộc sống hoặc tiền có quyết định hạnh phúc của mỗi con người hay không.

Ngoài ra, các em cũng có thể nêu lên nhiều vấn đề khác đặt ra trong những văn bản đọc hiểu ở Bài 9 để thảo luận, trao đổi.

2 Thực hành

Bài tập: Từ những lời độc thoại của nhân vật Ham-lét trong đoạn trích “*Sống, hay không sống?*” (trích vở kịch “*Ham-lét*” của Sếch-xpia), thảo luận về vấn đề biết tự vấn lương tâm là một cách rèn luyện để sống có ý nghĩa hơn.

a) Chuẩn bị

– Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản *Sống, hay không sống?* và nội dung phần *Viết* (vai trò và ý nghĩa những lời độc thoại của Ham-lét) trong Bài 9.

– Tìm hiểu ý nghĩa của hành động dần vật, tự hỏi chính mình (tự vấn lương tâm).

– Liên hệ với cuộc sống hiện nay và sự trải nghiệm của cá nhân mình để có các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục trong thảo luận.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Bài thảo luận cần tập trung làm rõ vấn đề theo một số câu hỏi gợi ý sau:

+ Những lời độc thoại của Ham-lét trong đoạn trích *Sống, hay không sống?* nêu lên những băn khoăn, trăn trở gì trong tâm hồn nhân vật này?

+ Những lời tự vấn lương tâm ấy đã giúp Ham-lét nhận ra điều gì?

+ Biết tự hỏi (tự vấn) về những suy nghĩ và hành động đúng, sai của mình trong cuộc sống có phải là một vấn đề mà tuổi trẻ hiện nay cần rèn luyện không? Vì sao?

+ Cần làm gì để có được thói quen biết nhìn nhận lại chính mình, biết tự vấn lương tâm để sống tốt hơn?

– Từ các ý đã tìm được, sắp xếp bài thảo luận theo bố cục ba phần:

Mở đầu	Nêu vấn đề: tán thành hay không tán thành ý kiến “tự vấn lương tâm là một cách rèn luyện để sống có ý nghĩa hơn”.
Nội dung chính	Lần lượt trình bày và thảo luận ý kiến về các nội dung đã chuẩn bị khi tìm ý.
Kết thúc	Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề: biết tự vấn lương tâm về ý nghĩa cuộc sống sẽ giúp con người sống tốt hơn.

c) Nói và nghe

Tổ chức thảo luận bằng cách:

- Người chủ trì nêu vấn đề cần thảo luận.
- Một số bạn nêu ý kiến cá nhân.
- Các bạn khác trao đổi lại: đặt câu hỏi, nêu ý kiến phản bác và đề xuất ý kiến của cá nhân mình,...
- Người chủ trì nêu ý kiến tổng hợp chung.

d) Kiểm tra, chỉnh sửa

Đối chiếu với các yêu cầu ở mục 1. *Định hướng* và dàn ý đề văn đã làm ở bài này để kiểm tra, đánh giá:

- Nội dung trao đổi, thảo luận có tập trung vào trọng tâm không?
- Hình thức thảo luận đã phong phú, hấp dẫn; tạo được không khí tranh luận chưa?
- Thái độ, tình cảm trong thảo luận có phù hợp (hoà nhã, tôn trọng người đối thoại,...) không?
- Buổi thảo luận có những ưu điểm nào và còn mắc phải những hạn chế gì?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CHỊ TÔI

Tôi luôn nghĩ mình là đứa trẻ bất hạnh. Nhà nghèo nên việc học hành của tôi vất vả lắm. Mười một tuổi phải xuống Hải Phòng ở nhà cậu để vừa học vừa làm thêm. Vài năm sau, về nhà, bố mẹ lục đục. Nhà cửa tan hoang, tôi hỏi: “Chị đâu?”. Mẹ cười như mếu: “Vào Sài Gòn theo bác trưởng”. Tôi nhìn lên tường, chị cười tươi sau vành nón, hai mắt lóng lánh nước.

Hai năm sau trốn học, tôi về. Nhà cửa tươm tất. Tôi hỏi mẹ: “Chị đâu?”. Mẹ chum chim: “Chị làm to lắm, lấy chồng giàu, gửi tiền thường xuyên.”. Tôi hỏi: “Cả tiền nuôi con học?”. Mẹ gật, rồi nói: “Chị bảo đàn bà có thể không cần học chữ nhiều, chỉ cần học lễ thôi. Nhưng đàn ông thì cần có học. Có cả hai thứ ấy mới thành người.”. Tôi im lặng, thầm cảm ơn bố mẹ sinh ra chị. Mẹ lại bảo: “Nghe nói con uống rượu?”. Tôi gật. “Cả nghiện thuốc?”. Tôi lại gật. “Có đánh nhau không?”. Tôi thở dài nhìn chỗ khác. Và mẹ thì thầm: “Đừng yêu vội, con gái tỉnh không thật đâu.”. Tôi cười: “Cái đó còn phải xem đã. Đàn ông, lại xa nhà mà mẹ.”. Lúc đi, mẹ dúm tiền vào túi, với theo: “Những cái con thích, chị không thích đâu. Chị muốn con làm sáng danh nhà mình.”.

Tôi bớt hút thuốc, bỏ dần rượu mỗi chiều, mỗi sáng. Suy cho cùng, rượu chỉ làm quên nỗi buồn trong chốc lát. Sau cơn say là cảm giác nhột thếch, khát thèm một cái gì không rõ rệt. Còn đáng sợ hơn cả nỗi buồn lúc tỉnh. Tôi vào đại học, vẫn không gặp chị. Chị vừa gần gũi vừa xa xôi, hàng chục năm rồi còn gì.

Tôi đỗ loại ưu, được giữ lại trường làm giảng viên. Bố mẹ già dần không còn lực đực nữa. Hình như họ mệt. Tôi nhắc lại chuyện xưa, mẹ cười: “Với mẹ, bây giờ cuộc sống là quý nhất.”. Mẹ đánh điện: “Về ngay, bác trưởng mất.”.

Tôi về. Hôm sau, cả nhà lên tàu vào Nam. Bố mẹ thương bác và nghĩ đến phận già của mình. Tôi cũng thương bác nhưng nhớ chị nhiều hơn. Tôi thích gặp chị để chị thấy tôi không làm chị buồn.

Tàu vào ga. Mẹ nhấp nhể không yên. Bỗng mẹ kéo giật tôi: “Rút vào. Có tàu chạy qua phăng đầu đấy.”. Tôi thì chả thấy con tàu nào cả, mẹ vẫn thất thần, cuống cuống, hoảng loạn vì chuyện gì đó. Tôi đâm nghi ngờ cái sự hốt hoảng của mẹ. Tôi ngó nghiêng. Chẳng có gì đáng chú ý. Chỉ có một người đàn bà, phía bên kia đường ray dăm dăm nhìn chúng tôi. Quần đen, áo bà ba – người đàn bà thật nhỏ bé, nhếch nhác. Dưới chân là mẹt thuốc lá, bên cạnh là cái làn nhựa, bà đứng như bức tượng nghiêm lạnh giữa khung cảnh huyên náo bậc nhất này. Có một đoàn tàu dài chạy qua. Chật người và hàng hoá, chưa rời ga mà đã mệt mỏi quá. Tàu qua, tôi nhìn lại phía ấy. Không còn người đàn bà đó nữa.

Tôi và bố mẹ về nhà bác.

Dự đám tang xong, hai ngày sau, một mình tôi về Hà Nội, vì công việc, vì không gặp chị. Mọi dự định của tôi với chị tan hết. Mẹ bảo chị cùng chồng đi Đài Loan. Vợ chồng chị không có con nên hay đi lắm. Sài Gòn mùa mưa mát và thơm mùi trái cây. Lên tàu sớm, tôi ngồi ngó lung tung. Bất chợt lại thấy người đàn bà đó. Vẫn những hành trang của mình, bà ta trân trối nhìn tôi. Tôi vẫy bà ta lại định mua giúp

vài bao thuốc dù tôi đã bỏ từ lâu. Chị không thích tôi nghiện. Hình như bà ta chỉ đợi có thể, vội bước lên những thanh tà vẹt⁽¹⁾ leo lên toa chỗ tôi ngồi. Hai mắt lóng lánh nước, trên khuôn mặt chẳng chít nếp nhăn như sét rạch bầu trời mỗi khi mưa gió. Một bao Vinataba sáu nghìn năm trăm đồng, bà ta cứ dứt khoát lấy bốn nghìn. Tôi chột bực mình và ân hận vì cái thiện chí của mình. Thuốc giả, chỉ có đồ giả mới phá giá chung như thế. Bà ta biết không thể lừa được tôi nên mới bán hạ giá? Tôi quắc mắt ném trả lại bao thuốc. Lập tức, bà ta dúi tất cả vào lòng tôi năm bao thuốc và chạy biến, lẫn vào đám người lên xuống. Tôi sững sờ, việc gì phải sợ tôi như thế, tôi có tổ giác bà ta đâu! Tàu đã chạy. Tôi nhìn ra cửa sổ. Người đàn bà lại đứng chỗ cũ, cách tôi những đường ray chẳng chéo.

Năm ngày sau, mẹ gọi điện: “Chị mất rồi. Tàu hoả cán.”. Rồi khóc hu hu trong máy, mẹ tiếp: “Đã hoả táng.”. Tôi gào to: “Chị ở Đài Loan cơ mà.”. Mẹ rên rỉ: “Chị con là cái “người bán thuốc lá ở sân ga”.”.

Tôi lao ra sân trường. Trưa loang nắng, hấp hiu gió. Chạy vào phòng bạn bè, tìm lại những bao thuốc. Thuốc hết, còn vỏ không, tôi ôm vào lòng bật khóc.

Tôi hiểu, đây là những thứ cuối cùng chị dành cho tôi.

(NGUYỄN THỊ THU HUỆ, 37 truyện ngắn, NXB Văn học, Hà Nội, 2006)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Văn bản *Chị tôi* kể lại chuyện gì?

- A. Một người chị của nhân vật “tôi” sống ở Đài Loan, xa quê hương
- B. Một người chị phải sống xa nhà, bán thuốc lá để kiếm tiền nuôi em học
- C. Cuộc sống cơ cực, đói rét của một người chị bị gia đình hắt hủi
- D. Nhân vật “tôi” nghiện rượu và thuốc lá đã quyết tâm từ bỏ vì chị gái

2. Ai là người kể chuyện trong văn bản?

- A. Người mẹ
- B. Người chị
- C. Người em
- D. Người chứng kiến

3. Câu nào sau đây là lời nhân vật trong văn bản?

- A. Thuốc hết, còn vỏ không, tôi ôm vào lòng bật khóc.
- B. Mẹ bảo chị cùng chồng đi Đài Loan.
- C. Tôi chột bực mình và ân hận vì cái thiện chí của mình.
- D. Tôi gào to: “Chị ở Đài Loan cơ mà.”.

(1) *Tà vẹt*: các thanh ngang để đặt đường ray lên trên.

4. Vì sao người mẹ có hành động như trong đoạn văn sau: “Tàu vào ga. Mẹ nhấp nhúm không yên. Bỗng mẹ kéo giật tôi: “Rụt vào. Có tàu chạy qua phẳng đầu đấy.”?”

- A. Bà sợ con trai nhận ra người chị bán thuốc trên sân ga.
- B. Bà sợ đầu của người con va vào tàu khác chạy qua.
- C. Bà thấy sắp đến Sài Gòn, nơi dự đám tang người bác.
- D. Bà thương người con gái đang bán thuốc trên sân ga.

5. Dòng nào dưới đây nêu đúng cách thể hiện tình cảm, thái độ của tác giả?

- A. Thể hiện gián tiếp sự thông cảm và sẻ chia nỗi đau với các nhân vật
- B. Thể hiện trực tiếp nỗi đau đớn và thông cảm với hoàn cảnh của người chị
- C. Thể hiện trực tiếp sự thông cảm với hoàn cảnh của nhân vật xưng “tôi”
- D. Dửng dưng, lạnh lùng trước sự việc và các nhân vật trong truyện

6. Nêu ngắn gọn hoàn cảnh gia đình nhân vật “tôi” trong truyện.

7. Trong phần đầu truyện, theo lời người mẹ, “chị tôi” sống ở đâu, làm gì? Vì sao người mẹ phải nói dối người con trai (nhân vật “tôi”)?

8. Tại sao người phụ nữ bán thuốc lá ở sân ga lại có hành động không bình thường khi bán thuốc lá cho nhân vật “tôi”?

9. Kết thúc truyện *Chị tôi* có gì bất ngờ?

10. Nếu là nhân vật “tôi”, em sẽ ứng xử như thế nào trong tình huống nhận ra chị mình khi mua thuốc lá trên chuyến tàu?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc toàn bộ vở kịch *Ham-lét* của Sếch-xpia và *Kim tiền* của Vi Huyên. Đắc hoặc một số truyện ngắn hiện đại, các văn bản bi kịch khác.

2. Đọc và ghi chép một số nhận định hay trong bài viết về các vở bi kịch đã học.

Bài 10

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan của người viết. Hiểu được lí do người đọc có những cách tiếp nhận khác nhau về cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Hiểu những yêu cầu trích dẫn tài liệu và có ý thức vận dụng khi viết và nói để tránh đạo văn.
- Biết viết quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.
- Biết trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.
- Có ý thức tìm hiểu, khám phá các giá trị độc đáo của tác phẩm văn học; biết trân trọng tiếng nói cha ông.

Kiến thức ngữ văn

1. Nội dung và hình thức của văn bản văn học

Nội dung và hình thức là hai phương diện cơ bản không tách rời nhau của văn bản văn học.

– Nội dung là hiện thực cuộc sống được miêu tả, phản ánh trong văn bản từ cách nhìn nhận, suy nghĩ và lựa chọn của tác giả. Nội dung bao gồm các yếu tố như đề tài (văn bản viết về cái gì), chủ đề (vấn đề cơ bản đặt ra từ đề tài của văn bản), tư tưởng (ý kiến, quan điểm của tác giả trước vấn đề nêu ra của văn bản), cảm hứng chủ đạo (thái độ đánh giá, tình cảm, nhiệt huyết của tác giả trước vấn đề ấy),...

– Hình thức của văn bản văn học được thể hiện bằng ngôn từ nghệ thuật, thông qua nhiều yếu tố gắn với đặc điểm mỗi thể loại và kiểu văn bản. Có nhiều yếu tố hình thức chung như ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, bối cảnh, nhân vật, chi tiết,

bút pháp miêu tả, trần thuật, điểm nhìn,... nhưng cũng có một số yếu tố hình thức mang đặc trưng thể loại như: cái “tôi”, chủ thể trữ tình, vần, khổ, dòng thơ,... gắn với thơ; lời thoại và các chỉ dẫn sân khấu gắn với văn bản kịch; người kể, tình tiết, sự kiện, sự việc, hành động, diễn biến, cốt truyện,... gắn với thể loại truyện; ngôn ngữ giàu chất thơ, cái “tôi” độc đáo, giàu cá tính, sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình,... gắn với các văn bản kí.

Trong văn bản văn học, “hình thức nghệ thuật là kênh duy nhất truyền đạt nội dung của tác phẩm, là phương tiện cấu tạo nội dung và làm cho tác phẩm có bộ mặt độc đáo. Do đó, tìm hiểu hình thức là điều kiện không thể thiếu để hiểu đúng nội dung. Bỏ qua hình thức ... sẽ có nguy cơ hiểu lệch nội dung tác phẩm...”⁽¹⁾.

2. Cách trình bày vấn đề trong bài nghị luận văn học

Thông thường, trong bài nghị luận nói chung và nghị luận văn học nói riêng, người viết thường kết hợp nêu vấn đề một cách khách quan và chủ quan.

– Trình bày khách quan là nêu lên những thông tin vốn có của đối tượng; ví dụ: nêu nội dung chính của văn bản, thuật lại vắn tắt cốt truyện, giới thiệu hệ thống nhân vật trong tác phẩm, nêu khái quát đặc điểm hình thức nghệ thuật,...

– Trình bày chủ quan là thể hiện tình cảm, quan điểm, thái độ của người viết trước vấn đề được bàn luận trong bài nghị luận văn học. Đó thường là những nhận xét, đánh giá mang màu sắc cá nhân mà người viết muốn bày tỏ, thể hiện.

Trong bài nghị luận văn học, người viết thường kết hợp đan xen hai cách trình bày trên.

3. Một số lưu ý về trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn

Trong học tập, nghiên cứu khoa học, việc tham khảo các tài liệu, ý kiến liên quan để hiểu rõ vấn đề mình đang quan tâm là rất cần thiết. Tuy nhiên, để tránh đạo văn (sao chép ý kiến của người khác mà không chú thích rõ nguồn gốc, biến ý kiến đó thành ý kiến của mình), cần lưu ý một số yêu cầu như sau:

– Yêu cầu chung: Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa quan trọng mà không phải của người viết đều phải được trích dẫn. Việc trích dẫn các tài liệu tham khảo phải bảo đảm sự trung thực, chính xác (không thêm bớt từ ngữ dẫn đến việc hiểu không đúng ý kiến của tác giả được trích dẫn). Phải ghi rõ nguồn (xuất xứ) của ý kiến được trích dẫn (gồm các thông tin: họ tên tác giả, tên công trình, nơi xuất bản, năm xuất bản, số trang).

– Yêu cầu cụ thể:

+ Về cách trích dẫn, có hai hình thức: dẫn nguyên văn (dẫn trực tiếp; lời dẫn này cần để trong dấu ngoặc kép hoặc in nghiêng) và dẫn ý (dẫn gián tiếp; chỉ nêu nội dung chính của ý kiến được trích dẫn; lời dẫn này không để trong dấu ngoặc kép).

(1) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, sách đã dẫn.

+ Về cách ghi nguồn ý kiến được trích dẫn, có ba hình thức: chú thích nguồn trích dẫn ở ngay sau ý kiến được trích dẫn, chú thích ở chân trang và lập danh mục tài liệu tham khảo ở cuối bài viết. Tên các tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự a, b, c,... của tên hoặc họ tác giả (trường hợp tài liệu không có tác giả thì xếp theo thứ tự a, b, c,... của tên tài liệu).

5. Quảng cáo và tờ rơi

– “Quảng cáo là việc sử dụng các phương tiện nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự, chính sách xã hội, thông tin cá nhân.” (Theo *Luật Quảng cáo 2012*, khoản 1, Điều 2).

– Tờ rơi là một ấn phẩm in được sử dụng để tuyên truyền hoặc quảng cáo với số lượng lớn. Các tờ rơi thường được phát miễn phí cho mọi người.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Nói thêm về *Chuyện người con gái Nam Xương*

NGUYỄN ĐÌNH CHÚ

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học, các em cần chú ý:^(**)

+ Xác định được luận đề và các luận điểm của bài viết.

+ Nhận biết được các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả nêu lên để làm sáng tỏ cho mỗi luận điểm và luận đề.

+ Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan của người viết trong văn bản.



Nguyễn Đình Chú,
sinh năm 1929, quê ở Nghệ An

(*), (**) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 10, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

– Đọc trước văn bản *Nói thêm về “Chuyện người con gái Nam Xương”*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chú.

– Vận dụng những hiểu biết sau khi học *Chuyện người con gái Nam Xương* (Bài 6) để đọc hiểu văn bản này.

2 Đọc hiểu

① Với loại “thiên cổ kì bút”⁽¹⁾ như *Chuyện người con gái Nam Xương* trong *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ, dù đã được phân tích, đánh giá nhiều nhưng thiết nghĩ vẫn có điều cần nói thêm. [...]

Chú ý cách nêu vấn đề của người viết.

② Trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, hình tượng trung tâm là Vũ Nương đã được xây dựng với tính cách một phụ nữ đẹp người, đặc biệt là đẹp nét nhưng lại phải chịu một nỗi oan khiên tày trời. Nàng là hiện thân khổ đau của người phụ nữ trong xã hội xưa. Nói thế hoàn toàn không sai nhưng chưa đủ để phân biệt giá trị của *Chuyện người con gái Nam Xương* với các tác phẩm khác cùng nói về phẩm chất tốt đẹp và nỗi khổ của người phụ nữ ở thời đó. Muốn thấy cái độc đáo và cũng là cao siêu của *Chuyện người con gái Nam Xương*, phải nói thêm điều này. Đó là cái mong manh vô cùng mong manh, mong manh tới độ với tư duy thông thường, trên thế gian này, chẳng ai có thể nghĩ tới. Nhưng đó là sự thật. Sự thật quá ư khắc nghiệt đối với hạnh phúc của đàn bà, chẳng riêng gì ở Việt Nam thời phong kiến, mà còn là với nữ giới muôn nơi, muôn thuở. Cứ đọc kĩ *Chuyện người con gái Nam Xương* thì thấy rõ. Có đúng là sự tan nát hạnh phúc của Vũ Nương đã bắt đầu từ cái bóng của chính Vũ Nương không? Chồng đi chiến trận, “Ngày thường ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản.”. Cái bóng là gì vậy? Nếu không phải là một biểu tượng của sự đồng nhất mình với chồng. Kim – Kiều yêu nhau. Nguyễn Du đã có một cách nói đến mức son cùng thủy tận⁽²⁾ về chữ “đồng” trong tình yêu: “Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”. Nguyễn Dữ trước Nguyễn Du, trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, lấy cái bóng của Vũ Nương để nói là cha Đản, tức là chồng mình, kể cũng là một cách nói son cùng thủy tận về chữ “đồng” trong đạo vợ chồng. Vậy mà có ai ngờ rằng đời Vũ Nương tan nát bắt đầu từ đây. Từ cái bóng kia. Tan nát đến mức thánh thần, Trời Phật cũng chỉ có thể an ủi, bù đắp chút ít chứ không cứu lại được. Rồi nữa, tham gia vào việc phá nát hạnh phúc của Vũ Nương là ai? Trời ơi! Lại không ai khác mà

Theo tác giả, cái “độc đáo”, “cao siêu” của truyện là gì?

Các chi tiết được phân tích là những chi tiết nào?

(1) *Thiên cổ kì bút*: ngôi bút kì lạ của muôn đời.

(2) *Son cùng thủy tận*: thành ngữ Hán Việt chỉ nơi tận cùng; ở đây ý nói Nguyễn Du đã viết về chữ “đồng” trong tình yêu rất sâu sắc, hết mức, không còn gì để nói nữa.

chính là đưa con nàng đứt ruột đẻ ra. Nó ngây thơ, trong trắng. Nó hoàn toàn vô tội. Nhưng thực tế khách quan, nó là tác nhân trực tiếp gây ra sự đổ nát hạnh phúc cuộc đời của mẹ nó. Có đáng sợ, có khủng khiếp không cho cái gọi là sự ma quái trong cuộc sống con người ở cõi đời. Trong *Truyện Kiều*, nàng Kiều bị tan nát hạnh phúc, chịu hết nạn nọ đến nạn kia là bởi có thằng bán tơ vu oan, có viên quan quen nghề ăn hối lộ, có Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà chuyên nghề kiếm ăn ở miền nguyệt hoa⁽¹⁾, có Hoạn Bà, Hoạn Thư ý thể danh gia độc ác, có Hồ Tôn Hiến nổi tiếng lật lọng,... Tóm lại là có nguyên nhân xã hội cụ thể, có những kẻ gian ác sờ sờ trước mắt mọi người, để người ta nếu chưa đủ sức chống lại thì tìm cách né tránh, lánh xa nó. Đằng này, Vũ Nương làm sao mà né tránh được những tác nhân phá hoại đời mình một khi nó nằm ngay trong cái bóng của mình, nằm ngay trong cảnh mình đùa vui với con, nằm ngay trong khi mình đang bày tỏ sự gắn bó keo sơn với chồng nơi xa cách, nằm ngay trong một câu nói hồn nhiên, vô tư của đứa con ngây thơ, trong trắng của mình. Tôi muốn nói thế này được chăng: Ở phương diện thể hiện nguyên nhân đau khổ của người phụ nữ, *Chuyện người con gái Nam Xương* có ý nghĩa triết học sâu sắc hơn, cao hơn *Truyện Kiều*, bởi nó đã chạm vào sự ma quái có thực trong sự sống vốn là nghiệt ngã của con người muôn nơi, muôn thuở. Không ít người đã cho rằng sự tan nát hạnh phúc của Vũ Nương là do chế độ nam nữ bất bình đẳng. Nói thế nghe qua tưởng có lí. Nhưng nghĩ kĩ thì thấy về cơ bản không hẳn là thế. Bởi như chính tác phẩm đã đề lộ, nguyên nhân quan trọng và trực tiếp làm tan nát đời Vũ Nương cùng với chuyện cái bóng của Vũ Nương, lời nói hồn nhiên, vô tư của đứa con, là cái “tính đa nghi”, “hay ghen” của anh chồng Trương Sinh. Mà cái tính hay ghen là gì vậy? Là một hiện tượng tâm lí có liên quan đến sinh lí, đến giới tính thuộc phạm vi tính người mà tạo hoá đã phát riêng cho nhân loại. Nó rất ít liên quan tới vấn đề hình thái xã hội, chế độ chính trị, kể cả dân tộc và thời đại lịch sử. Nó chỉ trừ riêng cho những người mất trí hoặc giả với ai đó nhưng là rất hiếm có ở trạng thái tâm lí không bình thường hoặc có triết lí sống quá siêu việt. Trước phiên toà công lí trong *Truyện Kiều*, Hoạn Thư chẳng đã nói đúng cái quy luật muôn đời này sao: “Ghen tuông thì cũng người ta thường tình”. “Người ta” đây hẳn là có cả nam lẫn nữ. Cứ giả thiết ở một xã hội nào đó, quyền nam nữ bình đẳng đã được thực hiện trăm phần trăm thì đã có thể tin rằng con người không còn cái máu ghen “thường tình” này nữa sao? Phải nói rõ điều đó để hiểu được vấn đề triết học nhân sinh vô cùng sâu sắc mà Nguyễn Dữ đã nêu lên trong tác phẩm, dù tự giác hay tự phát, có ý thức hay vô tình. Phải hiểu rõ điều đó cũng là để hiểu đúng nguồn gốc tội lỗi của Trương Sinh

Người viết so sánh *Chuyện người con gái Nam Xương* với *Truyện Kiều* để làm rõ điều gì?

Người viết đã bác bỏ những ý kiến nào trong phần này?

Chú ý cách nêu lí lẽ của người viết.

(1) *Miền nguyệt hoa*: chỉ nơi có nhiều trai gái ăn chơi phù phiếm.

trong việc đẩy vợ vào chỗ chết. Đúng là không ai không oán giận Trương Sinh nhưng từ đó mà quy về chế độ nam nữ bất bình đẳng thì về cơ bản là chưa đúng ý tác phẩm. Nếu thế, cũng khó cắt nghĩa đúng hiện tượng Trương Sinh đã “động lòng thương, tìm vớt thây nàng” ngay cả khi còn “giận là nàng thất tiết”, cũng khó cắt nghĩa đúng sự “tĩnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ” về sau, khi lại chính từ cái bóng của chàng và cũng qua câu nói của đứa con ngây thơ, trong trắng mà hiểu ra mình đã làm to để gây tội ác với vợ. Xin nói lại cái tội tà trời của Trương Sinh, xét nguyên nhân không gì khác là cái tội của một anh chồng có “tính đa nghi”, “hay ghen”, muốn tránh cũng không tránh được, mà tạo hoá đã trở trêu ban cho anh ta cũng như bao chàng trai, cô gái khác trên thế gian này từ cổ chí kim, từ đông sang tây, cùng một lúc ban cho họ hạnh phúc tình yêu, tình vợ chồng. Để từ đó, văn chương có chuyện mà nói, mà sáng tạo, mà có *Đe-xê-mô-na* (*Desdemona*)⁽¹⁾ của nước Anh bị bóp cổ chết, *Vũ Nương* của Việt Nam phải tự vẫn,... nhưng lại nổi tiếng với muôn đời. Đây đó lại còn có ý kiến cho rằng *Vũ Nương* tan nát hạnh phúc là vì chiến tranh. Xin nói ngay: Ý kiến này là hoàn toàn sai, là vô hình trung đã coi *Chuyện người con gái Nam Xương* cũng như *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, trong khi hai tác phẩm có hai nội dung, hai chủ đề khác nhau mặc dù đều phản ánh nỗi khổ của phụ nữ. Cần thấy rằng chi tiết Trương Sinh đi chiến trận, chẳng có vai trò quyết định gì trong nội dung câu chuyện đánh ghen đến mức đẩy vợ đến cái chết này. Giả sử anh ta không ra trận mà đi học xa về, đi buôn xa về, gặp con, con không nhận lại cứ nói cha là một người đàn ông “đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả” (đúng là một người ngoại tình với mẹ chứ còn ai nữa) thì chuyện gì đã xảy ra trong tác phẩm, chắc chắn lại xảy ra thôi. Ở trên đã có nói, với chi tiết phụ, nếu có thay đi cũng chẳng ảnh hưởng gì đáng kể đến nội dung tác phẩm là như thế.

③ Rõ ràng câu chuyện *Chuyện người con gái Nam Xương* đã cho người đọc thấy thế nào là cái mong manh vô cùng mong manh của hạnh phúc đàn bà muôn nơi, muôn thuở. Cho nên, những chàng trai, cô gái đang yêu nhau, những cặp vợ chồng dù đã hên non thề biển, đã kết tóc xe tơ với nhau trên cõi thế gian này vẫn cứ phải coi chừng, phải cảnh giác. Coi chừng, cảnh giác về nhiều thứ nhưng xin đừng quên coi chừng, cảnh giác với cái máu ghen. Hãy nhớ rằng, chỉ nhớ ra một chút thôi, ví như ở đây là nghe con mà không hỏi lại vợ xem sao, thì đã đủ tan nát cả cuộc đời, đã đủ để hạnh phúc trong chốc lát trở thành mây khói, muốn cứu vãn cũng chẳng cứu vãn được nữa. Nguyễn Dữ từ sự cảm nhận, phát hiện được cái quy luật khắc nghiệt mà quái đản trong cuộc sống của người phụ nữ mà sáng tạo nên một cốt truyện bao gồm một hệ thống chi tiết, trong đó có chi tiết chủ công âm ắp trữ lượng tư tưởng nghệ thuật thông qua một bút pháp vừa thực vừa ảo,

Ý nghĩa của việc nhắc lại câu đã nêu ở phần mở đầu này là gì?

(1) *Đe-xê-mô-na*: nữ nhân vật trong vở bi kịch *Ô-ten-lô* (*Othello*) của Sếch-xpia.

vừa hiện thực vừa lãng mạn. Và cuối cùng để lại cho văn học dân tộc một thiên tình sử bi thảm làm nhức nhối trái tim người đọc bao đời nay, cho lịch sử văn học Việt Nam một áng “thiên cổ kì bút”, cho riêng thể loại truyện ngắn Việt Nam một truyện ngắn vừa là đột khởi⁽¹⁾ vừa là đỉnh cao vợi vợi trong muôn đời.

Người viết nhận xét, đánh giá truyện như thế nào?

(Theo nguvan.hnue.edu.vn)



1. Xác định bố cục của văn bản *Nói thêm về “Chuyện người con gái Nam Xương”* và nội dung chính của mỗi phần. Theo em, cụm từ “nói thêm” trong nhan đề có nghĩa gì?
2. Văn bản bàn luận về vấn đề gì? Vấn đề (luận đề) ấy được nêu lên ở phần nào của bài viết?
3. Tác giả đã làm sáng tỏ luận đề bằng những luận điểm nào? Dẫn ra một số lí lẽ và bằng chứng mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ cho các luận điểm và luận đề của văn bản.
4. Phân tích để làm sáng tỏ cách trình bày kết hợp của tác giả trong văn bản: nêu vấn đề khách quan và phát biểu ý kiến chủ quan.
5. Văn bản đã làm sáng tỏ thêm cho giá trị của *Chuyện người con gái Nam Xương* ở những điểm nào (nội dung, nghệ thuật)?
6. Em thích nhất ý kiến nào của tác giả trong văn bản? Vì sao?



Về truyện *Làng* của Kim Lân^(*)

(Trích)

NGUYỄN VĂN LONG^(**)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Về truyện “Làng” của Kim Lân*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Văn Long.
- Liên hệ với nội dung đọc hiểu truyện ngắn *Làng* của Kim Lân đã học ở Bài 4 (sách *Ngữ văn 9*, tập một) để đọc hiểu văn bản nghị luận này.
- Tìm hiểu về cách phân tích tâm lí nhân vật trong tác phẩm văn học.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**) Tác giả Nguyễn Văn Long sinh năm 1945, quê ở Hưng Yên.

(1) *Đột khởi*: nổi lên, xuất hiện một cách bất ngờ.

2 Đọc hiểu

① [...] *Làng* là một truyện ngắn có cốt truyện rất đơn giản, tập trung vào diễn tả tâm trạng của nhân vật chính – ông Hai, hay có thể nói đây là một kiểu cốt truyện tâm lí.

Chú ý cách nêu luận điểm của bài viết.

② Ngay từ những dòng đầu, truyện đã mở ra với tâm trạng của ông Hai ở nơi tản cư: Tối nào cũng vậy, cứ đến lúc nhà lên đèn và bà Hai ngồi lăm rằm tính toán những tiền cua, tiền bún, tiền kẹo,... thì một tâm trạng buồn bực lại dậy lên trong lòng ông Hai khiến ông phải vùng dậy sang bên bác Thứ nói chuyện. Cái việc ông Hai cứ tối tối lại tìm sang bác hàng xóm cũng là người tản cư để nói chuyện chính là một cách để giải tỏa những nỗi buồn bực, nghĩ ngợi vẩn vơ và nhất là để thổ lộ nỗi nhớ da diết cái làng của ông. Bởi vậy, trong cuộc trò chuyện, chỉ có ông Hai nói và bác Thứ ngồi nghe. Mà thực ra thì ông Hai cũng chẳng để ý lắm đến việc người cùng trò chuyện có nghe ông nói hay không, ông chỉ cốt nói để trút vơi tâm trạng và nhất là cho đỡ nhớ cái làng của mình. “Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động.”.

Ngòi bút miêu tả tâm lí của Kim Lân càng tỏ ra sâu sắc khi đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống thử thách để làm bộc lộ chiều sâu tâm trạng của nhân vật, đó là tình huống ông Hai đột ngột nghe tin dữ: Làng chợ Dầu của ông theo giặc lập tề.

Người viết đã dựa vào yếu tố nào để phân tích tâm trạng ông Hai?

Cái tin ấy đến với ông vào một buổi trưa giữa lúc tâm trạng ông đang rất phấn chấn vì nghe được nhiều tin ta đánh thắng giặc trên tờ báo ở phòng thông tin. Cái tin ấy đến với ông quá đột ngột, khiến ông sững sờ đến nỗi: “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được.”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông đã cố gắng hỏi để hi vọng cái tin ấy là không đúng sự thật. Nhưng những người đưa tin lại kể rành rọt quá và khẳng định họ vừa từ dưới ấy lên, nên ông không thể nào nghi ngờ gì nữa. Từ lúc ấy, ông Hai rơi vào một tâm trạng đau đớn, tủi hổ ngày càng nặng nề. Trước cang tự hào, hãnh diện bao nhiêu về cả làng của mình thì nay ông Hai lại càng đau đớn, tủi hổ bấy nhiêu. Suốt ngày ông không bước ra đến ngõ. Ông chỉ quanh quẩn trong gian nhà chật hẹp, lắng tai nghe ngóng động tĩnh bên ngoài: “Một đám đông xúm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông,... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”. Tác giả đã diễn tả rất cụ thể và sâu sắc cái tâm trạng nặng nề đến thành một nỗi sợ sệt luôn ám ảnh trong tâm trí ông Hai.

Chú ý lời văn của người phân tích và lời của tác giả Kim Lân.

Không khí nặng nề bao trùm cả gia đình ông từ khi có cái tin ấy. Cả nhà, từ ông Hai, bà Hai đến lũ trẻ con đều sống trong tâm trạng nặng nề, nơm nớp, không ai dám

nói to, trẻ con không dám cười đùa. Lòng tự hào về làng quê của ông đã bị tổn thương nặng nề. Nỗi tủi hổ vì là dân của cái làng Việt gian theo Tây đè nặng khiến ông Hai không dám lộ mặt ra ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Tình thế của ông Hai và gia đình càng khốn đốn hơn khi mà chủ nhà đã ngó ý không cho gia đình ông ở nhờ nữa, vì nghe nói có lệnh không chứa chấp những người của cái làng chợ Dầu theo Tây. Nhưng, chính trong tình thế ấy mới càng bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê đã thống nhất với lòng yêu nước ở một người nông dân bình thường như ông Hai. Trong lúc dường như đã tuyệt đường sinh sống, ông Hai thoáng có ý nghĩ “Hay là quay về làng?” nhưng ông đã gạt ngay ý nghĩ ấy. Bởi vì làng bây giờ đã theo Tây, bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ, là cam chịu trở lại với kiếp nô lệ nhục nhã mà chỉ mới nghĩ đến ông đã thấy rùng mình. Bởi thế mà ông Hai đã tự xác định một cách đau đớn nhưng dứt khoát: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.”.

Tình thế ở đoạn này khác gì tình huống ở đoạn trên?

Sự mở rộng và thống nhất của tình yêu quê hương trong tình yêu nước và tình cảm giai cấp là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kì kháng chiến đã chú trọng làm nổi bật. Hẳn chúng ta còn nhớ những người trai làng trong thơ của Chính Hữu, Hồng Nguyên sẵn sàng từ biệt những gì thân thiết, gắn bó cả đời ở làng quê để bước vào cuộc đời người lính:

Việc so sánh với một số tác phẩm khác ở đây nhằm làm rõ điều gì?

— *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính*

(Đồng chí – Chính Hữu)

— *Ba năm rồi gửi lại quê hương
Mái lều tranh, tiếng mõ đêm trường
Ít nhiều người vợ trẻ
Mòn chân bên cối gạo canh khuya*

(Nhớ – Hồng Nguyên)

Cao trào trong tâm trạng của nhân vật và cũng là lúc biểu lộ một cách sâu sắc, cảm động tình cảm chân thành, thiêng liêng của ông Hai với quê hương, với đất nước và cách mạng, đó là cảnh ông Hai trò chuyện với thằng con út:

“Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?
- Là con thầy mấy lị con u.
- Thế nhà con ở đâu?

Bằng chứng ở đây làm sáng tỏ cho ý kiến nào?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.
 - Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?
- Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:
- Có.”.

Thì ra, tình yêu làng quê ở ông Hai trước sau vẫn son sắt và sâu nặng, dù có lúc ông đã tức giận và đau đớn tự nhủ: “làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

Đoạn đối thoại tiếp theo của hai bố con càng cho thấy tình cảm gắn bó thủy chung đến thành một niềm thiêng liêng ở ông đối với Cụ Hồ, cũng tức là đối với cách mạng và kháng chiến:

- “Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:
- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?
- Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:
- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!
- Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thủ:
- Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ, con nhỉ.”.

Trong tâm trạng buồn khổ quá mà không thể tâm sự cùng ai, ông Hai chỉ còn biết thủ thủ với đứa con còn ngây thơ. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa. Đó là tấm lòng trước sau gắn bó với quê hương, một lòng một dạ với đất nước, với Cụ Hồ: “Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.”.

③ Trong văn học cách mạng Việt Nam đã có nhiều tác phẩm thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng của nhân dân đối với cách mạng và đất nước, nhưng có lẽ truyện ngắn *Làng* của Kim Lân ở trong số những tác phẩm thành công sớm nhất với cách diễn tả thật bình dị, tự nhiên và đặc sắc. Có được thành công này chính là vì tác giả rất am hiểu và gắn bó với những người nông dân và cuộc sống nông thôn nơi quê ông cùng với một ngòi bút viết truyện ngắn vững vàng, đặc sắc ngay từ trước Cách mạng tháng Tám. [...]

Phần ③ này có phải là kết luận của văn bản không?

(Giảng văn văn học Việt Nam hiện đại,
NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000)



1. Xác định nội dung chính của ba phần được đánh số trong văn bản trên.
2. Qua văn bản *Về truyện ngắn “Làng” của Kim Lân*, người viết đã tập trung làm rõ vấn đề gì? Vấn đề ấy được nêu ở phần nào?

3. Nhận xét về cách nêu và cách triển khai làm rõ luận điểm của người viết ở văn bản trên.

4. Để làm rõ vấn đề, người viết đã phân tích những điểm đặc sắc nào của truyện ngắn *Làng*? Em hiểu thêm được điều gì về truyện *Làng* của Kim Lân sau khi học văn bản trên?

5. Nêu và phân tích một số câu văn thể hiện cách trình bày khách quan và cách trình bày chủ quan của người viết trong văn bản này.

6. Em thích nhất đoạn văn phân tích nào trong văn bản trên? Vì sao?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Một số lưu ý về trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn

1. Tìm trong sách giáo khoa (bộ sách Cánh Diều) một trường hợp chú thích nguồn của ý kiến được trích dẫn ở ngay sau ý kiến đó hoặc ở chân trang.

2. Tìm danh mục tài liệu tham khảo ở một quyển sách em đã đọc. Cho biết các tài liệu trong danh mục đó được sắp xếp theo thứ tự như thế nào.

3. Chỉ ra thiếu sót trong cách sắp xếp các tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo sau và sửa lại cho phù hợp:

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tài Cẩn (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phan Văn Các (2001), *Từ điển Hán – Việt*, NXB Dân Trí.
3. Trương Chính (1997), *Giải thích các từ gần âm, gần nghĩa dễ nhầm lẫn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt – Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

4. Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) giới thiệu về câu ghép, trong đó có trích dẫn định nghĩa về kiểu câu này trong sách giáo khoa *Ngữ văn 9*, tập một (bộ sách Cánh Diều) và chú thích nguồn ý kiến được trích dẫn.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Phân tích bài *Khóc Dương Khuê*

HOÀNG HỮU YÊN^(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Phân tích bài “Khóc Dương Khuê”*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Hoàng Hữu Yên.

– Liên hệ với những hiểu biết khi đọc hiểu bài thơ *Khóc Dương Khuê* (Bài 1) để hiểu thêm văn bản này.

– Chú ý để rút ra điểm giống nhau và khác nhau trong cách phân tích một văn bản thơ (*Khóc Dương Khuê* – Nguyễn Khuyến) so với cách phân tích một văn bản truyện (*Chuyện người con gái Nam Xương* – Nguyễn Dữ).

2 Đọc hiểu

① Trong nhiều mối quan hệ của cuộc sống con người thì tình bạn xưa nay vẫn được coi là một nhu cầu tinh thần không thể thiếu. Tục ngữ dân gian khẳng định: “Giàu vì bạn, sang vì vợ”. Truyện dân gian kể về đôi bạn Lưu Bình – Dương Lễ rất cảm động. Danh nho Lục tỉnh Nguyễn Đình Chiểu để lại những hình tượng đẹp đẽ, cao cả về tình bạn Vân Tiên – Hớn Minh, Vân Tiên – Tử Trục, đồng thời lưu danh Trịnh Hâm là một tên phản bạn (*Truyện Lục Vân Tiên*).

Hai ông Dương Khuê – Nguyễn Khuyến kết bạn từ hồi để chỏm cho đến lúc đầu bạc răng long, từ thuở bạch diện thư sinh⁽¹⁾ cho đến lúc thượng quan hưu trí⁽²⁾. Tình bạn lấp lánh bất chấp sự thay đổi của thời thế và cảnh ngộ riêng.

Vấn đề cần làm sáng tỏ ở bài này là gì?

Bỗng nhiên, Nguyễn Khuyến được tin Dương Khuê qua đời! Ông không gò vắn gọt chữ viết văn tế điệu⁽³⁾ như thường tình. Trước ông, Phạm Thái⁽⁴⁾ chẳng đã viết văn tế Trương Đăng Thụ⁽⁵⁾ và sau ông, Phan Bội Châu cũng viết văn tế Phan Châu Trinh⁽⁶⁾. Nhiều người khác đều làm như vậy. Sẵn lối song thất lục bát, một thể thơ dân tộc, ông đã viết một áng thơ khóc bạn.

(*) Tác giả Hoàng Hữu Yên (1927 – 2011), quê ở Nghệ An.

(1) *Bạch diện thư sinh*: chỉ người học trò còn trẻ, chưa đủ kinh nghiệm (*bạch*: trắng; *diện*: mặt; *thư sinh*: học trò).

(2) *Thượng quan hưu trí*: quan lớn về hưu.

(3) *Điệu*: phúng, viếng.

(4) *Phạm Thái* (1777 – 1813): một danh sĩ thời nhà Lê, tác giả truyện thơ *Nôm Sơ kinh tân trang* và *Văn tế Trương Quỳnh Như*.

(5) *Trương Đăng Thụ*: một vị quan của nhà Lê, bạn của Phạm Thái, anh ruột Trương Quỳnh Như (người yêu Phạm Thái).

(6) *Phan Bội Châu* (1867 – 1940), *Phan Châu Trinh* (1872 – 1926): hai chí sĩ cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX.

② Lần theo trình tự bài thơ, chúng ta thấy được mạch văn phát triển theo diễn biến tâm trạng của tác giả như sau:

- Tin đến đột ngột.
 - Sự hồi tưởng về những kỉ niệm của thời xuân xanh, chưa thành đạt.
 - Về ấn tượng mới trong lần gặp cuối cùng, lúc cả hai đã mãn chiều xế bóng.
 - Nỗi đau khôn tả lúc bạn đã dứt áo “ra đi”.
- Hai câu mở đầu:

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

Phong cách và bút pháp Nguyễn Khuyến vốn thâm thúy, cảm xúc lắng đọng. Tất cả nỗi đau mất bạn dường như dồn nén vào câu lục bát mở đầu này.

Câu lục ngắn gọn cất lên tiếng kêu thương đột ngột, với nỗi niềm thất vọng. “Thôi đã thôi rồi”, cụm từ hầu như chỉ có từ “thôi” lặp lại, nhấn mạnh sự mất mát, sự trống vắng không phương bù đắp.

Câu bát dàn trải, diễn tả về sự mất mát ấy, cả không gian cũng nhuốm màu tang tóc (“man mác”) mà ta thì như đứt ra từng khúc ruột (“ngậm ngùi”)!

Mười hai câu tiếp theo:

*Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
[...]
Biết bao đông bích, điển phần trước sau.*

Với Nguyễn Khuyến, sau giây phút bình tĩnh lại, cả một quãng đời thanh xuân thơ mộng, êm đẹp đầy ắp kỉ niệm về tình bạn lần lượt hiện ra cụ thể, sinh động, sống dậy trong lòng và trước mắt tác giả cũng như độc giả. Nào là cả hai chuyên cần đèn sách “Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau”; nào là những thú vui nơi dặm khách “Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo” (âm thanh vang vọng), nơi gác hẹp đắm say trong lời ca, tiếng đàn, nhịp phách “Có khi từng gác cheo leo, / Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.”; nào là chén rượu, câu văn tương ẩm, tương đắc,... Cuộc đời, tình bạn đẹp như giấc mơ tiên!

Những lạc thú kể trên là của một thời, của khách làng Nho. Chẳng là cả hai ông đều là đồ đệ của cửa Khổng, sân Trình⁽¹⁾, cùng nhau dùi mài kinh sử, mong được ghi tên vào bảng vàng bia đá. Và cả hai đều đậu đại khoa: Dương Khuê – Tiến sĩ,

(1) Cửa Khổng, sân Trình: chỉ nơi dạy và học thời phong kiến (Khổng là Khổng Tử, Trình là Trình Di, hai bậc thầy nổi tiếng của Nho học).

Các ý gạch đầu dòng làm rõ nội dung nào?

Chữ nào được chú ý phân tích?

Dấu ba chấm giữa đoạn thơ có ý nghĩa gì?

Chú ý cách tóm tắt ý thơ.

Nguyễn Khuyến – Tam nguyên Hoàng giáp⁽¹⁾. Vào tuổi xế bóng, hai ông đều là thượng quan trí sĩ. Hiểu như vậy để chúng ta không ngỡ ngàng về những “thú vui” trong bài. Có điều là: Ai cũng biết tác phẩm hấp dẫn chúng ta bởi cảm xúc chân thành và sự tái hiện đầy tài năng những cảm xúc đó như đã phân tích trên đây.

Với mạch cảm xúc ấy, tác giả đưa chúng ta về những ấn tượng mới khó quên trong lần gặp gỡ cuối cùng của ông với bạn cố tri Dương Khuê.

Trong tám câu:

Buổi dương cầm cùng nhau hoạn nạn,

[...]

Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can.

Nguyễn Khuyến tập trung gợi lại hình ảnh mừng mừng tủi tủi của hai ông bạn già thân thiết mà lâu ngày mới được gặp lại:

Cầm tay hỏi hết xa gần,

Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can.

Ông mừng cho bạn, đồng thời cũng tự mừng cho mình rằng cả hai đều vượt qua mọi thử thách của thời thế (ý nói cảnh nhiều nhương của buổi giao thời – ý ngoài lời) và của tuổi tác đang ngả chiều xế bóng. Kì tái ngộ quý hoá biết dường nào! Đúng là nỗi mừng biết lấy chi cân? Nhưng không ngờ: chia tay lần này lại là kì vĩnh biệt!

Phần còn lại gồm mười sáu câu:

Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,

[...]

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

là phần quan trọng của tác phẩm *Khóc Dương Khuê*, diễn tả nỗi đau không còn bạn nữa!

Tại sao phần còn lại của bài thơ lại là phần quan trọng?

Nỗi đau mất bạn hiện ra dưới nhiều cung bậc: lúc bật phát, lúc ngậm ngùi nuối tiếc, lúc lắng đọng thấm sâu, chi phối tuổi già của tác giả.

Trước hết, tác giả giải bày nỗi đau tái tê, bủn rủn “Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời” và càng đau hơn vì cái chết của bạn dường như phi lí: “Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác, / Tôi lại đau trước bác mấy ngày.”. Tiếc thay đó lại là sự thật nghiệt ngã!

(1) Hai ông đều đậu đại khoa dưới triều Nguyễn. Theo chế độ học vị thời bấy giờ, sau khi thi Hội và thi Đình, người trúng tuyển được sắp xếp thành: Đệ nhất giáp (gồm Trạng nguyên – triều Nguyễn bỏ học vị này, Bảng nhãn, Thám hoa); Đệ nhị giáp Tiến sĩ cập đệ (Hoàng giáp); Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ). Triều Nguyễn đặt thêm một học vị: Phó bảng (bảng phụ).

Từ đây, giọng thơ chuyển sang âm điệu bi ai, nuối tiếc, day dứt, bồn khoăn: khi thì trách bạn “sao vội về ngay”, khi lại cho rằng bạn sớm lìa đời là phải (vì đời đáng chán!) nhưng rồi lại cảm thấy hụt hẫng lớn, bèn lên tiếng hỏi vọng “Sao vội vàng đã mãi lên tiên”.

Câu văn nào nêu nhận xét chủ quan của người viết?

Giờ này, trước mắt và trong lòng tác giả là cả một sự trống vắng ghê người! Sáu câu thơ “Rượu ngon không có bạn hiền ... Câu thơ nghĩ đắn đo không viết ... Giường kia treo cũng hững hờ ...” đọng lại một nỗi niềm đau đáu nhớ bạn khôn khuây!

Ta lại bắt gặp ở đây những thú vui thanh lịch và tập quán của một thời (uống rượu, ngâm thơ, gảy đàn, sắm giường riêng đợi bạn). Rất mừng là ngày nay chúng ta vẫn cảm nhận: Đó là tình bạn đẹp đẽ, quý hiếm bởi vì tấm lòng tài nghệ của tác giả đã để lại cho hậu thế những ấn tượng đẹp, những cảm xúc sâu sắc và chân thành về tình bạn.

③ Mấy câu kết của đoạn này làm hiện lên hình tượng nỗi đau khôn tả, tiếng khóc không nước mắt, nỗi đau dường như đã dòn cả vào lòng. Nỗi đau ấy là nỗi đau triền miên bất tận!

*Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!*

Hai câu cuối này đã cực tả nỗi đau như vậy.

Với tài năng và tấm lòng, nhà thơ dân tộc Nguyễn Khuyến đã để lại kiệt tác *Khóc Dương Khuê*, một viên ngọc quý viết về tình bạn lung linh trong vườn hoa văn học nước nhà.

Phần kết bài, tác giả nêu lên nội dung gì?

(*Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2001)



1. Mục đích của văn bản *Phân tích bài “Khóc Dương Khuê”* là gì?
2. Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?
3. Tác giả đã phân tích bài thơ theo cách nào? Cách phân tích ấy có tác dụng gì trong việc làm rõ nội dung chính của bài thơ?
4. Chỉ ra luận đề và các luận điểm chính trong văn bản. Em hãy cho biết: Các luận điểm trong văn bản có làm sáng tỏ được luận đề không? Vì sao?
5. Dẫn ra một số bằng chứng cho thấy tác giả đã sử dụng cách trình bày kết hợp nêu vấn đề khách quan và phát biểu ý kiến chủ quan.
6. Từ văn bản trên, em rút ra được kinh nghiệm nào về cách thức phân tích một bài thơ?

Quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động

1 Định hướng

1.1. Quảng cáo là loại văn bản cung cấp rộng rãi các thông tin, tri thức liên quan đến hàng hoá, dịch vụ, nhằm mục đích tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp,... Quảng cáo có vai trò quan trọng trong đời sống, nhất là trong xã hội thông tin, trong nền kinh tế thị trường; tạo ra tác động tích cực đến nhận thức, hành vi của người nhận thông tin, người dùng. Có thể nói, dường như ở đâu có thị trường, có dịch vụ, thì ở đó có quảng cáo.

Quảng cáo được thực hiện bằng nhiều phương tiện truyền thông khác nhau như báo chí, Internet, tờ rơi, tin nhắn; pa nô, áp phích, băng rôn trên đường phố và phương tiện giao thông – vận tải; hoạt động giới thiệu sản phẩm tại các nơi công cộng,...

Để tăng sức hấp dẫn, quảng cáo thường sử dụng các hình ảnh minh hoạ, âm thanh, ca nhạc, các hình thức văn hoá, văn nghệ.

Về nội dung, nhìn chung, một văn bản quảng cáo thường có các yếu tố như sau:

- Tiêu đề quảng cáo.
- Giới thiệu tên sản phẩm, dịch vụ.
- Giới thiệu lợi ích, công dụng; chất lượng, uy tín của sản phẩm và quy trình công nghệ tạo nên sản phẩm.
- Nêu các điều kiện ưu đãi về giá cả, hình thức khuyến mãi (nếu có).
- Địa chỉ liên hệ.

Tuỳ thuộc vào phương thức quảng cáo, văn bản quảng cáo thường được thiết kế theo hai dạng cơ bản:

– Quảng cáo bằng ngôn ngữ thuần túy: Loại quảng cáo này thường được phát qua đài phát thanh và in trên một số ấn phẩm.

– Quảng cáo bằng lời kết hợp với hình ảnh minh hoạ (văn bản đa phương thức): Loại quảng cáo này chủ yếu xuất hiện trên truyền hình, phim ảnh và một số phương tiện truyền thông khác,...

1.2. Khi xây dựng một văn bản quảng cáo, người quảng cáo cần chú ý đến các yêu cầu sau:

– Cần tìm hiểu và nắm thật đúng, rõ về sản phẩm, dịch vụ để nêu được các nội dung thông tin cơ bản như đã trình bày ở trên.

– Hướng đến đúng khách hàng có nhu cầu. Một thông điệp quảng cáo dù rất hay, hấp dẫn nhưng không tiếp cận được khách hàng có nhu cầu thì cũng sẽ vô nghĩa. Do đó, trước khi muốn quảng cáo một sản phẩm, dịch vụ nào đó, cần nghiên cứu, nhắm đúng nhóm khách hàng cần được quảng cáo.

– Quảng cáo có mục tiêu, nội dung giống nhau nhưng cách trình bày có thể khác nhau. Trong loại văn bản bằng lời, ngôn ngữ quảng cáo phải cô đọng, tập trung làm nổi bật ưu thế của sản phẩm được quảng cáo. Giọng đọc phải rõ ràng, lời cuốn. Tránh nói dài dòng, đọc quá nhỏ hoặc nói sai,... Trong loại văn bản kết hợp giữa ngôn ngữ và hình ảnh, phải chú ý đến tỉ lệ giữa lời và hình sao cho hài hoà, hấp dẫn. Hình ảnh phải mang tính thẩm mỹ, cách trình bày phải gây được ấn tượng sâu đậm nhằm thu hút người xem.

– Văn bản quảng cáo cần phải bảo đảm yêu cầu chân thực, phù hợp với đạo đức kinh doanh, không được đề cao sản phẩm của mình bằng cách hạ thấp sản phẩm của người khác. Cần bảo đảm chữ “tín”, không được quảng cáo lừa gạt khách hàng,...

– Cần tuân thủ Luật Quảng cáo và các quy định có liên quan (ví dụ, về những sản phẩm không được quảng cáo, chẳng hạn: không được quảng cáo rượu, thuốc lá,...).

– Lựa chọn đúng thời điểm và công cụ quảng cáo. Tùy vào lĩnh vực, nhóm đối tượng khách hàng hướng tới mà lựa chọn thời điểm và công cụ phù hợp nhất.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Lựa chọn một trong các tình huống sau đây để xây dựng văn bản quảng cáo phù hợp với tình huống đã chọn. Có thể thiết kế cả loại quảng cáo bằng lời (phát trên loa phát thanh của trường) hoặc quảng cáo bằng tờ rơi (dán và phát ở nơi công cộng).*

– *Quảng cáo cho trận đá bóng giao hữu giữa đội tuyển trường em và đội tuyển trường bạn.*

– *Quảng cáo về một đêm biểu diễn văn nghệ giữa các trường trung học cơ sở thuộc tỉnh, thành phố mà em đang sống.*

– *Quảng cáo cho một món ăn đặc sản hoặc một danh lam thắng cảnh của địa phương em.*

a) Chuẩn bị

– Lựa chọn tình huống cần quảng cáo.

– Tìm hiểu nội dung thông tin về đối tượng cần quảng cáo.

– Lựa chọn, xác định hình thức quảng cáo.

b) Tìm ý và lập dàn ý (với quảng cáo về một món ăn đặc sản của địa phương)

– Tìm ý: Bám sát các yêu cầu về nội dung quảng cáo để tìm các ý cần nêu:

+ Tiêu đề quảng cáo thế nào?

+ Tên món ăn đặc sản là gì?

+ Đặc điểm của món ăn đặc sản có gì độc đáo (công dụng, chất lượng, uy tín và quy trình tạo nên sản phẩm,...)?

+ Có các điều kiện ưu đãi gì về giá cả, hình thức khuyến mãi?

+ Địa chỉ liên hệ để mua sản phẩm như thế nào?

– Lập dàn ý: Từ các ý đã tìm được, lập dàn ý cho bài quảng cáo theo ba phần: mở đầu, nội dung chính và kết thúc.

c) Xây dựng văn bản quảng cáo

Dựa vào dàn ý và các yêu cầu nêu trong mục 1. *Định hướng* để xây dựng một văn bản quảng cáo với một trong hai hình thức:

– Quảng cáo bằng lời (ngôn ngữ nói).

– Quảng cáo bằng một tờ rơi để dán hoặc phát ở nơi công cộng. Lưu ý quy định dán – phát tờ rơi.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

– Xem xét kết quả sản phẩm văn bản quảng cáo đã xây dựng bằng cách đối chiếu với các yêu cầu về quảng cáo đã nêu ở mục 1. *Định hướng* và dàn ý đã làm.
Cụ thể:

Nội dung cần kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra	Kết quả
Tiêu đề quảng cáo	Tiêu đề có hấp dẫn không?	
Tên sản phẩm	Tên món ăn đặc sản đã nêu rõ chưa?	
Đặc điểm của sản phẩm	Thông tin về món ăn đã được giới thiệu đầy đủ và rõ ràng chưa?	
Điều kiện	Đã nêu được các điều kiện ưu đãi về giá cả và hình thức khuyến mãi gì?	
Địa chỉ liên hệ	Có nêu đủ địa chỉ liên hệ hay không?	

– Căn cứ vào việc kiểm tra trên để nêu cách chỉnh sửa văn bản quảng cáo đã làm.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Vận dụng tổng hợp các thao tác và phương thức biểu đạt

a) Cách thức

Một văn bản bao giờ cũng có một phương thức biểu đạt chính được lựa chọn trong các phương thức: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Mỗi phương thức ấy sử dụng một hoặc một số thao tác chính. Ví dụ: Phương thức tự sự chủ yếu là thao tác kể và tả; phương thức nghị luận sử dụng các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, bình luận, so sánh,...; phương thức thuyết minh thường dùng các thao tác giới thiệu theo một trình tự, nêu số liệu, miêu tả,...

Khi học viết, cần phân chia ra các phương thức và thao tác cụ thể để rèn luyện. Tuy nhiên, trong thực tế, để tạo ra một văn bản, người viết luôn vận dụng tổng hợp các thao tác và phương thức biểu đạt. Mục đích kết hợp là để bài viết sinh động, linh hoạt và uyển chuyển trong cách diễn đạt. Ví dụ, trong văn nghị luận không chỉ có nghị luận mà còn kết hợp với phương thức tự sự và biểu cảm,...; cũng không chỉ sử dụng một thao tác giải thích hay chứng minh mà còn kết hợp các thao tác khác như bác bỏ, phân tích, bình luận,... Tương tự, văn tự sự không chỉ có kể mà còn kết hợp các phương thức và thao tác như miêu tả, thuyết minh, nghị luận,...

b) Bài tập

Hãy viết văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh của đất nước, trong đó sử dụng kết hợp các phương thức và thao tác khác nhau.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự

1 Định hướng

1.1. Bài 5 (sách *Ngữ văn 9*, tập một) đã nêu yêu cầu rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự. Bài 10 tiếp tục rèn luyện về kỹ năng thông qua thực hành quảng cáo. Quảng cáo đúng pháp luật là một vấn đề rất cần bàn luận.

Phần viết văn bản quảng cáo đã nêu các yêu cầu khi xây dựng, thiết kế một văn bản quảng cáo. Trong các yêu cầu đó, có những điều cần tránh trong quảng cáo.

1.2. Để xác định những điều cần tránh, các em cần nắm vững yêu cầu khi xây dựng quảng cáo; từ đó, suy luận ngược lại sẽ biết điều cần tránh. Từ các yêu cầu về

quảng cáo đã nêu ở ý 1.2, mục 1. *Định hướng* trong phần *Viết* (trang 121, 122), hãy hoàn thành tiếp những điều cần tránh trong quảng cáo. Ví dụ:

Yêu cầu cần thực hiện	Điều cần tránh
Cần tìm hiểu và nắm thật đúng, rõ về sản phẩm, dịch vụ để nêu được các nội dung thông tin cơ bản.	Không tìm hiểu kĩ, không nắm vững thông tin về sản phẩm, dịch vụ cần quảng cáo.
Hướng đến đúng khách hàng có nhu cầu cần được quảng cáo.	...
...	...
Cần tuân thủ Luật Quảng cáo và các quy định về những sản phẩm không được quảng cáo.	...
Lựa chọn đúng thời điểm và công cụ quảng cáo.	...

2 Thực hành

Bài tập: *Trình bày về những điều cần tránh trong quảng cáo.*

a) Chuẩn bị

- Xem lại nội dung phần *Viết* về văn bản quảng cáo.
- Lựa chọn ít nhất một yêu cầu cần tránh trong bảng (ý 1.2) ở trên để trình bày ý kiến của cá nhân.

- Chuẩn bị nội dung ý kiến của mình.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý chủ yếu qua các câu hỏi như: Yêu cầu cần tránh trong quảng cáo là gì? Vì sao? Điều đó mang lại hiệu quả gì? Có thể thấy qua ví dụ nào?...
- Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo ba phần:
 - + Mở đầu: Nêu yêu cầu cần tránh.
 - + Nội dung chính: Nêu các biểu hiện cụ thể và giải thích lí do cần tránh.
 - + Kết thúc: Nêu kết quả và ý nghĩa của việc thực hiện những điều cần tránh.

c) Nói và nghe

- Các em dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để trình bày ý kiến của cá nhân.
- Người nghe hỏi hoặc trao đổi lại các ý kiến mình chưa rõ hoặc không đồng tình.
- Có thể sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ trong khi trình bày, thảo luận.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đối chiếu với các yêu cầu về thực hành nói – nghe và dàn ý bài trình bày vừa xây dựng để kiểm tra kết quả và chỉnh sửa các lỗi còn mắc.

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HÌNH ẢNH CON THUYỀN, NGƯỜI DÂN CHÀI TRONG BÀI THƠ *QUÊ HƯƠNG*

(Trích)

Trong bài thơ *Quê hương*, hình ảnh con thuyền khi ra khơi đánh cá được miêu tả với một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang. Nhà thơ chỉ miêu tả thuyền chứ không miêu tả người nhưng tầm vóc, động tác, tình cảm, ý chí của con người đều lộ rõ. Đây chính là sự kì diệu của hồn thơ Tế Hanh. Chỉ cần chọn vài chi tiết, động tác, nhà thơ đã vẽ nên được bức ảnh ảo mà không phải ai cũng hình dung nổi:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Chiếc thuyền vốn là vật “vô tri”, nhờ được so sánh với “con tuấn mã” nên đã có hồn, có sự tự chuyển động. Thuyền về bản chất thì chẳng thể nào tự chuyển động như ngựa mà bao giờ cũng phải có người chèo, có sức gió thổi căng buồm hoặc là máy móc ở thời hiện đại,... Thế mà nay, bằng cách giấu đi chủ thể của động tác “phăng mái chèo” là trai tráng, Tế Hanh đã tạo nên sự tiếp nối hành động một cách độc đáo: chiếc thuyền – con tuấn mã – phăng mái chèo. Nhờ thế, chủ thể phăng mái chèo hiện lên trực tiếp trong tâm trí người đọc sẽ là con thuyền. Con thuyền có khả năng tự chèo hết như động tác của con người.

Vẻ hùng dũng của con người được khắc hoạ qua các động từ “hăng”, “phăng” và “vượt”. Lưu ý là chỉ trong một câu thơ, tác giả sử dụng đến hai động từ và cả hai động từ ấy đều thuộc dạng động từ biểu lộ sắc thái mạnh: “phăng”, “vượt” và giữ vị trí trung tâm của hai hoạt động ấy là tính từ: “mạnh mẽ”. Nhờ sử dụng biện pháp tỉnh lược chủ ngữ và sử dụng một lúc hai động từ trong một câu thơ nên trường liên kết ngữ nghĩa của câu thơ rất linh hoạt, độc đáo. “Mạnh mẽ” ở đây cùng lúc có thể bổ nghĩa cho cả ba đối tượng. Cụ thể như sau: phăng mạnh mẽ; mái chèo mạnh mẽ; vượt mạnh mẽ.

Tuy nhiên, tầm vóc của con thuyền khi mái chèo bổ xuống cũng chỉ là tầm vóc của một con thuyền bình thường được điều khiển bởi những con người bình thường. Phải đến hai câu tiếp theo, con thuyền ấy mới được nâng lên tầm vũ trụ:

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Hai cặp câu miêu tả chiếc thuyền đều được bắt đầu bằng sự so sánh. Nếu ở so sánh đầu, đối tượng được so sánh là cụ thể (“như con tuấn mã”) thì ở so sánh sau, đối tượng được so sánh là trừu tượng (“như mảnh hồn làng”).

“Hồn” thì rõ ràng không có hình hài, màu sắc. Nhưng khi gọi “mảnh hồn” và gắn nó với cánh buồm thì chút hồn quê bình dị ấy bỗng trở nên cụ thể, rõ nét. Với dân chài thì con thuyền, mái chèo, cánh buồm là những hình ảnh biểu trưng cao cho sinh hoạt ngày thường của họ. Tất cả đều có thể là biểu tượng lưu giữ hồn quê ấy. Hồn đó có thể hiểu là tâm hồn, linh hồn hoặc tinh thần của làng chài kia.

Ở đây đã có sự đối lập – một biện pháp nghệ thuật mà các nhà thơ lãng mạn luôn thích dùng. Tế Hanh lấy sự *nhỏ bé, khiêm nhường, hữu hạn* để đi đo, bao quát *cái kì vĩ, vô hạn*. Ấy là “mảnh hồn làng” với “thâu góp gió”. Dĩ nhiên, để có thể “thâu góp gió” thì cánh buồm đó đã phải “rướn thân” lên. Biện pháp nhân cách hoá được vận dụng thích đáng. Cánh buồm cũng như con thuyền đều chủ động trước hành động của mình. Chữ “rướn” ấy một mặt hoà nhịp với sự hiên ngang của động tác “phăng” và “vượt”, mặt khác cho thấy sự cần cù, nhẫn nại và sự gắng sức của khung cảnh lao động. Hình tượng thơ phi thường. Cánh buồm không đợi gió thổi căng mà chủ động thâu góp gió để tự làm no buồm. Thật đáng khâm phục. Làm được điều đó không phải là cánh buồm bình thường. Đây đích thực là cánh buồm – “mảnh hồn làng”, mảnh hồn của thi nhân đang hoài niệm về miền quê yêu dấu. [...]

(LÊ HUY BẮC, Tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số 2, 2012)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?
 - A. Nhắc lại những kỉ niệm khó quên trong thời thơ ấu của nhà thơ Tế Hanh
 - B. Kể câu chuyện cảm động về con thuyền và người dân chài ở quê nhà thơ
 - C. Nêu lên nỗi nhớ quê hương và những chiếc thuyền của nhà thơ Tế Hanh
 - D. Phân tích vẻ đẹp của con thuyền và người dân trong bài thơ *Quê hương*
2. Trong đoạn trích, người viết tập trung làm rõ hình ảnh nào?
 - A. Con thuyền hùng dũng ra khơi
 - B. Cánh buồm giương thâu góp gió
 - C. Mảnh hồn làng, hồn quê bình dị
 - D. Mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
3. Câu văn nào ở phần đầu là ý kiến cần làm sáng tỏ của đoạn trích?
 - A. Trong bài thơ *Quê hương*, hình ảnh con thuyền khi ra khơi đánh cá được miêu tả với một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang.
 - B. Nhà thơ chỉ miêu tả thuyền chứ không miêu tả người nhưng tầm vóc, động tác, tình cảm, ý chí của con người đều lộ rõ.
 - C. Chiếc thuyền vốn là vật “vô tri”, nhờ được so sánh với “con tuấn mã” nên đã có hồn, có sự tự chuyển động.
 - D. Chỉ cần chọn vài chi tiết, động tác, nhà thơ đã vẽ nên được bức ảnh ảo mà không phải ai cũng hình dung nổi ...

4. Theo tác giả, sự độc đáo của Tế Hanh khi miêu tả con người trong bài thơ là gì?
- A. Nhà thơ đã sử dụng nhiều biện pháp so sánh
 - B. Nhà thơ tập trung khai thác những động từ mạnh
 - C. Miêu tả thuyền nhưng là để khắc họa con người
 - D. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp nhân cách hoá
5. Câu văn nào sau đây thể hiện rõ nhất sự mến phục của người viết về tài năng nhà thơ?
- A. Chiếc thuyền vốn là vật “vô tri”, nhờ được so sánh với “con tuần mã” nên đã có hồn, có sự tự chuyển động.
 - B. Trong bài thơ *Quê hương*, hình ảnh con thuyền khi ra khơi đánh cá được miêu tả với một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang.
 - C. Chỉ cần chọn vài chi tiết, động tác, nhà thơ đã vẽ nên được bức ảnh ảo mà không phải ai cũng hình dung nổi ...
 - D. Nhưng khi gọi “mảnh hồn” và gắn nó với cánh buồm thì chút hồn quê bình dị ấy bỗng trở nên cụ thể, rõ nét.
6. Theo em, đoạn trích tập trung làm sáng tỏ điều gì?
7. Tác giả đã làm rõ ý kiến: “Nhà thơ chỉ miêu tả thuyền chứ không miêu tả người nhưng tầm vóc, động tác, tình cảm, ý chí của con người đều lộ rõ.” bằng cách nào?
8. Dẫn ra một số yếu tố hình thức của bài thơ được người viết dựa vào để phân tích.
9. Em thích nhất đoạn văn nào trong đoạn trích? Vì sao?
10. Qua đoạn trích trên, em hiểu thêm được gì về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm những văn bản nghị luận văn học có đề tài và nội dung như các văn bản trong Bài 10.
2. Sưu tầm và ghi lại một số đoạn văn, bài văn phân tích các văn bản truyện và thơ có trong sách *Ngữ văn 9*.
3. Tự đề xuất bài tập phân tích một tác phẩm truyện và thơ mà em yêu thích, lập dàn ý cho bài viết ấy.

TỔNG KẾT VỀ VĂN HỌC

Bài tổng kết này giúp các em hình dung được một số tác giả lớn và những nét khái quát của lịch sử văn học Việt Nam.

I Các bộ phận của văn học Việt Nam

Nước Việt Nam gồm nhiều dân tộc, dân tộc nào cũng có nền văn học của riêng mình. Văn học các dân tộc hợp lại thành nền văn học Việt Nam thống nhất trong đa dạng với hai bộ phận: văn học dân gian và văn học viết. Thành tựu phong phú và nổi bật nhất của văn học dân gian là những tác phẩm truyền miệng đặc sắc như kho tàng truyện cổ tích và ca dao của dân tộc Kinh; các sử thi *Đăm Săn* của dân tộc Ê-đê, *Đẻ đất đẻ nước* của dân tộc Mường; truyện thơ *Tiến dặn người yêu* của dân tộc Thái,... Về văn học viết, người Việt Nam tự hào với những áng văn lừng lẫy như *Sông núi nước Nam* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu); *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh) và rất nhiều tác phẩm, tác giả tiêu biểu cho các thế hệ nhà văn, nhà thơ của hàng chục thế kỉ văn học viết Việt Nam (từ thế kỉ X đến nay).



Dựa vào sơ đồ sau, em hãy trình bày hiểu biết của mình về văn học Việt Nam bằng một đoạn văn.



II Văn học dân gian



Sơ đồ sau cho em biết những thông tin gì về văn học dân gian? Trong sách *Ngữ văn cấp Trung học cơ sở* (bộ sách Cánh Diều), em đã học những thể loại nào trong các thể loại này? Hãy nêu tên ít nhất một tác phẩm văn học dân gian em đã được học cho mỗi thể loại ấy.



III Văn học viết

Văn học viết Việt Nam gồm hai thời kì lớn: văn học trung đại và văn học hiện đại.

a) Văn học trung đại là cách gọi bao quát cho các tác phẩm văn học viết được hình thành và phát triển trong xã hội phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX. Văn học trung đại Việt Nam gắn bó chặt chẽ với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, tạo dựng được một truyền thống văn học đặc sắc với nhiều tên tuổi lớn: Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ, Đặng Trần Côn, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Ngô gia văn phái, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương,...

Văn học trung đại Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, có nhiều tác phẩm với những thể loại tiêu biểu như: thơ Đường luật; truyện truyền kì, tiểu thuyết chương hồi, truyện thơ Nôm, hịch, chiếu, cáo, phú, văn tế,...

b) Văn học hiện đại là cách gọi chung cho văn học viết Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay. Văn học hiện đại Việt Nam chủ yếu viết bằng chữ Quốc ngữ, bao gồm:

– Giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đây là giai đoạn phát triển mau lẹ, nhằm hiện đại hoá văn học Việt Nam với nhiều tác giả, tác phẩm nổi tiếng: văn xuôi với những tác phẩm của Nam Cao, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Trần Cư,...; thơ có các tác giả Tản Đà, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Vũ Đình Liên, Lưu Trọng Lư, Tế Hanh, Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ,...

– Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, gồm:

+ Văn học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975: văn học kháng chiến, kiến quốc. Văn học kháng chiến đã để lại nhiều tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu cho các thể loại truyện, thơ, kí, kịch,... Thể loại truyện có tác phẩm của các nhà văn như Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, Kim Lân, Nguyễn Thi, Đoàn Giỏi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Sáng, Phan Tứ, Lê Lựu, Ma Văn Kháng, Lê Minh Khuê, Chu Lai, Trung Trung Đỉnh, Đỗ Chu, Sơn Tùng, Hà Ân,... Thơ có các tác giả tiêu biểu như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu, Minh Huệ, Hoàng Trung Thông, Xuân Quỳnh, Lê Anh Xuân, Hữu Thỉnh, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Bằng Việt, Vũ Quần Phương, Anh Ngọc, Trần Đăng Khoa, Hoàng Nhuận Cầm,... Kí có các tác giả như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Thép Mới, Hoàng Phủ Ngọc Tường,... Về thể loại kịch có các tác giả như Vi Huyền Đắc, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Đào Hồng Cẩm,... Thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn này còn có sự đóng góp của các xu hướng văn học yêu nước và tiến bộ miền Nam với các nhà văn như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trang Thế Hy, Nguyễn Hiến Lê,...

+ Giai đoạn từ sau năm 1975 đến nay: văn học thống nhất và đổi mới. Cùng với sự đổi mới của đất nước, đặc biệt từ năm 1986, văn học có nhiều khởi sắc. Các nhà văn có nhiều đổi mới về cách viết trên cơ sở quan niệm toàn diện về con người. Về truyện, có thể kể đến những tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Nhật Ánh, Cao Duy Sơn, Trần Đức Tiến, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Thị Thu Huệ, Đỗ Bích Thủy,...; về thơ có: Đinh Nam Khương, Y Phương, Mai Văn Phấn, Nguyễn Quang Thiều, Mai Liễu, Lò Cao Nhum, Nguyễn Linh Khiếu,...; về kí có: Trần Huy Quang, Phùng Gia Lộc, Xuân Ba, Văn Công Hùng, Huỳnh Như Phương, Đỗ Phấn,...; về kịch có: Xuân Trinh, Lưu Quang Vũ,...



1. Dựa vào nội dung trên, hãy trình bày các thông tin chính về văn học viết Việt Nam bằng một sơ đồ.

2. Nêu tên một số tác phẩm, tác giả của văn học Việt Nam thời trung đại và hiện đại có trong sách *Ngữ văn* từ lớp 6 đến lớp 9 theo mẫu sau:

Lớp	Văn học trung đại	Văn học hiện đại
6		<i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> (Tô Hoài),...
7		
8	<i>Mời trầu</i> (Hồ Xuân Hương),...	
9		

3. Thống kê một số thể loại tiêu biểu của văn học Việt Nam đã học trong sách *Ngữ văn* từ lớp 6 đến lớp 9 theo mẫu sau:

Lớp	Thể loại văn học	Ví dụ về văn bản đã học
6	– Thơ lục bát – ...	– <i>Về thăm mẹ</i> – ...
7	– Truyện ngụ ngôn – ...	– <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> – ...
8	– Thơ sáu chữ, bảy chữ – ...	– <i>Nắng mới, Nếu mai em về Chiêm Hoá</i> – ...
9	– Bi kịch – ...	– <i>Đình công và nổi dậy</i> – ...

IV Lịch sử văn học và việc đọc hiểu văn bản

Đọc hiểu văn bản trước hết cần chú ý các yếu tố trong văn bản (bố cục, nhan đề, từ ngữ, câu văn, chi tiết, nhân vật, sự kiện, vần, nhịp, các biện pháp nghệ thuật,...) nhưng cũng cần chú ý cả các yếu tố ngoài văn bản, trong đó có lịch sử văn học. Với học sinh cấp Trung học cơ sở, những thông tin cần thiết về lịch sử văn học bao gồm thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và bối cảnh lịch sử – xã hội của mỗi giai đoạn, thời kì,...

– Thông tin về tác giả: Không phải tất cả các thông tin xung quanh tác giả đều cần cho việc đọc hiểu tác phẩm mà chỉ có một số thông tin có ý nghĩa. Ví dụ: Truyền thống

quê hương, gia đình, cuộc sống từng trải,... có tác động rất lớn đến tâm hồn và tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du. Hoặc Nguyễn Hồng sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh nghèo khổ, ông thường rất dễ xúc động, rất dễ khóc trước những cảnh đời khổ nhục, nhất là số phận bi đát của người phụ nữ – ông là nhà văn của những người cùng khổ... “khát khao sôi sục muốn nói cho hết nỗi khổ của loài người với một tình cảm nhân đạo thông thiết và mãnh liệt” (Nguyễn Đăng Mạnh).

– Bối cảnh lịch sử – xã hội và đối tượng người đọc của mỗi giai đoạn cũng giúp các em hiểu thêm về tác phẩm. Mỗi tác phẩm đều ra đời và chịu sự chi phối của bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá của mỗi giai đoạn. Các tác phẩm văn học dân gian ra đời từ rất sớm, phản ánh tâm hồn và trí tuệ, tư tưởng và tình cảm của nhân dân lao động. Do sáng tác tập thể và truyền miệng nên văn học dân gian thường cô đúc, ngắn gọn, có nhiều dị bản; ngôn ngữ giản dị, trong sáng;... Các tác phẩm trung đại ra đời trong giai đoạn chế độ phong kiến thịnh vượng (thời Lý, Trần, Lê) phản ánh rõ tình thần yêu nước và tự hào dân tộc (*Sông núi nước Nam*, *Hịch tướng sĩ*, *Đại cáo bình Ngô*,...). Các tác phẩm ra đời giai đoạn chế độ phong kiến suy tàn đều in dấu ấn của chủ nghĩa nhân đạo, đấu tranh vì quyền sống của con người (*Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, thơ Hồ Xuân Hương,...). Văn học trung đại viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, các tác giả chủ yếu là những người xuất thân từ “cửa Không, sân Trình” nên văn học viết rất chú trọng điển tích, điển cố, cách viết ước lệ, sùng cổ, quy phạm (thơ Đường luật, truyện truyền kì, tiểu thuyết chương hồi,...).



1. Để hiểu tác phẩm văn học, khi đọc, cần chú ý những yếu tố nào? Những yếu tố nào về kiến thức lịch sử văn học chi phối việc đọc hiểu tác phẩm?
2. Hãy nêu và phân tích sự chi phối của kiến thức lịch sử văn học đối với việc đọc hiểu một văn bản cụ thể đã học trong sách *Ngữ văn* cấp Trung học cơ sở.

TỔNG KẾT VỀ TIẾNG VIỆT

I Từ ngữ tiếng Việt

Ở cấp Trung học cơ sở, các em đã được học về những loại từ ngữ sau:

1. Từ		
Xét theo cấu tạo	Từ đơn	
	Từ phức	Từ ghép Từ láy
Xét theo nghĩa	Từ đa nghĩa	
	Từ đồng âm	
	Từ tượng hình, tượng thanh	
Xét theo nguồn gốc	Từ thuần Việt	
	Từ mượn	Từ Hán Việt Các từ mượn khác
Xét theo phạm vi sử dụng	Từ toàn dân	
	Từ địa phương	
	Thuật ngữ	
	Biệt ngữ	
2. Ngữ cố định (thành ngữ)	Thành ngữ thuần Việt	
	Thành ngữ Hán Việt	

Để sử dụng một cách hiệu quả vốn từ, chúng ta cần hiểu đúng nghĩa của từ và biết cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với mục đích, đối tượng, hoàn cảnh giao tiếp và giá trị của mỗi loại từ ngữ.



1. Xếp các từ *nhà, cửa, dần dần, nhà cửa, cười, nói, vui vẻ, cười nói, trắng, đen, trắng đen, trắng tinh, trắng trắng, xanh thắm, lúng túng, xanh xanh* vào nhóm phù hợp:

- Từ đơn
- Từ phức

- Từ ghép
- Từ láy

2. Tìm hai từ đa nghĩa trong câu thơ sau. Cho biết các từ ấy được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương.*

(Tố Hữu)

II Ngữ pháp tiếng Việt

1. Từ loại

Từ loại là những tập hợp từ có đặc điểm ngữ pháp giống nhau. Ở cấp Tiểu học, các em đã học các từ loại: *danh từ, động từ, tính từ, đại từ và kết từ*. Ở cấp Trung học cơ sở, các em được học thêm bốn từ loại nữa là: *số từ, phó từ, trợ từ, thán từ*.

2. Cụm từ

Cụm từ là tổ hợp gồm hai từ trở lên có quan hệ ngữ pháp với nhau. Có ba loại cụm từ là: cụm từ chính phụ (gồm một thành tố chính và một hay một số thành tố phụ), cụm từ đẳng lập (gồm các thành tố có quan hệ bình đẳng với nhau), cụm từ chủ ngữ – vị ngữ (gồm các thành tố có quan hệ chủ vị với nhau). Cụm từ chính phụ được gọi tên theo thành tố chính, ví dụ: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ,...

3. Thành phần câu

Ở cấp Tiểu học, các em đã được học về các thành phần chính (*chủ ngữ, vị ngữ*) và thành phần phụ của câu (*trạng ngữ*). Ở cấp Trung học cơ sở, các em tiếp tục được học về các thành phần biệt lập, bao gồm: *thành phần gọi – đáp, thành phần cảm thán, thành phần tình thái, thành phần chuyển tiếp và thành phần phụ chú*.

4. Các kiểu câu xét theo cấu tạo

Ở cấp Trung học cơ sở, các em đã được học về những kiểu câu sau:

Căn cứ phân loại	Các kiểu câu	
Có / không có cụm chủ vị	Câu bình thường	
	Câu đặc biệt	
Do một / nhiều cụm chủ vị độc lập tạo thành	Câu đơn	
	Câu ghép	Câu ghép đẳng lập Câu ghép chính phụ
Có đủ / không đủ các thành phần bắt buộc	Câu đầy đủ	
	Câu rút gọn	

5. Các kiểu câu xét theo mục đích nói

Theo mục đích nói, câu được chia thành bốn kiểu: *câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến*. Mỗi kiểu câu này đều có thể được trình bày dưới hai dạng khẳng định và phủ định. Ví dụ:

- Câu kể khẳng định: “Ông Hai ngồi lặng trên một góc giường.” (Kim Lân).
- Câu kể phủ định: “Anh cũng không quay lại.” (Nguyễn Quang Sáng).

6. Biến đổi, mở rộng cấu trúc câu

– Biến đổi cấu trúc câu là thay đổi kiểu cấu tạo câu mà không làm thay đổi cơ bản ý nghĩa của câu. Sự biến đổi cấu trúc của câu thường nhằm mục đích: nhấn mạnh, tăng cường sự liên kết câu hoặc làm cho cách diễn đạt phong phú, sinh động hơn.

– Mở rộng cấu trúc câu là thêm thành phần phụ, thành phần biệt lập cho câu hoặc mở rộng các thành phần câu nhằm biểu thị rõ ràng, chính xác nội dung cần diễn đạt hoặc thể hiện các sắc thái tình cảm, sự đánh giá của người nói (người viết) đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu.

7. Nghĩa của câu

Nghĩa của câu là nội dung thông báo của câu. Những nội dung được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu được gọi là *nghĩa tường minh*. Những nội dung được suy ra từ nghĩa tường minh và ngữ cảnh được gọi là *nghĩa hàm ẩn*.

8. Văn bản và đoạn văn

– Văn bản là đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp, thường tồn tại ở dạng các bài nói, bài viết, có các bộ phận thống nhất về chủ đề, được sắp xếp theo một thứ tự hợp lý và liên kết bằng những từ ngữ nhất định.

– Văn bản có thể gồm một hoặc một số đoạn văn. Mỗi đoạn văn thể hiện một chủ đề nhỏ, hết đoạn phải xuống dòng. Ở dạng phổ biến, đoạn văn gồm một số câu, trong đó thường có một câu nêu chủ đề của đoạn văn (câu chủ đề), các câu còn lại phát triển chủ đề (câu phát triển). Đoạn văn gồm bốn kiểu cấu tạo: *diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp*.



1. Tìm số từ, phó từ, trợ từ, thán từ trong những câu dưới đây. Chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của mỗi từ loại tìm được.

a) *Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư?* (Nguyễn Dữ)

b) *Này, ông cụ non, đừng có láo!* (Trần Đức Tiến)

c) *Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha.* (Nguyễn Quang Sáng)

d) *Thiếu những mười tám thằng cơ à?* (Nguyễn Công Hoan)

2. Xác định thành phần biệt lập trong những câu dưới đây. Chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của mỗi thành phần đó.

a) *Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ.* (Ngô Tất Tố)

b) *Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi.* (Nguyễn Quang Sáng)

c) *Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng sợ nó lại giãy lên bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó.* (Nguyễn Quang Sáng)

d) *Ôi một tâm hồn cao quý, bỗng dung tan nát.* (Sếch-xpia)

3. Xếp những câu dưới đây vào các kiểu câu phù hợp: câu đơn, câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của các cụm chủ vị trong mỗi câu.

a) *Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trối, việc quân kết thúc.* (Nguyễn Dữ)

b) *Nó đoán cô bé chỉ bằng tuổi nó.* (Trần Đức Tiến)

c) *Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ.* (Nam Cao)

d) *Nhưng nếu mình vắng, các bạn nhớ đừng nói trước cho bọn cậu Hải biết nhé.* (Trần Thiên Hương)

e) *Mỗi vách động là một kì công, mỗi ngăn hang là một tuyệt tác.* (Thi Sảnh)

4. Tìm câu đặc biệt, câu rút gọn trong những câu dưới đây. Chỉ ra đặc điểm, tác dụng của mỗi kiểu câu đó.

a) *Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!* (Nguyễn Quang Sáng)

b) *Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem binh tình bên ngoài ra sao.* (Kim Lân)

c) *Ông ấy làm loong toong ở sở máy đèn. Ngày nào cũng đi làm từ sáu giờ.* (Nam Cao)

d) *Đêm. Thành phố lên đèn như sao sa.* (Hà Ánh Minh)

5. Xác định nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ: “Thuận bề thuận bạn tát cạn Biển Đông.”.

III Hoạt động giao tiếp

1. Một số biện pháp tu từ

Ở cấp Tiểu học, các em đã học các biện pháp tu từ *so sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ* và *viết hoa tu từ*. Các biện pháp tu từ được tiếp tục học ở cấp Trung học cơ sở là:

Loại biện pháp tu từ	Tên biện pháp tu từ
Các biện pháp tu từ ngữ âm	1. Điệp thanh
	2. Điệp vần
Các biện pháp tu từ ngữ nghĩa	3. Ẩn dụ
	4. Hoán dụ
	5. Chơi chữ
	6. Nói quá
	7. Nói giảm – nói tránh
	8. Dùng điển cố, điển tích
Các biện pháp tu từ cú pháp	9. Đảo ngữ
	10. Câu hỏi tu từ

2. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

– Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người (một nhân vật). Trong ngôn ngữ nói, lời dẫn trực tiếp được đánh dấu bởi ngữ điệu (chỗ nghỉ). Trong ngôn ngữ viết, lời dẫn trực tiếp được đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép. Riêng ở lời đối thoại của nhân vật, lời dẫn trực tiếp thường được đặt sau dấu hai chấm, được xuống dòng và đặt sau dấu gạch ngang.

– Dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người (một nhân vật) có điều chỉnh cho thích hợp. Trong ngôn ngữ nói, lời dẫn gián tiếp không được đánh dấu bởi ngữ điệu. Trong ngôn ngữ viết, lời dẫn gián tiếp không đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép.

3. Cách trích dẫn tài liệu tham khảo để tránh đạo văn

Đạo văn là sao chép ý kiến của người khác mà không chú thích rõ nguồn gốc, biến ý kiến đó thành ý kiến của mình. Để tránh đạo văn, người viết (người nói) cần trích dẫn trung thực, chính xác ý kiến mà mình đã dựa vào và nêu rõ xuất xứ của ý kiến được trích dẫn.

Về cách trích dẫn, có hai hình thức: *dẫn nguyên văn* và *dẫn ý*. Về cách nêu xuất xứ, có ba hình thức: *chú thích ngay sau ý kiến được trích dẫn*, *chú thích ở chân trang* và *lập danh mục tài liệu tham khảo ở cuối bài viết*.



1. Tìm các biện pháp tu từ trong những câu dưới đây. Chỉ ra tác dụng của mỗi biện pháp tu từ tìm được.

- a) *Mồ hôi mà đổ xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.*
(Ca dao)
- b) *Đầy nhà vang tiếng ruỗi xanh
Rụng rời giọt liều tan tành gối mai
Đổ tế nhuyễn, của riêng tây,
Sạch sành sanh vết cho đầy túi tham.*
(Nguyễn Du)
- c) *Mình về với Bác đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.*
(Tố Hữu)
- d) *Song mùa vui đã mang xuân tới
Đã tắt hôm nay lửa chiến trường.*
(Tố Hữu)
- e) *Thằng bé con nhà Chấn ho rũ rượi, ho như xé phổi ...* (Nam Cao)

2. Trong các lời dẫn gián tiếp dưới đây, theo em, lời dẫn nào có thể chuyển được thành lời dẫn trực tiếp, lời dẫn nào không thể chuyển được? Vì sao?

- a) *Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à?* (Kim Lân)
- b) *Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi.* (Nguyễn Quang Sáng)

IV Sự phát triển của ngôn ngữ

1. Nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới

– Nghĩa mới của từ ngữ là nghĩa xuất hiện ở từ ngữ đã có bên cạnh nghĩa gốc để biểu thị những sự vật, hiện tượng mới nảy sinh (hoặc sự vật, hiện tượng đã có với tên gọi khác). Nghĩa mới của từ ngữ thường được hình thành theo các phương thức ẩn dụ, hoán dụ.

– Từ ngữ mới là từ ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng mới nảy sinh hoặc mới được phát hiện. Từ ngữ mới được tạo ra theo những cách sau:

- + Sử dụng các phương thức cấu tạo từ phổ biến của tiếng Việt: ghép, láy.
- + Vay mượn ngôn ngữ khác (tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh,...).
- + Ghép các yếu tố vay mượn với yếu tố thuần Việt hoặc ghép các yếu tố vay mượn với nhau để tạo ra những từ ngữ không có trong tiếng nước ngoài.

2. Chữ viết tiếng Việt

– Chữ Nôm là chữ viết cổ của tiếng Việt, do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán. Được dùng làm công cụ ghi lại những tác phẩm nổi tiếng của văn học cổ Việt Nam, chữ Nôm có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng, phát triển nền văn học dân tộc.

– Chữ Quốc ngữ là chữ viết ghi âm của tiếng Việt được các nhà truyền giáo, với sự hỗ trợ của nhiều người Việt Nam, tạo ra dựa trên hệ chữ cái La-tinh. Chữ Quốc ngữ được người Việt tích cực tiếp nhận, truyền bá rộng rãi để có được sự hoàn thiện, ổn định và vị thế như hiện nay.



1. Tìm một số từ phức (từ ghép, từ láy) có chứa các yếu tố dưới đây. Chỉ ra nét chung và nét khác biệt giữa các từ có chung yếu tố cấu tạo.

a) *nhỏ*, ví dụ: *nhỏ bé*,...

b) *trắng*, ví dụ: *trắng bạch*,...

2. Xếp những từ lai tạo sau vào các nhóm nêu ở bên dưới: *am pe kế*, *áo bào*, *áo giáp*, *áo pull*, *áo trấn thủ*, *binh lính*, *cửa đại*, *nội thành*, *ngoại thành*, *quần jean*, *quần soóc*, *sân thượng*, *sổ hồng*, *tàu hoả*, *tiền chiến*, *xe buýt*, *xe gíp*, *vôn kế*.

a) Từ gồm các yếu tố Hán Việt, ví dụ: *nội thành*,...

b) Từ gồm các yếu tố Việt kết hợp với yếu tố Hán Việt, ví dụ: *cửa đại*,...

c) Từ gồm các yếu tố Việt kết hợp với yếu tố Pháp (hoặc Anh), ví dụ: *áo pull*,...

d) Từ gồm các yếu tố Hán Việt kết hợp với yếu tố Pháp (hoặc Anh), ví dụ: *am pe kế*,...

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong sách *Ngữ văn 9*, chủ yếu là tập hai, gồm các kỹ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Hiểu được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài tự đánh giá kết quả học tập cuối năm.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Phân biệt truyện truyền kì và truyện trình thám qua các văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai.

Câu 2. Nhận xét về nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc,...) của các văn bản thơ (thơ tám chữ và thơ tự do) trong Bài 7 và nêu một số điểm cần lưu ý về cách đọc các thể thơ này.

Câu 3. Nội dung của các văn bản thông tin về di tích lịch sử ở sách *Ngữ văn 9*, tập hai có gì khác với các văn bản thông tin về một danh lam thắng cảnh ở sách *Ngữ văn 9*, tập một?

Câu 4. Nhận xét một số đặc điểm về hình thức của các văn bản bi kịch và truyện ngắn được học trong Bài 9. Nội dung giữa các văn bản bi kịch và truyện ngắn ở bài này có gì giống nhau?

Câu 5. Nêu tác dụng của phần *Tổng kết về văn học* (trang 133).

VIẾT

Câu 6. Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai thuộc những kiểu văn bản nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa phần *Viết* và phần *Đọc hiểu* của mỗi bài học.

Câu 7. Các kiểu văn bản được học ở phần *Viết* trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai có gì khác so với sách *Ngữ văn 9*, tập một?

NÓI VÀ NGHE

Câu 8. Nêu những nội dung chính được rèn luyện về các kĩ năng nói và nghe ở sách *Ngữ văn 9*, tập hai. Xác định trọng tâm phần *Nói và nghe* của mỗi bài học.

TIẾNG VIỆT

Câu 9. Nêu nội dung chính của phần tiếng Việt được học trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai. Các nội dung này có mối quan hệ như thế nào với phần *Đọc hiểu*, *Viết*, *Nói và nghe*?

Câu 10. Nêu tác dụng của phần *Tổng kết về tiếng Việt* (trang 138).

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung

Kiểm tra, đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai vào việc đọc hiểu và viết văn bản. Các kiến thức và kĩ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học cả về nội dung, hình thức và độ khó; khuyến khích những suy nghĩ mới mẻ, độc đáo, sáng tạo trong cả nội dung và cách thể hiện, trình bày.

Hình thức

Bài đánh giá được thực hiện trong 2 tiết (90 phút) với hai yêu cầu:

a) Đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai. Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và viết câu trả lời ngắn. Các câu hỏi tập trung kiểm tra sự vận dụng kiến thức văn học và tiếng Việt đã học trong học kì II.

b) Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức như các kiểu văn bản đã học, gồm: viết được một truyện kể sáng tạo; phân tích một tác phẩm văn học (truyện, thơ, kịch), viết văn bản quảng cáo, tờ rơi,...

TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

I. Đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CẤU TRÚC TRONG BÀI THƠ *BẾP LỬA*

Bếp lửa có lẽ là tác phẩm nổi tiếng nhất của đời thơ Bằng Việt, một trong những bài thơ “đi cùng năm tháng” với nhiều thế hệ người Việt, nhất là những ai trải qua quãng đời niên thiếu nơi “đồng chiều cuống rạ”. *Bếp lửa* là câu chuyện về quãng đời thơ ấu ở với bà của tác giả. Điều gì làm nên một *Bếp lửa* đánh thức trong tâm hồn bạn đọc những kí ức tuổi thơ bên cạnh người thân ruột thịt như thế? Là cảm xúc chân thành của tác giả, là hình tượng bếp lửa, là hình ảnh người bà cứ trở đi trở lại trong bài? Tất cả đều đúng, và theo ý kiến chủ quan của tôi, cái hay, cái độc đáo của *Bếp lửa* còn được làm nên từ cấu trúc bài thơ: cấu trúc kể chuyện.

Cấu trúc kể chuyện (hay truyện kể) là dạng cấu trúc khá quen thuộc trong thơ ca. Một truyện thơ theo cấu trúc này có cốt truyện rành mạch, rõ ràng, được thể hiện bằng những câu lục bát như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Đồ Chiểu là những minh chứng điển hình. *Bếp lửa* dù viết bằng thể thơ tự do nhưng cũng tuân theo cấu trúc kể trên. Tuy nhiên, *Bếp lửa* có những nét độc đáo riêng so với các tác phẩm cùng chung kết cấu.

Thứ nhất, *Bếp lửa* là bài thơ có dung lượng ngắn. Đây là điều khá lạ so với một tác phẩm thơ có cấu trúc dạng này. *Truyện Kiều* bao gồm 3 254 câu, *Truyện Lục Vân Tiên* có tổng cộng 2 082 câu, một tác phẩm thuộc thơ ca hiện đại như *Núi Đôi* của Vũ Cao cũng có tới 64 câu,... còn *Bếp lửa* chỉ gồm có 41 câu thơ. Chính dung lượng ngắn này đã “quy định” những đặc trưng của tác phẩm. Bộ môn Lí luận

văn học đã chỉ rõ một tác phẩm có cốt truyện thông thường sẽ bao gồm tình tiết, chi tiết và biến cố. Nhiều tình tiết hợp lại thành chi tiết, nhiều chi tiết hợp lại thành biến cố. Những tác phẩm như *Truyện Kiều* hay *Truyện Lục Vân Tiên* do có dung lượng lớn nên bao gồm đầy đủ các thành phần trên. *Bếp lửa* với vẻn vẹn 41 câu nên buộc phải theo hướng tinh gọn, nghĩa là bỏ qua tình tiết, chi tiết mà chỉ gồm những biến cố chính trong cuộc đời tác giả. Bài thơ được bắt đầu bằng hình ảnh “Một bếp lửa chồn vờn sương sớm”, rồi từ đó điểm qua các sự kiện quan trọng, ghi dấu ấn không thể nào quên của Bằng Việt. Đó là khi gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn: “đói mòn đói mỏi / Bó đi đánh xe khô rạc ngựa gầy”, đó là tám năm trời đằng đẵng cháu cùng bà nhóm lửa, là câu chuyện về “năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”, là những hạnh phúc trong nghèo khổ và yêu thương khi được ở bên bà,... Cứ thế, mạch thơ kéo dài đến việc nhà thơ đang hiện thực hoá “giấc mơ có thật” của mình: sinh sống và học tập ở Nga.

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
– Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...*

Có thể nói, bằng việc tập trung khắc hoạ những biến cố “đắt giá”, thấm thía nhất, gạt bỏ những “chi tiết bình thường” trong độ tuổi “Chăn trâu đốt lửa ngoài đồng”, Bằng Việt đã lay động đến con tim của hàng triệu bạn đọc. [...]

(ĐOÀN MINH TÂM, Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*, số 11, 2015)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Đoạn trích *Cấu trúc trong bài thơ “Bếp lửa”* làm sáng tỏ vấn đề gì?

- A. Sự khác nhau giữa *Truyện Kiều* và *Truyện Lục Vân Tiên*.
- B. Bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt là tác phẩm truyện thơ
- C. Cấu trúc kể chuyện trong bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt
- D. Vẻ đẹp của hình tượng bếp lửa trong bài thơ của Bằng Việt

2. Ý nào sau đây trong phần mở đầu là luận đề của đoạn trích trên?

- A. Bếp lửa có lẽ là tác phẩm nổi tiếng nhất của đời thơ Bằng Việt, một trong những bài thơ “đi cùng năm tháng” với nhiều thế hệ người Việt ...
- B. Điều gì làm nên một Bếp lửa đánh thức trong tâm hồn bạn đọc những kí ức tuổi thơ bên cạnh người thân ruột thịt như thế?
- C. Là cảm xúc chân thành của tác giả, là hình tượng bếp lửa, là hình ảnh người bà cứ trở đi trở lại trong bài?
- D. Tất cả đều đúng, và theo ý kiến chủ quan của tôi, cái hay, cái độc đáo của Bếp lửa còn được làm nên từ cấu trúc bài thơ: cấu trúc kể chuyện.

3. Vì sao văn bản trên là văn bản nghị luận văn học?

- A. Giới thiệu về bối cảnh ra đời và đề tài, chủ đề của bài thơ *Bếp lửa*
- B. Phát biểu cảm nghĩ của người viết về cách kể trong bài thơ *Bếp lửa*
- C. Thuyết phục người đọc về đặc điểm truyện kể trong bài thơ *Bếp lửa*
- D. Kể về câu chuyện mà tác giả Bằng Việt đã viết trong bài thơ *Bếp lửa*

4. Nội dung “thứ nhất” mà tác giả muốn làm rõ trong đoạn trích trên là gì?

A. Bài thơ có dung lượng ngắn. Đây là điều khá lạ so với một tác phẩm thơ có cấu trúc dạng này.

B. Bộ môn Lí luận văn học đã chỉ rõ một tác phẩm có cốt truyện thông thường sẽ bao gồm tình tiết, chi tiết và biến cố.

C. Những tác phẩm như *Truyện Kiều* hay *Truyện Lục Vân Tiên* do có dung lượng lớn nên bao gồm đầy đủ các thành phần trên.

D. Cứ thế, mạch thơ kéo dài đến việc nhà thơ đang hiện thực hoá “giấc mơ có thật” của mình: sinh sống và học tập ở Nga.

5. Trong câu văn sau đây, tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

“Điều gì làm nên một *Bếp lửa* đánh thức trong tâm hồn bạn đọc những kí ức tuổi thơ bên cạnh người thân ruột thịt như thế?”

- A. So sánh
- B. Nhân hoá
- C. Ẩn dụ
- D. Điệp từ

6. Nêu ra những bằng chứng mà tác giả lấy từ bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt.

7. Dẫn ra một số câu văn nêu lí lẽ và lời phân tích, bình luận chủ quan của người viết trong đoạn trích.

8. Theo em, trong đoạn trích trên, người viết đã vận dụng kết hợp những thao tác nghị luận và phương thức biểu đạt nào?

9. Câu văn sau có phải là kết luận cho toàn bộ bài viết này hay không? Vì sao?

“Có thể nói, bằng việc tập trung khắc hoạ những biến cố “đắt giá”, thấm thía nhất, gạt bỏ những “chi tiết bình thường” trong độ tuổi “Chăn trâu đốt lửa ngoài đồng”, Bằng Việt đã lay động đến con tim của hàng triệu bạn đọc.”

10. Em hiểu thêm được điều gì về bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt qua đoạn trích trên?

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn ngắn:

Đề 1. Phân tích một tác phẩm truyện hoặc bi kịch mà em thấy sâu sắc nhất trong sách *Ngữ văn 9*, tập hai.

Đề 2. Phân tích một nét đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật mà em yêu thích nhất trong đoạn thơ trích từ bài *Nhà xưa* của Nguyễn Sĩ Đại sau đây:

NHÀ XƯA

Nơi em về có một chiếc tàu cau
Rơi lặng lẽ xuống vườn sương cỏ ướt
Tuổi thơ anh sớm mai nào bắt được
Tiếng xạc xào cao vút của trời xanh.

Nơi em về, xuân tím nụ vườn chanh
Hoa xoan tím, hoa lục bình cũng tím
Cành tre nhỏ có ngày chim khách đến
Tận bây giờ chờ đợi vẫn rung rung...

Nơi em về, trái thị vẫn ngày xưa
Người thương thị, thị thương người phúc hậu
Khế xuống ngọt nổi canh chua mẹ nấu
Túi ba gang vàng, góp mãi khôn đầy.

Nơi em về, mùa hạ vẫn thơ ngây
Tiếng ve hát râm ran vòm dưới⁽¹⁾ cổ
Ve ơi ve, mắt mày trong trẻo quá
Em thấy được gì trong mắt của ve đây?

Chiều thu vàng phấn mướt, cánh ong bay
Tiếng cục tác gà trưa đi lót ổ...
Nhà đi vắng cửa rèm bỏ ngỏ
Những sắc, thanh xa, vội tới dâng đầy...
[...]

(NGUYỄN SĨ ĐẠI, *Trái tim người lính* (thơ), NXB Thanh Niên, Hà Nội, 1998)

(1) *Dưới*: cây cùng họ với dâu tằm, thân thường cong queo, lá nhỏ, ráp, quả khi chín màu vàng, thường trồng làm hàng rào.

SỔ TAY HƯỚNG DẪN ĐỌC, VIẾT, NÓI VÀ NGHE

I. KĨ NĂNG ĐỌC

1. Truyện

Khi đọc văn bản *truyện*, ngoài các yêu cầu chung (đã nêu ở lớp dưới), các em cần chú ý đặc điểm hình thức của ba thể loại mới có trong sách *Ngữ văn 9*:

Truyện thơ Nôm

Nhận biết được một số đặc điểm của truyện thơ Nôm:

- Truyện thơ Nôm là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm, thường dùng thể thơ lục bát để kể chuyện.
- Cốt truyện (ba phần: gặp gỡ – lưu lạc – đoàn tụ); nhân vật thường có hai tuyến đối lập nhau (chính diện và phản diện); lời thoại (đối thoại và độc thoại).

Truyện truyền kì

Nhận biết được một số đặc điểm của truyện truyền kì:

- Truyện truyền kì là loại tác phẩm tự sự, có nguồn gốc từ Trung Quốc, kể về những chuyện kì lạ trong dân gian.
- Nhân vật chính thường là những người bình dân (người đi buôn, nông dân, kĩ nữ,...) nhưng cũng có một số nhân vật thần, phật, vua, quan,...; có sự kết hợp giữa các yếu tố kì lạ, kì ảo, siêu nhiên và đời thường, giữa chi tiết có thật và không có thật;...

Truyện trình thám

Nhận biết được một số đặc điểm của truyện trình thám:

- Truyện trình thám là truyện viết về việc điều tra, khám phá các vụ án hoặc những bí mật cần được đưa ra ánh sáng.
- Cốt truyện thường bất ngờ hoặc gay cấn; diễn biến căng thẳng, giàu kịch tính; nhân vật chính của truyện trình thám thường là các thám tử hoặc điều tra viên – những người giàu trí tưởng tượng, có óc quan sát, biết tìm, tổng hợp thông tin và giải phán đoán, suy luận lô gích,...

2. Thơ

Khi đọc văn bản *thơ*, ngoài các yêu cầu chung (đã nêu ở lớp dưới), các em cần chú ý đặc điểm hình thức của ba thể loại sau:

Thơ tám chữ

Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ: mỗi dòng thơ có tám chữ, ngắt nhịp đa dạng, phổ biến là vần chân; có thể gồm nhiều đoạn dài, có thể được chia thành các khổ,...

Thơ tự do

Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ tự do: không có quy định bắt buộc về số dòng, số chữ mỗi dòng, vần, bằng trắc và nhịp điệu; các yếu tố này biến hoá linh hoạt.

Thơ song thất lục bát

Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ song thất lục bát: kết hợp giữa thơ thất ngôn và thơ lục bát; cách gieo vần, ngắt nhịp theo câu thất ngôn và câu lục bát,...

3. Kịch bản văn học

Khi đọc văn bản *bi kịch*, các em cần chú ý một số yêu cầu sau:

– Nhận biết một số yếu tố quan trọng: Cốt truyện thường mượn từ các truyện huyền thoại hoặc lịch sử. Mô hình kể chuyện: sự kiện căng thẳng; xung đột; kết cục bi thảm. Nhân vật chính thường là người anh hùng hay xuất thân từ cung đình hoặc người có những phẩm chất, năng lực vượt trội, có khát vọng lớn,... nhưng phải đối đầu với thực tế không thể hoá giải hoặc sai lầm của chính bản thân. Xung đột trong bi kịch có hai kiểu chính:

+ Xung đột giữa những khát vọng đẹp đẽ của nhân vật với hoàn cảnh thực tế không thể thực hiện được.

+ Xung đột nằm trong chính nhân vật: cuộc đấu tranh giằng xé giữa vẻ đẹp khát vọng, những giá trị tích cực của nhân vật đối đầu với phần bóng tối trong nội tâm nhân vật.

– Phân tích được nội dung văn bản bi kịch (đề tài, chủ đề, ý nghĩa của văn bản, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả,...) và tác động của văn bản với cuộc sống ngày nay.

4. Văn bản nghị luận

Khi đọc văn bản *nghị luận*, ngoài các yêu cầu chung (đã nêu ở lớp dưới), các em cần chú ý thêm về *cách trình bày trong văn bản nghị luận*. Cụ thể:

– Trình bày khách quan là nêu lên những thông tin vốn có của đối tượng bàn luận như: nội dung chính, cốt truyện, hệ thống nhân vật, đặc điểm hình thức nghệ thuật,...

– Trình bày chủ quan là sự thể hiện tình cảm, quan điểm, thái độ của người viết trước vấn đề được nêu lên bàn luận trong bài nghị luận.

– Trong bài nghị luận, người viết thường kết hợp đan xen hai cách trình bày nêu trên.

5. Văn bản thông tin

Khi đọc văn bản *thông tin*, ngoài các yêu cầu chung (đã nêu ở lớp dưới), các em cần chú ý hai kiểu văn bản sau trong sách *Ngữ văn 9*:

**Giới thiệu
thuyết minh
về một danh
lam thắng
cảnh hoặc di
tích lịch sử**

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử: nhan đề của loại văn bản thông tin này thường nêu tên các địa danh; thông tin trong loại văn bản này thường được trình bày theo trật tự thời gian, không gian,...; hình ảnh có vai trò rất quan trọng trong loại văn bản này;...

– Phân tích được mục đích, ý nghĩa của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử và vai trò, tác dụng của loại văn bản này.

**Tổng kết về
văn học và
tiếng Việt**

– Qua phần tổng kết, có những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam, hệ thống kiến thức tiếng Việt đã học.

– Biết vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

II. KĨ NĂNG VIẾT

Ngoài các yêu cầu về thực hành, rèn luyện viết mỗi kiểu bài theo quy trình bốn bước (*chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa*), để rèn luyện kĩ năng viết có hiệu quả ở lớp 9, các em cần chú ý rèn luyện các kĩ năng viết đã học, ví dụ:

- Thao tác phân tích trong bài nghị luận văn học.
- Cách biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp trong bài văn nghị luận.
- Kĩ năng miêu tả và kể chuyện trong thuyết minh.
- Thao tác chứng minh và bác bỏ trong bài nghị luận.
- Kĩ năng kết hợp kể, miêu tả và biểu cảm trong bài tự sự.

III. KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

Ngoài các yêu cầu về thực hành, rèn luyện nói và nghe theo quy trình các bước (*chuẩn bị nội dung, thực hành nói và nghe, trao đổi và rút kinh nghiệm*), để rèn luyện kĩ năng nói – nghe ở lớp 9 có hiệu quả, các em cần chú ý:

- Thực hành nói và nghe các nội dung gắn với phần đọc hiểu và viết của mỗi bài.
- Chú ý một số nội dung và yêu cầu mới của sách *Ngữ văn 9*, ví dụ:
 - + Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.
 - + Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.
 - + Kể lại một câu chuyện tưởng tượng; thực hành một phỏng vấn ngắn.
 - + Thảo luận về những điều cần tránh trong quảng cáo.
- Cần rèn luyện kĩ năng nói và nghe ở nhiều tình huống và bối cảnh giao tiếp khác nhau.

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
Đôi-lơ	11	hình thức	3, 25, 33,...
Anh Thơ	34, 43, 46,...	Hoàng Hữu Yên	117
bằng chứng	50, 51, 52,...	kẻ	3, 7, 9,...
Bằng Việt	35, 39, 47,...	kết cấu	33, 34, 37,...
bi kịch	78, 79, 80,...	khách quan	72, 106, 107,...
biến đổi cấu trúc câu	4, 19, 136	Lê Huy Bắc	50, 127
biểu cảm	3, 24, 25,...	lí lẽ	50, 51, 100,...
bình luận	32, 72, 100,...	lịch sử văn học	112, 129, 132
bố cục	25, 33, 34,...	luận đề	106, 108, 112,....
Bồ Tùng Linh	19, 26	luận điểm	72, 106, 108,...
bối cảnh	3, 4, 24,...	Mai Văn Phấn	44, 46, 131
cảm hứng chủ đạo	33, 35, 37,...	miêu tả	3, 4, 24,...
câu đặc biệt	56, 57, 65,...	mở rộng cấu trúc câu	3, 4, 17,...
câu rút gọn	56, 57, 65,...	Mu-ra-ka-mi Ha-ru-ki	86
chơi chữ	33, 35, 41,...	nhị luận văn học	106, 107, 108,...
chủ đề	3, 25, 35,...	nghĩa mới	78, 79, 92,...
chủ quan	106, 107, 108,...	ngôn từ	34, 48, 100,...
cốt truyện	3, 27, 78,...	Nguyễn Đình Chú	108, 109
di tích lịch sử	18, 56, 58,...	Nguyễn Dữ	5, 19, 109,...
diệp thanh	33, 35, 36,...	Nguyễn Sĩ Đại	146
diệp vần	33, 35, 36,...	Nguyễn Văn Long	112
Đoàn Minh Tâm	144	Nguyễn Thị Thu Huệ	104, 131
giải thích	14, 17, 51,...	nhân vật	3, 4, 5,...

nội dung	3, 4, 17,...	Trần Đăng Khoa	62, 63, 64,...
phông văn	56, 57, 61,...	truyện trinh thám	3, 4, 11,...
phương thức biểu đạt	43, 61, 71,...	truyện truyền kì	3, 5, 32,...
quảng cáo	106, 108, 121,...	từ ngữ mới	78, 79, 92,...
Quỳnh Trang	69	tư tưởng	33, 34, 35,...
tài liệu tham khảo	107, 108, 116,...	tưởng tượng	3, 4, 24,...
Tê Hanh	34, 36, 37,...	Uy-li-am Sếch-xpia	79, 80
Thế Lữ	18, 31, 33,...	văn bản thông tin	56, 57, 61,...
thơ tám chữ	33, 36, 46,...	Vi Huyền Đắc	93, 101, 105
thơ tự do	33, 34, 39,...	xung đột	78, 79, 80,...
tờ rơi	106, 108, 121,...	Y Phương	53, 131

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
A-ma-đu Ma-ta Em-bâu	Amadou Mahtar M'bow	61
A-thơ Cô-nan Đoi-lơ	Arthur Conan Doyle	11
An-bốt	Albert	13
Áp-sa-ra	Apsara	69
Ăng-co	Angkor	66, 67, 68,...
Ăng-co Thom	Angkor Thom	68
Ăng-co Vát	Angkor Wat	68, 69
Bai-on	Bayon	68
Cam-pu-chia	Campuchea / Cambodia	66, 67, 73
Clô-đi-út	Claudius	80
Cô-mô-rô	Komoro	90
Đe-xê-mô-na	Desdemona	111
Ghin-đơn-xton	Guildenstern	81
Giai-a-vác-man	Jayavarman	68
Giêm Uyn-đi-banh	James Windibank	12, 14, 16
Ha-ri	Harry	13
Ham-lét	Hamlet	79, 80, 81,...
Hót-mơ Ên-giô	Hosmer Angel	12, 13, 14,...
La-óc-tơ	Laertes	80
Lăm-bốt	Lumpert	67, 69
Le-xinh-tơn	Lexington	91
Li-đân-hôn	Leadenhall	12, 13

Mác-xây	Marseille	62
Me-ri Sơ-thơ-len	Mary Sutherland	12
Mo-tu-la	Mortula	67, 69
Mu-ra-ka-mi Ha-ru-ki	Murakami Haruki	86
Na-ga-nô	Nagano	90
Na-va	Navarre	35
Nét	Ned	12
Oát-xơn	Watson	12
Ô-phê-li-a	Ophelia	80, 81, 82,...
Ô-ten-lô	Othello	111
Pa-xơ	Pasteur	64
Pô-lô-ni-út	Polonius	80, 81, 82,...
Ri-sô	Richaud	31
Rô-den-cran	Rosencrantz	81
Sa-crích	Sacric	62
Sơ-lốc Hôm	Sherlock Holmes	11, 17, 24,...
Su-ri-a-vác-man	Suryavarman	69
Ta Prom	Ta Prohm	68
Uông	Wong	67, 69
Uy-li-am Sếch-xpia	William Shakespeare	79, 80
Vi-xnu	Visnu	69
Xcôt-len	Scotland	11
Xiêm Riệp	Siem Reap	66, 67, 68,...
Y-éc-xanh	Yersin	64

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG

STT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
1	<i>biệt</i>	4, 6, 8	– chia, tách ra, khác nhau – rời, lìa xa – không để lại dấu vết gì – khác, riêng, đặc biệt	– <i>biệt lập</i> (B.6), <i>biệt thự</i> (B.8), <i>khu biệt</i>, <i>loại biệt</i>, <i>phân biệt</i>,... – <i>biệt li</i>, <i>bái biệt</i>, <i>cách biệt</i>, <i>giã biệt</i>, <i>tạm biệt</i>, <i>từ biệt</i>,... – <i>biệt tâm biệt tích</i>, <i>biệt vô âm tín</i>, <i>biệt xứ</i>,... – <i>biệt danh</i>, <i>biệt dược</i>, <i>biệt đãi</i>, <i>biệt động</i>, <i>biệt hiệu</i>, <i>biệt kích</i> (B.4), <i>biệt phái</i>, <i>biệt tài</i>, <i>cá biệt</i>, <i>đặc biệt</i> (B.8), <i>khác biệt</i>,...
2	<i>cam</i>	4	– ngọt – sung sướng – cảm thấy có thể bằng lòng làm việc gì đó	– <i>cam thảo</i>,... – <i>đồng cam cộng khổ</i>, <i>khổ tận cam lai</i>,... – <i>cam tâm</i> (B.4),...
3	<i>chinh</i>	5	– hành trình xa – đánh dẹp, thu phục	– <i>chinh an</i>, <i>chinh yên</i>, <i>trường chinh</i> (B.5),... – <i>chinh phạt</i>, <i>chinh phục</i>, <i>nam chinh bắc chiến</i>, <i>thập tự chinh</i>, <i>viễn chinh</i>, <i>xuất chinh</i>,...
4	<i>cư</i>	4	– ở – chỗ ở	– <i>cư dân</i>, <i>cư ngụ</i>, <i>cư trú</i>, <i>cư xá</i>, <i>ân cư</i>, <i>lưỡng cư</i>, <i>ngụ cư</i>, <i>nguyên cư</i>, <i>nhàn cư</i> vì bất thiện, <i>quần cư</i>, <i>thổ cư</i>,... – <i>an cư lạc nghiệp</i>, <i>chung cư</i>, <i>du canh du cư</i>, <i>định cư</i>, <i>hồi cư</i>, <i>tân cư</i> (B.4),...

(*) Bao gồm các từ ngữ có trong sách giáo khoa và một số từ ngữ thông dụng ở ngoài sách giáo khoa chứa yếu tố được giải thích.

5	<i>dung</i>	6	– chứa – rộng lượng trong cư xử, thu nhận – cho phép – đáng vẻ bề ngoài	– <i>dung</i> lượng, <i>dung</i> nạp, <i>dung</i> thân, <i>dung</i> tích, nội <i>dung</i>,... – bao <i>dung</i>, khoan <i>dung</i>, thu <i>dung</i>; <i>dung</i> tha, <i>dung</i> thứ,... – <i>dung</i> dưỡng, <i>dung</i> túng,... – công <i>dung</i> ngôn hạnh, <i>dung</i> hạnh (B.6), <i>dung</i> mao, <i>dung</i> nhan, <i>dung</i> quang; chân <i>dung</i>, hình <i>dung</i>, tư <i>dung</i> (B.6),...
6	<i>dụng</i>	3, 4	dùng	<i>dụng</i> công, <i>dụng</i> cụ, <i>dụng</i> tâm, <i>dụng</i> tình, <i>dụng</i> võ, <i>dụng</i> ý, áp <i>dụng</i> , bổ <i>dụng</i> , công <i>dụng</i> , dân <i>dụng</i> , đắc <i>dụng</i> , lạm <i>dụng</i> , nhật <i>dụng</i> , phổ <i>dụng</i> , quân <i>dụng</i> , sử <i>dụng</i> , thông <i>dụng</i> , thu <i>dụng</i> , thực <i>dụng</i> , tiện <i>dụng</i> , trọng <i>dụng</i> , trung <i>dụng</i> , tuyền <i>dụng</i> , ứng <i>dụng</i> , vận <i>dụng</i> (B.3), vật <i>dụng</i> , vô <i>dụng</i> (B.4),...
7	<i>duy</i>	4, 9	chỉ, chỉ có	<i>duy</i> cảm, <i>duy</i> danh, <i>duy</i> lí, <i>duy</i> linh, <i>duy</i> ngã, <i>duy</i> nhất (B.4, B.9), <i>duy</i> tâm, <i>duy</i> thần, <i>duy</i> vật,...
8	<i>dự</i>	9	danh tiếng, tiếng khen	danh <i>dự</i> (B.9), vinh <i>dự</i> ,...
9	<i>đáo</i>	3	đến	<i>đáo</i> đề; chu <i>đáo</i> , độc <i>đáo</i> (B.3), thấu <i>đáo</i> ,...
10	<i>đạo</i>	8	– đường – đường lối, nguyên tắc mà con người có bốn phận phải giữ và tuân theo	– đại <i>đạo</i>, địa <i>đạo</i> (B.8), niệu <i>đạo</i>, quỹ <i>đạo</i>, tiền <i>đạo</i>, xích <i>đạo</i>,... – <i>đạo</i> đức, <i>đạo</i> lí, <i>đạo</i> nghĩa, nhân <i>đạo</i>,...
11	<i>đạo</i>	10	– ăn trộm, kẻ trộm – ăn cướp, kẻ cướp	– <i>đạo</i> văn (B.10),... – <i>đạo</i> tặc, cường <i>đạo</i>,...
12	<i>đắc</i>	6	– được (bị, chịu) – trúng, được, hợp – thoả mãn, bằng lòng	– đắc <i>đạo</i>, đắc địa, đắc lộc, đắc thế, đắc thời, đắc tội,... – đắc cử, đắc dụng, đắc lực, đắc sách, độc đắc (B.6), tâm đắc, tương đắc,... – đắc chí, đắc thắng, đắc ý; tự đắc,...

13	<i>đăng</i>	1	– lên, bước lên – ghi vào – in lên báo	– <i>đăng đàn, đăng đường, đăng khoa</i> (B.1), <i>đăng quang</i> ,... – <i>đăng kí, đăng tuyển</i> ,... – <i>đăng báo, đăng tải</i> ,...
14	<i>đình</i>	9	ngừng, dừng lại	<i>đình bản, đình chỉ, đình chiến, đình công</i> (B.9), <i>đình đốn, đình hoãn, đình trệ, điều đình</i> ,...
15	<i>đường</i>	8	nhà, toà nhà lớn	<i>an dưỡng đường, công đường, giáo đường, học đường, huyện đường, khám đường, lễ đường, miếu đường, phủ đường, thánh đường, thiên đường</i> (B.8), <i>tổ đường, tông đường</i> ,...
16	<i>hôn</i>	6	lấy vợ, lấy chồng	<i>hôn lễ, hôn nhân</i> (B.6), <i>hôn sự, hôn thú, hôn ước</i> (B.6), <i>đính hôn</i> (B.6), <i>cầu hôn, kết hôn, li hôn, nghinh hôn, tảo hôn, tân hôn, thành hôn, vị hôn phu</i> (B.6), <i>vị hôn thê</i> ,...
17	<i>khảo</i>	3	– thi, kiểm tra – tra cứu, xem xét	– <i>khảo hạch, khảo thí</i> ,... – <i>khảo chứng, khảo cổ</i> (B.3), <i>khảo cứu, khảo luận, khảo nghiệm, khảo sát</i> ,...
18	<i>kiêu</i>	9	đẹp	<i>kiêu diễm, kiêu nữ, kiêu nương, yêu kiêu</i> (B.9),...
19	<i>lạc</i>	10	vui	<i>lạc cảnh, lạc nghiệp, lạc quan, lạc thú</i> (B.10), <i>an lạc, cực lạc, hoan lạc</i> ,...
20	<i>lập</i>	5, 6, 8	– đứng, thuộc phương thẳng đứng – tạo ra, xây dựng lên – tồn tại, sinh tồn – ngay, tức khắc	– <i>lập phương, lập thể, lập trường</i> ,... – <i>lập công, lập hiến, lập luận, lập nghiêm, lập ngôn, lập pháp, lập quốc, lập thân, lập thế, công lập, dân lập, phê lập, quốc lập, tái lập, thành lập</i> ,... – <i>biệt lập</i> (B.6), <i>cô lập</i> (B.5), <i>đẳng lập, độc lập</i> (B.5, B.8), <i>phân lập, trung lập, tự lập</i> ,... – <i>lập tức</i> ,...

21	<i>mĩ</i>	3, 6, 9	– đẹp – tốt, hoàn thiện, ngon – tên châu lục, tên nước	– <i>mĩ cảm, kĩ công, kĩ dục, kĩ học, kĩ lệ, kĩ miêu</i> (B.9), <i>kĩ nghệ, kĩ nhân</i> (B.6), <i>kĩ nữ, kĩ phẩm, kĩ quan, kĩ thuật, kĩ viện, hoa kĩ, thẩm kĩ, tuyệt kĩ</i> (B.3),... – <i>kĩ mẫn, kĩ tục, kĩ vị; hoàn kĩ,</i>... – <i>châu Mỹ, nước Mỹ,</i>...
22	<i>minh</i>	4	làm rõ	<i>minh oan</i> (B.4), <i>minh chứng, minh triết,</i> ...
23	<i>năng</i>	4	– có thể làm được việc gì đó – công dụng	– <i>năng động, năng khiếu, năng lực, năng suất, bản năng</i> (B.4), <i>khả năng,</i>... – <i>chức năng, công năng,</i>...
24	<i>nghệ</i>	3, 4	– tài năng – nghề	– <i>nghệ nhân, nghệ sĩ</i> (B.3, B.4), <i>nghệ thuật, tài nghệ, văn nghệ, võ nghệ,</i>... – <i>bách nghệ, công nghệ, kĩ nghệ, kĩ nghệ,</i>...
25	<i>nghiệm</i>	5	– xem xét (để xác nhận, chứng minh điều gì đó) – có kết quả	– <i>nghiệm chứng, nghiệm thu, chiêm nghiệm, chứng nghiệm, khám nghiệm, kiểm nghiệm, kinh nghiệm</i> (B.5), <i>suy nghiệm, thử nghiệm, thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, trắc nghiệm, xét nghiệm,</i>... – <i>nghiệm số, hiệu nghiệm, linh nghiệm, vô nghiệm,</i>...
26	<i>ngưỡng</i>	8	– ngẩng lên – kính phục, tôn kính	– <i>ngưỡng vọng,</i>... – <i>ngưỡng mộ</i> (B.8), <i>chiêm ngưỡng</i> (B.8), <i>tín ngưỡng,</i>...
27	<i>phong</i>	2	– gió – không có căn cứ xác thực – cảnh vật hoặc thái độ biểu hiện ra bên ngoài – lễ thói	– <i>phong ba, phong cầm, phong vũ biểu, cuồng phong, truy phong,</i>... – <i>phong thanh,</i>... – <i>phong cảnh</i> (B.2), <i>phong độ, phong lưu, phong nhã, phong quang, phong sắc, phong thái, phong tình, phong tư, phong vận,</i>... – <i>phong tục, thuần phong mĩ tục,</i>...

28	<i>phú</i>	1, 5	giàu có	<i>phú cường, phú gia, phú hào, phú hộ, phú nông, phú ông, phú thương, phú túc (B.1), phú quý (B.1), phong phú (B.5), tỉ phú, trọc phú (B.5), trù phú,...</i>
29	<i>quan</i>	5, 8	– xem, nhìn – cảnh tượng được nhìn thấy – cách xem xét, nhận thức đối với sự vật	– <i>quan sát (B.5), quan sát viên, quan trắc, bàng quan, bì quan, chủ quan, khả quan, khách quan, lạc quan, tham quan (B.8), tổng quan, trực quan,...</i> – <i>cảnh quan, kì quan,...</i> – <i>quan điểm (B.5), quan niệm, nhân sinh quan, thế giới quan,...</i>
30	<i>song</i>	1	đôi	<i>song ca, song hành, song song, song thân, song thất lục bát (B.1), vô song,...</i>
31	<i>tận</i>	9	– hết, kết thúc – toàn bộ	– <i>tận dụng, tận hưởng (B.9), tận thu, bất tận, táng tận lương tâm, tường tận, vô tận,...</i> – <i>tận lực, tận tình, tận tụy,...</i>
32	<i>tham</i>	3, 6, 8, 10	can dự, dự vào, khảo nghiệm	<i>tham chiến (B.8), tham dự, tham gia (B.3, B.6, B.10), tham mưu, tham khảo, tham luận, tham quan (B.8),...</i>
33	<i>thái</i>	3, 10	tình trạng bề ngoài	<i>thái độ, biến thái, động thái, hình thái, phong thái, sắc thái (B.10), sinh thái (B.3), sinh thái học, tình thái, trạng thái,...</i>
34	<i>thám</i>	6	thăm, thăm dò	<i>thám báo, thám hiểm, thám không, thám sát, thám tử (B.6), thám thính, thám xét, do thám, mật thám, trinh thám,...</i>
35	<i>thán</i>	9	than, ca ngợi	<i>thán phục (B.9), thán từ, ca thán, cảm thán, oán thán, tạ thán,...</i>

36	<i>thậm</i>	5	rất, lắm	<i>thậm cấp chí nguy, thậm chí (B.5), thậm tệ, thậm xưng,...</i>
37	<i>thị</i>	6	nhìn, xem, thấy	<i>thị giác, thị lực, thị năng, thị sát, thị thực, cận thị (B.6), giám thị, khinh thị, lão thị, loạn thị, mục sở thị, trọng thị, viễn thị,...</i>
38	<i>thị</i>	7	– chợ – nơi có phố xá và là trung tâm của một vùng	– <i>thị trường, nhất cận thị nhị cận giang, siêu thị,...</i> – <i>thị chính, thị thành (B.7), thị trấn, thị xã; đô thị (B.7), thành thị,...</i>
39	<i>thủ</i>	6	giữ	<i>thủ cựu, thủ hoà, thủ phận, thủ quỹ (B.6), thủ thành, thủ thân, thủ thế, thủ thư, bảo thủ, cố thủ, phòng thủ, trấn thủ, tuân thủ, tử thủ,...</i>
40	<i>thuật</i>	5, 8	phép, cách	<i>thuật ngữ, thuật pháp, thuật toán, ảo thuật, chiến thuật (B.8), dịch thuật, học thuật (B.5), kĩ thuật, kiếm thuật, mĩ thuật, nghệ thuật, pháp thuật, phẫu thuật, quý thuật, thủ thuật, võ thuật, yêu thuật,...</i>
41	<i>thủy</i>	3, 8, 10	đầu, khởi đầu	<i>thủy chung (B.3, B.10), thủy tổ, chung thủy (B.8), khởi thủy, nguyên thủy,...</i>
42	<i>thực</i>	8	– ăn – cái để ăn	– <i>thực đơn, thực phẩm (B.8), thực quản, thực túc binh cường, ẩm thực, bội thực, dĩ thực vi tiên (thiên), tuyệt thực,...</i> – <i>lương thực,...</i>
43	<i>tiềm</i>	5	ẩn chứa, ngầm	<i>tiềm ẩn (B.5), tiềm lực, tiềm tàng, tiềm thức,...</i>
44	<i>tiện</i>	6	– thấp hèn – tự xưng một cách khiêm nhường	– <i>bần tiện, đê tiện, hạ tiện, ti tiện,...</i> – <i>tiện kĩ, tiện nữ, tiện sĩ, tiện thiếp (B.6),...</i>

45	<i>tín</i>	6	– tín – thư	– <i>tín</i> chỉ, <i>tín</i> chủ, <i>tín</i> dụng, <i>tín</i> điều, <i>tín</i> đồ, <i>tín</i> hiệu, <i>tín</i> nghĩa, <i>tín</i> ngưỡng, <i>tín</i> phiếu, <i>ấn tín</i> , <i>bội tín</i> , <i>cuồng tín</i> , <i>mê tín</i> , <i>sùng tín</i> , <i>thân tín</i> , <i>thất tín</i> , <i>uy tín</i> ,... – <i>điện tín</i> , <i>thư tín</i> (B.6),...
46	<i>tòng</i>	6	theo, đi theo	<i>tòng</i> chinh, <i>tòng</i> phạm, <i>tòng</i> phu, <i>tòng</i> quân (B.6), <i>tòng</i> quyền, <i>tòng</i> sự, <i>a tòng</i> , <i>lực bất tòng tâm</i> , <i>phục tòng</i> (<i>tùng</i>), <i>tam tòng</i> , <i>tuỳ tòng</i> ,...
47	<i>tối</i>	8	nhất, rất	<i>tối</i> cao, <i>tối</i> đa (B.8), <i>tối</i> giản, <i>tối</i> hậu thư, <i>tối</i> huệ quốc, <i>tối</i> kị, <i>tối</i> tân, <i>tối</i> thiểu, <i>tối</i> ưu,...
48	<i>tri</i>	5	– biết – trông coi, chủ quản	– <i>tri</i> âm, <i>tri</i> ân, <i>tri</i> giác, <i>tri</i> kỉ (B.5), <i>tri</i> thức (B.5), <i>bất khả tri</i> , <i>bất khả tri</i> luận, <i>lượng tri</i> , <i>thông tri</i> , <i>tiên tri</i> , <i>tương tri</i> , <i>vô tri</i> , <i>vô tri</i> vô giác,... – <i>tri</i> châu, <i>tri</i> huyện, <i>tri</i> phủ, <i>tham tri</i> ,...
49	<i>tư</i>	5, 10	– nghĩ, suy nghĩ – nhớ	– <i>tư</i> biện, <i>tư</i> duy (B.5, B.10), <i>tư</i> lự, <i>tư</i> trào, <i>tư</i> tưởng, <i>suy tư</i> , <i>tâm tư</i> , <i>trầm tư</i> , <i>vô tư</i> ,... – <i>tương tư</i> ,...
50	<i>viên</i>	3	vườn	<i>công viên</i> (B.3), <i>điền viên</i> , <i>hoa viên</i> ,...
51	<i>viên</i>	9	– người, kẻ – đầy đủ, trọn vẹn	– <i>viên</i> chức, <i>viên</i> ngoại, <i>giảng viên</i> (B.9), <i>giáo viên</i> , <i>nhân viên</i> ,... – <i>viên</i> mãn,...

MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách

Bài	Nội dung	Trang
6. Truyện truyền kì và truyện trinh thám	• Yêu cầu cần đạt	3
	• Kiến thức ngữ văn	3
	• Đọc hiểu văn bản	5
	– <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ)	5
	– <i>Vụ cải trang bắt thành</i> (Trích <i>Sơ-lôc Hâm</i> – Đoi-lơ)	11
	• Thực hành tiếng Việt: Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu	17
	• Thực hành đọc hiểu	19
	<i>Đế chọi</i> (Bồ Tùng Linh)	19
	• Viết: Viết truyện kể sáng tạo	23
	• Nói và nghe: Kể một câu chuyện tưởng tượng	26
	• Tự đánh giá	28
	<i>Gói thuốc lá</i> (Thế Lữ)	28
	• Hướng dẫn tự học	32
7. Thơ tám chữ và thơ tự do	• Yêu cầu cần đạt	33
	• Kiến thức ngữ văn	33
	• Đọc hiểu văn bản	36
	– <i>Quê hương</i> (Tế Hanh)	36
	– <i>Bếp lửa</i> (Bằng Việt)	39
	• Thực hành tiếng Việt: Các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần	41
	• Thực hành đọc hiểu	43
	– <i>Chiều xuân</i> (Anh Thơ)	43
	– <i>Nhật kí đô thị hoá</i> (Mai Văn Phấn)	44
	• Viết	46
	– Tập làm thơ tám chữ	46
	– Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ	48

	• Nói và nghe: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến về thơ tám chữ	51
	• Tự đánh giá	53
	<i>Nói với con</i> (Y Phương)	53
	• Hướng dẫn tự học	55
8. Văn bản thông tin	• Yêu cầu cần đạt	56
	• Kiến thức ngữ văn	56
	• Đọc hiểu văn bản	57
	– <i>Quần thể di tích Cố đô Huế</i> (Theo khamphahue.com.vn)	57
	– <i>Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội</i> (Trần Đăng Khoa)	61
	• Thực hành tiếng Việt: Câu rút gọn và câu đặc biệt	65
	• Thực hành đọc hiểu	66
	<i>Đền tháp văn ngũ yên</i> (Theo Quỳnh Trang)	66
	• Viết: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết	70
	• Nói và nghe: Phỏng vấn ngắn	72
	• Tự đánh giá	74
	<i>Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi</i> (Theo special.vietnamplus.vn)	74
	• Hướng dẫn tự học	77
9. Bi kịch và truyện	• Yêu cầu cần đạt	78
	• Kiến thức ngữ văn	78
	• Đọc hiểu văn bản	80
	– <i>Sống, hay không sống?</i> (Trích vở kịch <i>Ham-lét</i> – Sêch-xpia)	80
	– <i>Người thứ bảy</i> (Mu-ra-ka-mi)	86
	• Thực hành tiếng Việt: Sự phát triển của ngôn ngữ: nghĩa mới và từ ngữ mới	92
	• Thực hành đọc hiểu	93
	<i>Đình công và nổi dậy</i> (Trích vở kịch <i>Kim tiền</i> – Vi Huyền Đắc)	93
	• Viết: Phân tích một tác phẩm kịch	98
	• Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống	100
	• Tự đánh giá	102
	<i>Chị tôi</i> (Nguyễn Thị Thu Huệ)	102
	• Hướng dẫn tự học	105

10. Nghị luận văn học	• Yêu cầu cần đạt	106
	• Kiến thức ngữ văn	106
	• Đọc hiểu văn bản	108
	– Nói thêm về “Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Đình Chú)	108
	– Về truyện “Làng” của Kim Lân (Nguyễn Văn Long)	112
	• Thực hành tiếng Việt: Một số lưu ý về trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn	116
	• Thực hành đọc hiểu	117
	Phân tích bài “Khóc Dương Khuê” (Hoàng Hữu Yên)	117
	• Viết: Quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động	121
	• Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự	124
	• Tự đánh giá	126
	Hình ảnh con thuyền, người dân chài trong bài thơ “Quê hương” (Lê Huy Bắc)	126
	• Hướng dẫn tự học	128
Tổng kết về văn học		129
Tổng kết về tiếng Việt		134
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II		141
Sổ tay hướng dẫn đọc, viết, nói và nghe		147
Bảng tra cứu từ ngữ		150
Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		152
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt thông dụng		154

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

*Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

Biên tập:

LÊ THỊ BÍCH HẢO – NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:

PHAN THỊ TÚ UYÊN – VŨ HOÀNG VŨ

Minh họa:

TRẦN ĐỨC BẢO – NGÔ XUÂN KHÔI – NGUYỄN LÂM THAO

Sửa bản in:

NGUYỄN KIM THOA – LÊ THỊ BÍCH HẢO

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 9, tập hai

Mã số:

ISBN:

In cuốn, khổ 19 x 26.5cm, tại

Địa chỉ:

Cơ sở in:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:/QĐ-..... ngày .../.../.....

In xong và nộp lưu chiểu năm

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Ngữ văn 9* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Các bài học chính trong sách được thiết kế theo mô hình tích hợp, lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề, đề tài của văn bản làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (thông qua rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe) đồng thời phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cho học sinh.

Các tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục *Ngữ văn* ở cấp Trung học cơ sở.



**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

